

THÁI BẠCH

# giathoai vanchuong VIỆTNAM



XUÂN THU



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM

Tác giả : THÁI BẠCH

Nhà xuất bản : SÀI GÒN

Năm xuất bản : 1957

-----

Nguồn sách : Thích Đức Châu

Đánh máy : kiqupham

Kiểm tra chính tả : Nguyễn Duy Hỷ, Đào Thị Thu Hòa,  
Ngô Thị Hà, Nguyễn Huệ Trang, Nguyễn Văn Phẩm,  
Hoàng Thị Xoan, nhanni

Biên tập chữ Hán-Nôm : Trần Tú Linh

Biên tập ebook : Thư Vỡ

Ngày hoàn thành : 02/06/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận «  
SỐ HÓA 1000 QUYỀN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG  
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả THÁI BẠCH và nhà xuất bản SÀI GÒN đã  
chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.**

**Ghi chú của nhóm làm ebook :** ký hiệu (...) dùng để thay thế những nơi bản in không rõ chữ và sẽ được biên tập bổ sung khi tìm được bản sách gốc khác rõ hơn. Mong bạn đọc thông cảm cho thiếu sót này.

# MỤC LỤC

LỜI SOẠN GIẢ

LÁI ĐÒ VIỆT-NAM CŨNG CÓ KHÁC

CON AI CON ẤY !... ĐỨA NÀO ĐỨA NÀY !

NHO HỌC VÀ LÃO HỌC CHOẢNG NHAU

SAO ĐỐI THIẾU MỘT CHỮ ?

CỬA ĐẠI HƯNG

SAO NGƯỜI CHẲNG NHỚ LỜI HÀN DỮ ?

NHÀ NHO RẼ NHÀ NHO THỂ ĐẤY !

CHA THÍ SINH, CON GIÁM KHẢO

AI BẢO ĐI CHỌC HỒ XUÂN HƯƠNG ?

BA XUÂN NHO NHỎ

ĐỔ ĐẾN BẢNG-NHỖN, MÀ CHỮ « CHI » KHÔNG BIẾT

HAI BÀI THƠ CON CỐC

NÓI LÁO ĐƯỢC KHEN

CHUYỆN RẰNG CẢN LƯỖI HAY CỐT NHỤC TƯƠNG TÀN

NHỮNG CÁI DỠ CỦA THƠ ĐƯỜNG

VĂN-BÌNH LAI BẮC CỤ

KHI CỤ NGHỀ TÂN ĐẾN...

KHÔNG VIẾT ĐƯỢC LÀ GIỎI

TRÊN CHÓ, DƯỚI CHÓ, TẤT CẢ ĐỀU CHÓ...

TỤC MÀ THANH

ĐỐI TẾT NHÀ HỌ ĐỖ

MỘT ĐẠO CHẲNG HAI ĐƯỜNG

THƯA ÔNG, TÔI PHẠM-ĐÌNH-CHI ?

MỘT CÂU ĐỐI CHUNG THÂN ĐI ĐÁM

THẾ NÀY MỚI HẠ ĐƯỢC QUAN CỬ QUAN NGHỀ  
CHUYỆN NHÀ CÁCH MỆNH LÊ-TRUNG-ĐÌNH  
BÌNH BÌNH TÊ Ơ TƯ SẮC TỬ-QUY QUÝ HÁT Ô HỒ HUYỀN HỒ  
HAI BÀI VĂN TẾ TƯỚNG THỰC-DÂN  
CHÀY ĐỨNG NGHĨA LÀ GÌ ?  
ĐẠI HẠ KHÔNG PHẢI LÀ NHÀ LỚN  
ÔN KỲ NHƯ NGỌC  
KHÔNG CƯỜI CÓ ÔNG THÁNH...  
THƠ « MỪNG » KỂ BÁN NƯỚC  
« VĂN CHƯƠNG » KHẢI-ĐỊNH  
ÁN SÁT THỤ NGỌC LƯƠNG  
BẠC THUỒN CHỤC MỘT CHẾT CHA DÂN  
CON ĐÃ ĐẠM, BỐ CU TỪ  
LOAN PHỤNG HÒA MINH  
THƠ CHÚC BỌN TÀN DÂN HẠI NƯỚC  
QUAN PHỦ CỒNG BÀ ĐẦM  
THI CỬ ÔI THI CỬ !...  
ANH HÙNG SAO LẠI... NẪM QUEO TRONG THUYỀN ?  
VĂN BIA KỶ-NIỆM CHÓ  
TÊN QUAN « CHÓ MÁ LỢN »  
MUỐN SỐNG THÌ CHỪA...  
HOÀNG TRÙNG ĐI VI TRÙNG LẠI.  
SÓNG ĐÔNG-HẢI, TRÚC NAM-SƠN  
THÚY-KIỀU HAY QUỐC-TRƯỜNG ?  
HỒ HẢI QUY TÂM  
THI GIA HỒ-BIỂU-CHÁNH  
LỜI BẠT

**THÁI BẠCH**  
**GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG**  
**VIỆT-NAM**

## CẢM Ề

*Canh khuya leo lắt ngọn đèn tà,  
Hết nghĩ gần thôi lại nghĩ xa,  
Yêu ghét vui buồn vô hạn cảm,  
Quan hoài chạnh nỗi nước non ta  
Tắc lòng thiên cổ chuyện văn chương.  
Ai hỏi nhà văn hãy nhớ gương.  
Gặp buổi nhiều nhưng ngòi bút phải  
Nêu cao chính nghĩa diệt sài lang...*

**Gia-Định, tháng giêng năm Mậu Tuất**

**1958**

**HUYỀN MẶC ĐẠO NHÂN**



# LỜI SOẠN GIẢ

*Giai thoại là những chuyện hay và lạ được truyền tụng phổ thông trong khắp các tầng lớp nhân dân.*

*Cùng với các chuyện cổ tích, tiểu lâm và phong dao, tục ngữ, giai thoại cũng là một sản phẩm văn nghệ biểu hiện cho tình cảm và nếp sống của dân tộc. Nhưng khác hơn, giai thoại là những chuyện có thật, nghĩa là xuất phát từ sự thật, từ những nhân vật có tên tuổi và sự kiện rõ ràng.*

*Ở các dân tộc trên thế giới, dân tộc nào cũng có những giai thoại, như Trung-Quốc có « Thanh-Hoa Sử-Ký », Pháp có tập « Les Parfums humains ». Những quyển đó chẳng những được lưu hành bất tận trong nhân dân mà còn được đưa vào chương trình giáo dục, không phân biệt ở một lớp nào hay một giai cấp xã hội nào vì tính chất đặc biệt của nó, không những chỉ vui thích hấp dẫn mà còn có tác dụng bổ ích cho tinh thần và học vấn.*

*Dân tộc Việt-Nam có giai thoại không ?*

*Một nước hơn bốn nghìn năm văn hiến và võ công, tại sao lại không có.*

*Nhưng trong thời gian qua, bởi quan niệm bụt chùa nhà không thiêng, nên các ông Nho học thì đi tìm giai thoại ở Trung-quốc, các ông Tây học thì đi tìm ở Pháp, rồi ở Nhật, ở Anh, ở Mỹ và ở Đức, cũng có ông Tây-Nho xáo trộn, đi tìm ở tất cả Đông, Tây. Ao nhà tuy trong không kém gì ao người, nhưng mấy ai chịu tắm !*

Với sứ mệnh văn nghệ hiện thời là sứ mệnh của con đường văn nghệ dân tộc, chúng tôi nhận thấy, chính (...) thiếu sót (...) phải được bổ khuyết (...) giai thoại về văn chương.

### **GIAI-THOẠI VĂN-CHƯƠNG LÀ GÌ ?**

Là những chuyện hay, chuyện vui và lạ về văn-chương, có bổ ích cho việc xây dựng và phát triển văn nghệ nói riêng, và tinh thần dân tộc nói chung.

Các nhà trí thức,  
Các nhà công thương,  
Các anh em lao động và nông dân,  
Các cô cậu học sinh,

Nghe đến giai thoại, đọc đến **Giai-thoại văn-chương** hỏi ai mà không thích, vì chính đó là vốn rất quý trong kho tàng văn nghệ của cả một dân tộc. Đặc biệt qua **Giai-thoại văn-chương** chúng ta còn nhận thấy ra được phần nào về đời sống và tính tình đặc biệt của mỗi một văn nhân tiền bối.

Vì thế, chúng tôi xin sưu tầm và gom thành tập này để hiến quý bạn đọc.

**Giai-Thoại Văn-Chương Việt-Nam** có rất nhiều, một vài người lẽ tất nhiên làm sao mà sưu tầm được hết. Nhưng được bao nhiêu hay bấy nhiêu, có còn hơn không, công việc mới, chúng tôi xin đi lần và sẽ cố gắng để làm được như ý.

Bước đầu tiên của chúng tôi khởi sao không có những sơ xuất. Vậy mong quý bạn đọc lượng thứ và giúp đỡ :

**MỘT CÂY LÀM CHẮNG NÊN NON**

**BA CÂY CHỤM LẠI NÊN HÒN NÚI CAO**

**Sài-Thành, Xuân Đinh-Dậu, 1957**

**Soạn-giả**

**THÁI BẠCH**

# LÁI ĐÒ VIỆT-NAM CŨNG CÓ KHÁC

Nói đến giai-thoại văn-chương Việt-Nam, trước hết chúng ta phải nói đến chuyện một nhà thơ giả làm lái đò chở sứ Trung-quốc đi.

Chuyện này không phải là chuyện bịa đặt như chuyện Cống-Quỳnh đâu, mà nói có sách, mách có chứng rõ ràng. Sự tích còn ghi trong lịch-sử của con Hồng cháu Lạc từ đời Lê-Đại-Hành.

Năm 907, vua nhà Tống bên Trung-quốc sai sứ là Lý-Giác sang. Nghe tiếng họ Lý là người nổi tiếng về văn thơ, vua Đại-Hành liền sai nhà sư Đỗ-Thuận cải trang giả làm lái đò ra đón ở bến đò Sách-giang.

Khi bước chân xuống đò, Lý-Giác thấy trên mặt sông có hai con ngỗng liền cao hứng đọc lên hai câu :

*Nga nga lưỡng nga nga, 鵝鵝兩鵝鵝*

*Ngưỡng diện hướng thiên nha. 仰面向天涯*

Lý-Giác vừa đọc xong thì anh lái đò cũng đọc tiếp ngay rằng :

*Bạch mao phô lục thủy, 白毛鋪綠水*

*Hồng trạo bãi thanh ba. 紅掉擺青波*

Họ Lý tưởng mình là thơ hay, nhân-vật nước Nam đâu có ai sánh được và hai câu của mình là tuyệt tác, là đủ rồi. Nhưng không ngờ anh lái đò này lại thơ hay hơn mình. Phải có hai câu của anh, bài thơ con ngỗng mới thành được bài thơ tứ tuyệt đáng giá :

*Nga nga lưỡng nga nga,  
Ngưỡng diện hướng thiên nha.  
Bạch mao phô lục thủy,  
Hồng trạo bãi thanh ba.*

Xin tạm dịch :

*Một đôi ngỗng xinh xinh,  
Ngửa mặt nhìn trời thình.  
Lông trắng pha nước biếc,  
Chèo hồng quây sóng xanh.*

Thật là cả ý lẫn lời không kém gì những bài thơ hay của đời Hán đời Đường.

Họ Lý nghe xong phải cả thẹn và giựt mình, trên đường đi từ bến Sách-giang đến Tràng-An, kinh-đô vua Đại-Hành, sứ-giả của đất con Trời không còn dám hiu hiu tự đắc, khoe khoang văn tự nữa. Người nước Nam đến cả những anh chèo đò còn tài hoa như vậy, huống chi những người tai mắt ở những nơi miếu đường.

Chính cũng do đó, mà Lý-Giác phải kính trọng vua Lê-Đại-Hành cũng như kính trọng vua nhà Tống và rất có cảm tình với Việt-Nam vì căn cứ vào việc trên, họ Lý cho rằng nước ta tuy nhỏ, nhưng thật là văn hiến chi bang.

Chẳng những thế thôi, trên đường đi, họ Lý lại còn mến phục cả anh lái đò, nhận anh là một làng thơ, nên khi tới sứ quán mới làm một bài Đường luật cho anh lái giả để tỏ tâm sự kính trọng nhà vua và mến nước Nam ta :

*Hạnh ngộ minh thi tán thịnh du,*

*Nhất thân nhị độ sứ Giao-chu.  
Đông-đô lưỡng biệt tâm vưu luyến,  
Nam-Việt thiên trùng vọng vị hưu,  
Mã đạp yên vân xuyên lãng thạch,  
Xa từ thanh chướng phiếm trường lưu,  
Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu,  
Khê đàm ba tỉnh hiện thiềm thu.*

辛遇明辰贊盛猷  
一身二度使交州  
東都兩別心尤慙  
南越千重望未休  
馬踏煙雲穿浪石  
車辭青嶂泛長流  
天外有天應遠照  
溪潭波靜見蟾秋

Nghĩa là :

*May mắn gặp thời ruổi vó câu,  
Một mình hai chuyến xứ Giao-châu.  
Đông-đô cảm cảnh đôi lần biệt,  
Nam-Việt ghi tình mấy dặm sâu,  
Vó ngựa đạp non mây mờ dấu,  
Vòng xe lăn núi, nước khe sâu.  
Ngoài trời còn trời soi sáng nữa,  
Khe lặng đắm trong bóng nguyệt châu.*

Sự tích trên đây là một giai thoại văn chương giữa sứ giả nhà Tống bên Trung-quốc và nhà sư Đỗ-Thuận đời Lê. Nhưng qua đó, chúng tôi nhận thấy rằng, nền văn học nước ta tuy

sang đến đời nhà Lý mới có tổ chức và thi cử. Song ngay từ đời Lê-Đại-Hành việc học ở trong nước đã thịnh, và đã có những câu thơ rất già dặn, bóng bẩy làm cho nước ngoài phải kính phục. Và các nhà tu hồi đó cũng khác với nhà tu bây giờ vậy.

# CON AI CON ẤY !... ĐÚA NÀO ĐÚA NÀY !

Các ông Nho-học thường không ngớt ca tụng bên Trung-quốc có những bậc thần đồng như Vương-Bột đời Đường mới 16 tuổi đã văn-chương nổi tiếng lừng lẫy.

Các ông Tây-học cũng luôn miệng khen các nhi đồng Âu, Mỹ có cậu mới hơn 10 tuổi đã làm toán rất tài, và như Beethoven, thì tuyệt, mới 6, 7 tuổi đã khét danh âm nhạc.

Đối với các cậu thần đồng ấy, hỏi ai không phải lấy làm lạ, và mẩn phục. Nhưng ở nước Nam ta đâu phải không có những hạng người như thế, mà còn hơn thế nữa. Thí-dụ như Trạng-nguyên Nguyễn-Hiền ở đời Trần, tục gọi là Trạng Non.

Hiền thi đỗ lúc mới 13 tuổi. Khi vào triều kiến, nhà vua hỏi : *Trạng học ai ?*

Nguyễn-Hiền tâu : *Thần học thần.*

Nhà vua cho Trạng tuổi còn non, chưa biết lễ, nên bảo về nhà học thêm ít năm rồi sẽ ra làm quan.

Nguyễn-Hiền về được ít tháng, sứ-giả Trung-quốc đem sang một bức thư nhờ nước Nam giảng hộ bốn câu thơ :

*Lưỡng nhật bình đầu nhật, 兩日平頭日*

*Tứ san điên đảo san. 四山顛倒山*

*Lưỡng vương tranh nhất quốc, 兩王爭一國*

*Tứ khẩu tung hoành giang. 四口從橫江*

Đọc 4 câu thơ, các triều thần không ai biết nghĩa lý gì.



Nhà vua phải sai sứ đi mời Trạng Nguyễn-Hiền vào hỏi.

Khi sứ giả tới làng, gặp một đứa nhỏ rất khôi ngô đang chơi ở ngoài đường. Sứ giả lại hỏi thăm nhà Nguyễn-Hiền, xong ngâm rằng :

*Tự là chữ, bỏ đẳng đầu chữ tử là con, con ai con ấy.* <sup>1</sup>

Sứ-giả đọc xong, đứa nhỏ ứng khẩu đối lại ngay :

*Vu là chưng, cắt ngang lưng chữ đình là đứa, đứa nào đứa này.* <sup>2</sup>

Sứ giả giật mình muốn hỏi, nhưng đứa trẻ đã ù chạy. Khi sứ giả tới nhà mới biết cậu ta là Nguyễn-Hiền. Thấy Nguyễn-Hiền đang hý hoáy trong bếp, sứ giả đọc : *Ngô văn quân tử viễn bào trù, hà vi cận tảo.* 吾聞君子遠庖廚何為近竈. Nghĩa là ta nghe người quân-tử phải xa nơi bếp núc, mà sao lại gần chỗ ông tảo.

Nguyễn-Hiền đáp : *Ngã bản dĩ quan cư đình nại, khả tạm điều canh.* 我本以官居鼎鼐可暫調羹. Nghĩa là chức ta đáng lẽ phải ở nơi sanh vạc (chức tể-tướng) nhưng mà hãy tạm nấu canh đây.

Sứ giả đưa chiếu vua vời ra, Nguyễn-Hiền không chịu đi, bảo :

- Ông hãy trở về tâu với thiên tử, ngày trước thiên tử chê tôi là kém lẽ không dùng. Tôi nghĩ thiên tử chắc hẳn phải nhiều lẽ hơn tôi. Nhưng sao bữa nay cho ông đi vời tôi lại không có mao việt. Tôi không đi, chừng nào thiên tử lấy lẽ cho vời tôi mới tới.

Sứ giả về tâu, nhà vua phải sai lính lấy kiệu và cờ quạt,

dùng đúng nghi lễ Trạng-Nguyên đến mời, Nguyễn-Hiền mới chịu đi.

Tới nơi, nhà vua đem 4 câu thơ ra, Nguyễn-Hiền lấy bút viết lên chữ « điền » và nói : *Tất cả 4 câu này cũng chỉ là một chữ « điền » thôi.*

Sứ giả Trung-quốc thấy Nguyễn-Hiền giảng được phải phục nước Nam có người giỏi, và không dứt lời khen họ Nguyễn là một bậc thông minh kỳ dị.

Nguyễn-Hiền ra về, nhà vua định ít năm sẽ vời ra làm quan. Nhưng chưa kịp thì ông đã từ trần.

Đó, các bạn thấy chưa ?

Phải đâu là nước Nam mình xưa không có những người thông minh tài giỏi rất sớm như bên Trung-quốc và các nước Âu-Mỹ.

Nếu các bạn còn nghi hoặc, còn chưa tin lời nói của chúng tôi là đúng, và chuyện trên này là không có thì xin hãy lần lại bộ sử của nước nhà, và xin đọc tiếp những chuyện sau về sự tích của các ông Vũ-Công-Duệ, Lương-Hữu-Khánh, Lê-Quý-Đôn, v.v...

# NHO HỌC VÀ LÃO HỌC CHOẢNG NHAU

Từ trước đến nay, chúng ta đã nghe rất nhiều chuyện giữa các cụ Nho-học và Lão-học, Phật-học chế giễu công kích nhau. Nhưng thật ra chưa có chuyện nào đáng kể là hay bằng câu chuyện dưới đây của cụ Trạng-nguyên Lương-Thế-Vinh, người làng Cao-hương, huyện Vụ-bản, tỉnh Nam-định. Cụ thi đỗ từ năm mới 23 tuổi, về đời vua Thánh-Tôn nhà Lê, tục gọi là Trạng Lường.

Hồi cụ còn là một thư sinh, trong làng có một ông thầy pháp. Ông này cũng khá gọi là một tay văn chương sành sỏi, và lại có tài vẽ họa nữa.

Bởi tánh ghét đạo Khổng và tôn sùng đạo Lão, đạo Phật, nên ông vẽ một bức tranh hai ông Thích-Ca và Lão-Tử ngồi nói chuyện trên ván còn ông Khổng Tử thì quỳ ở dưới đất.

Bức tranh này, ông treo ngay giữa gian nhà khách để chế các cụ đồ. Các cụ trong làng, ai nấy đều bực mình về bức họa của ông, xem như một cái gai ở trước mắt, nhưng không biết làm sao mà gỡ.

Một hôm, cậu thư sinh họ Lương đến chơi.

Muốn thử tài cậu vì nghe tiếng cậu là một đứa bé rất thông minh, ông thầy pháp chỉ lên bức tranh và bảo cậu đề cho một bài thơ.

Bút mực đem ra, bức tranh được hạ xuống, cậu Lương sẵn tay áo viết liền :

*Thích-Ca tụng đạo, 釋迦誦道*

*Lão-Tử cầu kinh. 老子求經*  
*Khổng-Tử văn chi, 孔子聞之*  
*Tiểu-nhi trụy địa. 笑而墜地*

Nghĩa là :

*Ông Thích-Ca tụng đạo,*  
*Ông Lão-Tử cầu kinh,*  
*Ông Khổng-Tử nghe nói,*  
*Tức cười lăn xuống đất.*

Cậu viết đến câu thứ ba, ông thầy pháp xem bộ vẫn còn vẻ hiu hiu tự đắc, nhưng đến câu kết tức câu thứ tư thì thầy tím hần ngay mặt lại.

Ông Thích-Ca với ông Lão-Tử ngồi nói chuyện với nhau mà đến nỗi ông Khổng-Tử phải cười lăn xuống đất thì còn gì tẻ bẻ.

Bức tranh vẽ thật công phu và dụng ý, ấy thế mà chỉ bốn câu, cậu thư sinh họ Lương xoay trái ngay hần lại, làm thành một bức tranh xé bỏ, để vào như thế thì còn mặt mũi nào mà chưng lên nhà khách nữa.

Kể ra bức tranh ấy, nhà thầy cũng đã nghĩ nát ruột và cũng thật là một quả bom ném vào các cụ nhà Nho ta. Nhưng không dè cậu thư sinh họ Lương lại khôn ngoan đáo để, nắm ngay gậy mình để đập vào lưng mình như vậy.

Song ai bảo chọc vào tự do tín ngưỡng làm gì, để rồi lại tự tay mình chọc mắt mình.

Chuyện này thật đáng làm răn cho những kẻ còn đầu óc chủ quan và hay gây thành kiến ở đời.

Nghe sự tích này, ngoài việc phục tài cụ trạng Lương-Thế-Vinh ra, còn có nhiều người khen ông thầy pháp về cái tài vẽ bức tranh trên. Riêng tôi, tôi cũng biểu đồng tình, nhưng phải lên án ông ta là đã chơi một cách mất tình đoàn kết vậy.

## SAO ĐỐI THIẾU MỘT CHỮ ?

Trong các văn nhân tiền bối của nước ta như các cụ Mạc-Đĩnh-Chi, Nguyễn-Hiền, Lương-Thế-Vinh, cụ nào cũng thông minh và làm cho mọi người phải kính phục từ lúc còn để chỏm.

Nhưng kỳ lạ hơn hết, thật không ai bằng cụ Trạng Vũ-Công-Duệ. Người làng Trình-xá tỉnh Sơn-tây, mới ngoài 20 tuổi Công-Duệ đã thi đỗ Trạng-nguyên, làm chức Đô-ngự-sử cuối đời nhà Lê. Tánh khí cương trực, các quan văn võ mọi người đều kính sợ.

Khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, Công Duệ cương quyết không theo bọn nghịch thần. Cụ chửi mắng Mạc-Đăng-Dung thậm tệ, rồi ôm ấn nhảy xuống cửa Thần-phù tự tử.

Thuở nhỏ Công-Duệ nhà nghèo, một hôm cha mẹ đi vắng, có người đến đòi nợ hỏi : *Cha màỵ đâu ?*

Duệ trả lời : *Cha tôi đi giết người.*

Người đòi nợ lại hỏi : *Mẹ màỵ đâu ?*

Duệ trả lời : *Mẹ tôi đi cứu người.*

Người đòi nợ lấy làm lạ hết sức, hỏi vặn mãi. Duệ bảo có chịu mất gì mới nói cho mà biết.

Người đòi nợ bảo : *Màỵ cứ nói thật đi, tại sao cha màỵ đi giết người, mẹ màỵ đi cứu người, rồi ta sẽ tha nợ cho nhà màỵ.*

Nghe nói, Duệ lấy một cục đất sét dẻo, bảo người đòi nợ

in tay vào làm chứng.

Sẵn tánh tò mò, người này cũng in ngón tay vào. In xong Duệ nói : Này nhé, cha tôi đi giết người tức là đi nhổ mạ, còn mẹ tôi đi cứu người tức là đi cấy đó.

Người đòi nợ lấy làm lạ, anh ta ra về và hôm sau lại đến đòi. Công-Duệ cầm cục đất sét trước ra và nói : Tay ông còn ký vào đây, sao ông còn đòi nữa ?

Người đòi nợ không biết nói sao, lại phục về cái thông minh lạ lùng nên khuyên cha mẹ Duệ cho con đi học và giúp số tiền ấy.

Chuyện này đã lấy làm lạ, và đến chuyện sau này mới là một chuyện lạ lùng thật không ngờ trong số người Việt-Nam lại có những cậu bé thông minh kỳ dị đến thế.

Một bữa nọ cùng mấy đứa trẻ đi học chơi trên đường cái. Công-Duệ lấy đất nặn thành một con voi, bắt hai con bướm làm hai tai, bắt một con đĩa làm vòi và lấy bốn con cua làm chân. Thành ra voi biết đi, biết vẫy hai tai và co vòi lên xuống.

Lúc đó, một vị quan cưỡi ngựa đi qua đấy thấy lạ, liền ngừng lại xuống xem và bảo : *Mày đã đi học rồi, vậy ta ra cho câu đối, đối được, ta sẽ thưởng tiền cho.*

Duệ trả lời được, vị quan ra :

*Đồng tử lục thất nhân, vô như nhĩ sảo.*

童子六七人無知爾巧

Nghĩa là : *Trẻ nít sáu bảy em, không ai hơn mày khéo.*

Duệ hỏi : *Thế ông là gì đã ?*

Vị quan trả lời : *Ta là Lang-Trung mỗi tháng ăn hai ngàn thạch lúa.*

Quan nói xong, Duệ ứng khẩu đối :

*Lang-Trung nhị thiên thạch, mặc nhược công...*

郎中二十石莫若公...

Nghĩa là : *Quan Lang hai ngàn thạch, chẳng ai bằng ông...*

Quan hỏi : Tại sao mà lại đối thiếu mất một chữ ?

Duệ trả lời : Còn một chữ, tôi để dành, hễ quan lớn thưởng tiền thật thì tôi đối là liêm 廉, bằng không, thì tôi đối làm tham 貪.

Vị quan nghe nói phải phục tài và thưởng cho để lấy chữ « *Lang Trung nhị thiên thạch, mặc nhược công liêm* » nghĩa là « *quan lang hai ngàn thạch, không ai bằng ông liêm* ».

Nghe kể sự tích, có người bảo phải Công Duệ sinh ở thời này thì chắc chắn thanh danh và sự nghiệp phải khét tiếng hoàn cầu, nếu là nhà bác học thì hẳn không chịu nhường bước các nhà sáng chế ra nguyên tử lực và kinh khí. Thiết nghĩ không phải là ngoa.



# CỬA ĐẠI HƯNG

Người ta thường nói đa số nhà Nho khí tiết là những kẻ nông nghênh. Xét ra cũng chẳng phải ngoa gì, nhưng nông mà đến như ông Nguyễn-Thế-Nghi mới thật là cái nông đáng phục mà cũng là cái nông ít có, vì cái nông của ông không phải là cái nông đối với những kẻ xung quanh, hoặc kém mình, hoặc ngang, hay có hơn cũng chẳng đáng bao nhiêu, mà là cái nông để đối với một người cầm đầu cả bang dân thiên hạ.

Ông Nghi sinh vào thời Lê-Thánh-Tôn, người làng Mộ-Trạch tỉnh Hải-Dương, là em ruột của Đàm-Quốc-Công Nguyễn-Thế-Ân và là chú phò mã Nguyễn-Thế-Tứ.

Ông Nghi có tính bừa bãi, nhưng chí khí cao thượng, văn hay chữ tốt, và rất sở trường về thi phú quốc âm. Năm 15 tuổi ông thi đỗ Cống-sinh. Theo lệ thời ấy, các thí sinh trúng tuyển vào tạ quan trường thì mặc áo lam và đội mũ lam, nhưng ông Nghi lại chơi cắc có mặc áo màu hồng thêu đuôi quạ. Quan trường khó chịu lắm, nhưng vì e nể quốc công nên bỏ qua.

Đỗ rồi, ông Nghi chưa kịp đi làm quan thì nhà Lê bị nhà Mạc cướp ngôi. Ông giữ khí tiết lánh nhà Mạc vào ẩn ở trong chùa Trường An. Vì là bạn chơi thân từ lúc còn nhỏ, nên vua Mạc là Mạc Đăng Dung cho đi tìm ông để mời ra làm quan. Tìm mãi mới được, nhưng phong gì ông cũng từ chối, chỉ xin ban cho một danh hiệu.

Đăng-Dung hỏi danh hiệu gì.

Ông Nghi chỉ xin ban cho danh hiệu là Đại Hưng.

Đại Hưng là tên của Nam-thành lúc ấy, lẽ ra không được nhưng Đẳng Dung cũng sắc ban cho ông làm tước Đại-Hưng hầu.

Được danh hiệu ấy rồi ông liền làm một câu thơ Nôm để ngâm nga và đề ngay vào phía tả cửa Đại Hưng :

*Ai hùng ai ấy nhưng nhăng  
Nào ai đến cửa Đại Hưng cũng luồn.*

Đẳng Dung thấy thế biết ông bạn cố ý xỏ, tự khoe là ngồi trên cả mình, nhưng cũng mặc. Các quan đề nghị xóa đi, Đẳng-Dung vốn biết ông là người nông nên cứ bảo để vậy, thành khi sứ Tàu sang phong vương, thấy câu ấy, họ không chịu qua, các triều thần phải hết sức cắt nghĩa cho đó là chữ của một cường sĩ đề vào lâu rồi, họ mới nghe ra mà thôi không đòi cạo.

Sau đó, ông Nghi đi tu ở chùa Trường-lạc, nhưng tu mà ông vẫn để tóc, uống rượu ăn thịt và lấy vợ. Có kẻ bảo : *Thế thì còn tu cái nghĩa lý gì nữa ?*

Ông phản đối đáp ngay : *Ta tu là tu tâm dưỡng tánh, Phật bảo tu là thế, có đâu bắt tu phải ăn chay và gõ mõ tụng kinh, ăn chay niệm Phật hỏi bằng ở thật làm lành không ?*

Kể ông cũng là tay nông đã vang bóng một thời, và nông để đối với một ông hoàng đế thì cũng là cái nông hiếm có.

Nhắc lại câu chuyện này, có kẻ chê cái nông ấy không ích lợi gì cả. Nhưng than ôi ! Nếu ở cái thế gian này mà chưa

làm cỏ được hết bọn ra luồn vào cúi, bọn theo đóm ăn tàn, bọn mượn gió bẻ măng, v.v... thì con người nông ấy nếu sống vẫn còn đáng đứng trên đầu và nhổ vào mặt vô số kẻ...

# SAO NGƯỜI CHẴNG NHỚ LỜI HÀN DỮ ?

Kể các danh nhân ở nước ta, người đáng để vào hàng nghèo khổ nhất trong lúc thiếu thời là ông Lương-Hữu-Khánh Binh-bộ thượng thư đời nhà Lê trung-hưng.

Ông người làng Hội-trào, tỉnh Thanh-Hóa, con cụ bảng nhỡn Lương-Đắc-Bằng. Khi cụ Đắc-Bằng tạ thế, Hữu-Khánh còn nằm trong bụng mẹ. Bởi cha mất sớm, nên ông bị cảnh nghèo khổ ngay lúc oa oa chào đời.

Nhà nghèo, Hữu-Khánh lại ăn nhiều, ấy mới thật là khổ. Vì thế thân mẫu ông thường phải nhịn đói để nuôi con.

Ông học rất thông minh, năm lên mười tuổi đã làm thơ rất hay.

Một hôm ông qua bến Tam-Kỳ, cùng một chuyến đò với ba nhà sư đi làm đám về đêm theo vô số oản chuối. Hữu-Khánh lại xin lộc nhà Phật, nhà sư lấy cho mấy phẩm oản và ba trái chuối. Ông từ chối không nhận, nói : *Học trò nghèo nhịn đói mấy hôm, mà bố thí như vậy thì chẳng bố dánh mép.*

Thấy xưng là học trò, nhà sư bảo Hữu-Khánh làm một bài thơ tức cảnh « một học trò và 3 nhà sư đi cùng một chuyến đò ». Hễ chưa đến bến đã xong thì có bao nhiêu thưởng hết.

Hữu-Khánh vâng lời, thuyền chưa đến bến đã xong một bài thơ như sau :

*Một hòm kinh sử níp kim cương.*

*Người tớ cùng sang một chuyến dương.*

*Đám hội đàn chay người đủng đỉnh,*

*Sân Trình của Khổng tử nghênh ngang.  
Sao người chẳng nhớ lời Hàn-Dũ ?  
Đây tớ còn cầm chuyện Thủy-Hoàng.  
Một chốc lên bờ đà tiễn biệt,  
Người thì nên Phật tớ nên sang.*

Bài thơ này Hữu-Khánh tả sát với đầu đề tức cảnh, tự đề cao mình là môn đệ trung thành của đạo Khổng nên nghĩ còn giận Tần-Thủy-Hoàng đốt sách chôn học trò, và đả kích nhà sư sao không nhớ lời Hàn-Dũ danh nho xưa cho đạo Phật là tà thuyết dị đoan.

Tuy thế các nhà sư vẫn không tự ái và cho đó là khí phách anh hùng của kẻ sĩ xưa nay. Các nhà sư cho là hay và phục nhất là hai câu luận :

*Sao người chẳng nhớ lời Hàn-Dũ ?  
Đây tớ còn cầm chuyện Thủy-Hoàng.*

Có tất cả gần 100 oản chuối của nhà sư thưởng, Hữu-Khánh ngồi ăn một lúc hết. Mọi người trong thuyền ai nấy đều kinh dị. Hữu-Khánh ăn xong, các nhà sư lại thưởng thêm ít quan tiền.

Khi tới bến, nhà sư muốn nhận Hữu-Khánh về nuôi cho ăn học. Nhưng ông từ chối.

Đọc chuyện, các trí giả ai cũng phải khen ba nhà sư thiệt đáng là những vị tu hành, chứ không như những kẻ tầm thường hể động đến mình là dùng dùng tự ái nổi lên. Và khen Hữu-Khánh chẳng những thơ hay, xuất khẩu thành chương thôi, mà đặc biệt còn ở chỗ có khí phách hơn người, không vì miếng ăn mà đầu hàng tư tưởng, hạ thấp phẩm giá con người

văn chương xuống.

Kẻ viết bài này, nghĩ thật chẳng bù cho những cây bút mới ngửi hơi đồng đã tối đen hần cả lòng và mắt lại.

# NHÀ NHO RỂ NHÀ NHO THẾ ĐÂY !

Các cụ nhà Nho của nước ta xưa, thường hay kén rể là những chàng văn hay chữ giỏi. Các cụ khó với con cái với dâu rể lắm, nhưng đôi khi vẫn phải gác cái khó chịu của cá nhân ra một bên, nhất là khi gặp những chàng rể khó chịu, chẳng hạn chàng rể như rể Hà-Tôn-Huân mà mỗi khi trà dư tửu hậu, các cụ lại đem ra kể và cho đó là câu chuyện thích thú.

Hà-Tôn-Huân là người thời vua Lê chúa Trịnh, đỗ bằng nhỡn khoa Giáp-Thìn đời vua Lê-Dụ-Tôn (1706-1729) người xã Kim-thành huyện An-định, tỉnh Hải-dương. Tục truyền thuở nhỏ ông rất nghèo, nhưng cũng rất thông minh mắn tiếp.

Khi đến tuổi trưởng thành, ông tới tập văn tại trường một cụ đồ trong làng. Cụ đồ có cô con gái đẹp cũng xấp xỉ tuổi của cậu Huân. Một hôm cụ sai cậu xuống bếp đốt đóm lên cho thầy hút thuốc lào. Sẵn thấy trên bếp có nồi tôm đã chín, cậu nhìn xung quanh không thấy ai, liền bốc vụng mấy con ăn cho đỡ thèm. Cậu đang nhai, con gái cụ bắt gặp, cô hăm dọa mách thầy, cậu năn nỉ xin tha, cô ra điều kiện : Nếu anh đối được câu đối này thì tôi sẽ bỏ qua.

Cậu Huân đáp : Được, xin cô cứ ra.

Cô nọ đọc :

*Hà tại hũ trung bị hoàng bào cúc cung như dã.*

蝦在甕中被黃袍鞠躬如也

Nghĩa là « con tôm ở trong nồi, mặc áo vàng, khóm nóm

như vậy », tuy tả con tôm mà ngụ ý là tả cái hình dáng khóm nóm của anh chàng ăn vụng.

Cậu không thấy có cảnh gì đối lại nên đánh nước « hoãn binh » bằng cách xin đem lửa lên cho thầy rồi sẽ xuống để đối. Khi lên, cụ đồ lại sai cậu ra bể nước lấy nước mài son để chấm bài. Tới bể, cậu chợt thấy con ếch mới nhảy vào, liền nhân cảnh nghĩ ra vế đối, tức thì chạy vào trong bếp xin đối trước mặt người con gái thầy. Cậu đối rằng :

*Oa tàng tỉnh để quả thành y, mỹ mục miện hề.*<sup>3</sup>

蛙藏井底掛青衣美目盼兮

Nghĩa là « con ếch nằm dưới giếng, mặc áo xanh, mắt liếc đẹp thay » tuy tả con ếch nhưng ngụ ý tả vẻ tình tứ của cô gái.

Cụ đồ ngồi trên nhà ngó thấy, cho là con gái với học trò có chuyện gì thất giáo, nên gọi cả hai lên để hỏi. Cả hai phải trình bày sự thật. Cụ khen câu đối hay, nên chẳng những tha không đánh, lại tự tác thành cho nên đôi vợ chồng, vì biết cậu ta thế nào cũng thi đỗ để làm nên sự nghiệp.

Vì nhà cậu Huân nghèo nên cụ cho ở rể để tiện việc học hành. Nhưng từ khi làm rể nhà cụ, cậu lại đâm ra lười biếng và hay đi cờ bạc.

Một hôm cậu nằm xem sách rồi công khai gối đầu lên đùi vợ ngủ mất, cụ nhạc bắt được, cho gọi cậu lên trách và ra một câu đối :

*Giường ngọc sao dám nương mình đức Khổng*<sup>4</sup>

Nếu không đối được sẽ bị đòn, cậu đối ngay :



*Gối ngà còn đang dờ mộng ông Chu* <sup>5</sup>

Cụ lại tha. Hôm khác cậu trốn đi đánh bạc. Cụ sai người đi tìm. Trên đường về cậu gặp cụ đang đứng xem cầy ở bờ ruộng, cụ giận quá toan đánh, nhưng nghĩ thương tình lại ra cho câu đối :

*Học bác tài xa, dự nhập tứ môn chi tuyển.*

學博才奢預入四門之選

Nghĩa là học rộng tài cao, sẽ được dự tuyển chốn khoa danh. Có ý nói phải chăm chỉ học hành, còn không làm sao thi cử được.

Cậu tức cảnh đối ngay :

*Phụ canh tử nậu, kỳ thu bách mẫu chi công.*

父耕子耨期收百畝之功

Nghĩa là cha cày con cấy, ắt phải thu công trăm mẫu.

Cụ thấy khẩu khí chàng rể như vậy cũng mừng thầm. Ấy thế nhưng ông rể quý này có lần đã thừa dịp để tấn công cụ nhạc. Nguyên vì năm nọ có người mời cụ đến nhà mình dạy trẻ. Cụ đến nhà thiết giáo hôm trước thì sáng hôm sau thấy ở ngoài cổng nhà chủ có câu đối dán chế diễu :

*Lễ bất văn vãng giáo, dương khai thiết giáo chi trường.*

禮不聞往教佯開設教之場

士有時為貧聊作救貧之計

Nghĩa là : « Theo lễ không có đi tới để dạy, tại sao cụ đi đến nhà người ta mở trường ? Thì ra kẻ sĩ gặp nghèo, cũng phải nghĩ kế cứu nghèo vậy ».

Cụ xem lời lẽ và nét chữ dư biết là của ông rể quý họ Hà, cụ bực mình lắm nhưng rồi cũng phải bỏ qua cho xong chuyện. Cụ giận không biết làm cách nào cho chàng rể chăm học, có tài nhưng lười biếng, hỏi sao thi đỗ được. Cụ bảo con gái khuyên chồng thì ông chồng lại tự cao tự đại lên mặt : *Tưởng gì chứ muốn làm bà cống bà nghè thì sợ mình không đủ sức mà làm.*

Khó ai tin được và người ta bảo cụ đã kén lắm chàng rể. Nhưng đến khoa thi Hương thì ông đỗ Cống-sinh Thủ-khoa, rồi vào thi Hội thi Đình đỗ bảng nhãn. Cụ nhác lúc đó mới lại mạnh bạo tự hào là xét người không lẫn.

Kể ra kén rể như cụ cũng là tay sành đời, nhưng làm rể mà như ông bảng nhãn họ Hà thì cũng là ít có. Nhắc đến ông người ta thường chê là thiếu lễ, nhưng lễ là gì ? Phải chăng là chiều lòng, là quy lụy, là cứ chịu đấm để ăn xôi... Than ôi, lễ phải thế nào, chớ lễ mà thế thì là thứ lễ của đám tôi tớ hầu hạ vậy.

# CHA THÍ SINH, CON GIÁM KHẢO

Người ta thường nói các nhà Nho xưa đa số là những ông tiết tháo và gàn, kể ra có lắm ông tiết tháo mà không gàn cũng như có lắm ông gàn mà không có tiết tháo. Còn người được nổi tiếng một thời cả về hai mặt ấy, có lẽ phải kể trước nhất là ông Nguyễn-Công-Hoàn.

Ông Hoàn, người làng Cổ-đô, huyện Tiên phong, tỉnh Sơn-tây, sinh vào khoảng đời Lê-Dụ-Tôn (1706-1729) là thân phụ ông Hoàng-giáp Nguyễn-Bá-Lân. Ông rất khiêm tốn, nhưng về văn chương thì không chịu nhường ai bao giờ. Tính ông nghiêm khắc và rất mực trong sạch, nên người đời thường gọi là Bá-Di<sup>6</sup> nước Nam. Xin kể sau đây mấy truyền thuyết về ông :

Ông Lê-Anh-Tuấn, người cùng huyện nhỏ tuổi hơn, được ông kết bạn vong niên. Gặp kỳ thi khảo ở huyện, ông Tuấn nhất, ông thứ hai, ông Hoàn đem văn ra so sánh, nhất định không chịu kém. Sau con ông là ông thượng-thư Bá-Lân phạm lỗi, ông Tuấn đang làm tể tướng, ông Lâm nghĩ không có ông Tuấn thì không thể gỡ được, mà chỉ cha mình mới nói được ông này.

Ông Lâm trình bày với ông, ông mặc, sau phải họp cả họ khóc lóc van nài, ông khẽ gật đầu, rồi đi chân không đến dinh tể tướng để cả gót bùn, vào nói : *Tôi vì chuyện thẳng con, phải đến phiền cố nhân, một lời giúp đỡ giá đáng ngàn vàng, chẳng nói cố nhân cũng rõ.*

Ông Tuấn nhận lời, ông đứng dậy cáo từ, mời lại thế nào

cũng không được.

Lúc ông Bá-Lân chưa đỗ, hai cha con đêm đến cùng học, ông để một cái roi và bảo : *Hể mày ngủ gật thì tao đánh, còn tao ngủ gật thì mày đánh.*

Khi ông ngủ, ông Lân chỉ lấy tay đánh thức, ông liền lấy roi đánh và mắng : *Thế này là mày dưỡng phụ chi ác (nuôi cái xấu cho cha) rồi.*

Khi tập văn, ông bảo con : *Hể tao hơn mày thì đến bữa tao ăn mày nhịn, còn mày hơn tao thì mày ăn tao nhịn.*

Ông Lân hơn, ông nhất định không ăn, ông Lân phải xin với thầy cho văn của cha hơn. Được hơn, ông đuổi con không cho ăn cơm.

Khi cha con cùng đi một chiếc thuyền, thấy trên bờ có một đàn dê, ông ra một bài phú tức cảnh, bảo ông Lân : *Hể thuyền cập bến, mày chưa làm xong, tao ném mày xuống sông, còn tao chưa xong, mày ném tao xuống sông.*

Thuyền đến bến, ông Lân làm xong, còn ông chưa, ông nhảy ngay xuống sông tự trầm, ông Lân phải khóc lóc vớt lên.

Nghe tiếng ông nghề Tỏi tức Nguyễn-Công-Đăng ở làng Đại-toán (làng Tỏi) giỏi phú, ông cùng ông Lân đến thử tài vì tự cho phú của cha con mình là hay nhất thiên hạ. Đến đầu làng Đại-toán gặp một anh đang cày, muốn hỏi thăm đường, ông đứng lại khen trước : *Anh này cày giỏi quá !*

Anh kia đáp ngay lại : *Phú phú ông Tỏi, đường cày tôi, bây giờ ông mới biết hay sao ?*

Lúc vào nhà ông Tỏi, ông đem ý định ra kể. Nhận thấy một cậu bé đang học câu « *Phượng hoàng sào ư a các, kỳ lân du ư uyển hựu* » 鳳凰巢於阿閣麒麟遊於苑園 là « chim phượng hoàng làm tổ trong gác, con kỳ lân chơi ngoài vườn » tất cả đều lấy đó làm đầu bài và giao hẹn trong bài không được dùng những chữ phượng hoàng, kỳ lân, cùng bắt buộc mỗi câu phải có một tên cầm hay thú.

Ông Tỏi bắt đầu làm, mới viết được vài câu :

*Quy phi phụ Lạc, 龜非洛水*

*Mã bất xuất Hà. 馬不出河*

*Y bĩ hữu hùng chi quốc, 懿彼有熊之國*

*Ấp vu trác lộc chi a. 邑手涿鹿之阿*

Nghĩa là :

*Con thần quy không đội sách ở sông Lạc,*

*Con long mã không xuất hiện ở sông Hà.*

*Tốt thay là nước Hữu Hùng,*

*Đóng đô ở nội Trác Lộc.*

Rồi gấp lại để đi vào nhà trong bảo vợ con làm cơm đãi khách. Cha con ông Hoàn mở xem trộm, cha bảo con : *Mày liệu làm hay hơn được không ?*

Ông Lân lắc đầu, rồi hai cha con nhân lúc chủ chưa ra, cùng đứng dậy chuồn mất.

Khi ông Bá-Lân đỗ Hương cống, ông Hoàn muốn hỏi con gái một ông thượng thư là bạn với mình, mới sai con xách một buồng cau, và mình thì bỏ mấy quả hồng vào túi áo đi tới. Tới nhà ông thượng thư, ông hỏi người lính gác : *Chủ anh*

*ở nhà không ?*

Lính gác lấy làm lạ vào bẩm. Ông thượng đoán hẳn là ông Hoàn, vội vàng chạy ra đón, ông không chịu vào, bảo : *Nghe ông có cháu gái chưa chồng, tôi muốn hỏi cho thằng Lân, ông bằng lòng không ?*

Ông Thượng cười đáp : *Xin mời bác hãy vào nhà chơi đã !*

Ông không chịu vào, bảo : *Gả hay không nói ngay, hà tất phải vào ?*

Ông Thượng nói vâng, ông liền móc mấy quả hồng ra và chỉ vào buồng cau trên tay ông Bá Lân mà bảo : *Đây là lễ vấn danh ông cho người đem vào, tôi về đây.*

Đoạn ông qua lại bảo con : *Mày lạy nhạc phụ của mày đi !*

Ông Thượng cười nhận lễ, mời vào thế nào ông cũng nhất định từ.

Sau ông Lân cưới vợ, ông Thượng vì biết phép nhà ông Hoàn rất nghiêm, nên chỉ cho con gái ăn mặc đồ vải và khuyên phải hết sức kính cha mẹ chồng.

Khi ông Lân thi đỗ hoàng giáp, bữa vinh quy khao làng, các bạn đồng khoa đến mừng đông lắm. Ông Hoàn mặc quần áo nâu ra tiếp và cười nói : *Thằng Lân nhà tôi mà đỗ Hội nguyên (đầu thi Hội) thì đời thật chẳng còn ai nữa !*

Ấy tính ông thế đó, nhưng đến câu chuyện sau này thì phải nói đáng làm gương sáng cho các ông bà giám khảo và các cô cậu thí sinh ở bất cứ thời nào.

Trong một khoa thi hương, Ông Bá-Lân được cử làm giám

khảo, đầu bài phú ra, « Tây bá trị Kỳ sơn » 西伯治岐山<sup>7</sup>

Khoa ấy ông Hoàn cũng thi và cũng bị hỏng. Ông Lân không biết. Khi việc chấm thi xong, ông Lân về thăm cha, ông Hoàn hỏi : *Kỳ thi này có bài nào khá không ?*

Ông Lân thưa : *Có quyển rất hay đáng đỗ thủ khoa, nhưng chỉ vì một câu khổ đọc quá, nên đã phê rồi, phải đánh hỏng.*

- Câu ấy thế nào ?

Đó là câu :

*Lưu hành chi hóa tự tây đông nam bắc, vô tư bất bạc,  
Thành tựu chi công tự Cảo Mân Kỳ Phong, hữu khả tất  
tiên*<sup>8</sup>

流行之化自西東南北無思不服  
成就之功自鎬邠岐豐有啟必先

Ông Lân đọc xong, ông Hoàn nổi giận mắng : *Thôi thế mà lại hại bố mày rồi ! Câu của tao là « Lưu hành chi hóa tự tây » ngắt ở đó, rồi mới đến « đông nam bắc vô tư bất bạc ». Và « Thành tựu chi công tự Cảo » ngắt ở đó, mới đến « Mân Kỳ Phong, hữu khả tất tiên » mà mày lại đọc là « lưu hành chi hóa tự tây đông nam bắc » với « thành tựu chi công tự Cảo Mân Kỳ Phong ». Sao dốt đến như thế ? Mày chấm thi như vậy thì hỏi đã giết biết bao nhiêu sĩ tử ?*

Ông Lân lúc đó mới biết bài bị mình đánh hỏng, chính lại là bài của cha mình. Mắng xong, ông Hoàn sai người nhà khiêng án thư ra sân, lấy lọng che và bảo con : *Chức hoàng giáp và giám khảo của mày thì tao thờ trên ấy, còn mày thì*

*tao phải trị tội dốt này. Nói đoạn, ông bắt ông Lân nằm xuống để đánh mấy chục roi.*

Từ đó ông không thèm thi cử và bảo : *Chúng nó chấm thi mà thế thì thi nữa làm gì ?*

Kể ra cũng tại cái tánh cầu kỳ khi hành văn của ông. Chúng ta không thể chấp nhận cái cầu kỳ ấy, nhưng phải phục ông là con người tiết tháo. Con cái ông vậy, bạn bè ông vậy, mà ông vẫn là ông, giàu không tìm đến, khó không tìm lui... Người ta thường chê ông là gàn, nhưng thử hỏi những kẻ sĩ đời xưa, những kẻ sĩ đời nay, đã có mấy kẻ biết gàn được như ông. Xét cái gàn của ông cũng đáng chê, chứ không thể khen được, nhưng với lũ kẻ sĩ mới ngửi hơi tiền tài thế lực đã mờ tai mắt lại mà cũng lên tiếng phẩm bình thì xin lũ ấy hãy tộp cái mõm lại và hãy sờ tay lên gáy đã...



# AI BẢO ĐI CHỌC HỒ XUÂN HƯƠNG ?

Nhắc đến nữ sĩ Hồ-Xuân-Hương (người ở Thăng-long, sinh vào khoảng thời vua Lê chúa Trịnh) có lẽ không mấy ai không biết, vì thơ của bà là một thứ « thi trung hữu quý », cuộc đời của bà là cả một chuỗi dài giai thoại, nhất là những cuộc xướng họa với các thi nhân và sĩ tử đương thời.

Trong các cuộc xướng họa, các cụ nhà nho xưa thường cho có hai người bị bà cho những cú đau nhất là một lão quan văn và một chú Hoa-kiều. Các cụ kể :

Một hôm Xuân-Hương đem váy ra sông giặt, một ông quan văn ngồi cáng bằng võng đào đi qua, nhìn thấy, bảo nữ sĩ tức cảnh làm thơ, bà ứng khẩu đọc :

*Võng đào quan lớn đi trên ấy,  
Váy rách bà còn vổ dưới đây.*

Võng đào của quan là thứ sang trọng và quý giá biết bao, mà bị đem đối với váy rách đàn bà, thử hỏi còn giá trị quái gì, nhưng quan không thể bắt bẻ được vì nó hay quá và cũng hợp cảnh quá. Thế là quan ta chỉ còn nước giục lính khiêng cáng để mà đi cho mau cho lẹ.

Hôm khác, một chú Hoa-kiều đến chơi nhà nữ sĩ để gạ gẫm nọ kia. Vì sinh đẻ ở Việt-nam, chú rất thạo tiếng Việt và cả văn chương Việt, có thể nói đã Việt hóa hoàn toàn, nên cứ đòi nữ sĩ ra cho câu đối để kết duyên văn tự. Bà không chịu nổi được thái độ sàm sỡ của chú, nên ra ngay cho chú một câu rất xỏ :

*Chân đi hài hán, tay bán bánh đường,  
Miệng hát líu lờ, ngây ngô nhí nhố.*

Rõ là cái cảnh chú Hoa-kiều, mà « Hán Đường Ngô » lại là tên những triều đại của nước chú (nhà Hán, nhà Đường, nhà Ngô).

Chú không đối được, đành bẽn lễn ra về.

Xét ra lão quan văn và chú Hoa-kiều cũng bị cú đau đầu. Nhưng đau hơn hết phải nói là một tên quan võ.

Anh này không biết tên họ gì, nhưng gặp Xuân-Hương, hẳn cũng ỷ thế là quan, bảo Xuân-Hương làm thơ. Xuân-Hương lễ phép xin đầu bài, hẳn giở tính thất phu ra nói : *Thơ... !*

Hẳn nghĩ như thế, Xuân-Hương sẽ xấu hổ không làm, hoặc không thể làm được. Nhưng bà đã làm ngay và cũng mượn cái từ chính nơi miệng hẳn thốt ra để chỉ cái hình dáng của hẳn tức sắc phục của quan võ thời ấy. Bà đọc :

*Bác mẹ sinh ra vốn chẳng hèn,  
Ban đêm không mắt sáng như đèn.  
Đầu đội nón da loe chóp đỏ,  
Lưng đeo bị đạn rủ thao đen.*

Rõ thật là cái do miệng hẳn thốt ra, và rõ là cái vẻ « oai nghi » của hẳn. Thế là hẳn ta chỉ còn cái nước phải rút theo binh pháp « ba mươi sáu chước chước nào là hơn ». Hẳn tức lắm, nhưng khổ thay cái việc là do hẳn mà ra, và ai bảo đi chọc Xuân-Hương làm gì.

Bài thơ này truyền lại, lắm người chê là tục. Kể tục thật,

nhưng phải biết cái nguyên do trên mới thấy cái rất hay của nó, cũng như cái phải rất phục Hồ Xuân-Hương. Bởi vậy, nếu đọc thơ hay phê bình thơ mà không rõ nguồn gốc của nó, biết được động cơ của nó thì cũng là điều đáng tiếc lắm vậy thay. Có khi hiểu lầm là khác nữa.

## BA XUÂN NHỎ NHỎ

Vào thời đại các sách vở của Thánh hiền Trung-quốc còn được mùa ngự trị ở trên đàn văn học nước ta, các cụ khoa mục thường có lệ kén chồng cho con gái bằng văn chương chữ nghĩa.

Như vậy kể ra cũng là một cuộc thi mà các cụ là những ông chủ khảo, con gái các cụ là phần thưởng đặc biệt cho những cậu thanh niên tuần tú. Nhưng thi đây không phải phiền phức như thi Hương thi Hội mà rất là giản dị, giản dị mà khó, vì thí sinh có khi rất đông, song trúng tuyển chỉ có một mà thôi, lại khó nữa là vì thường thường các cụ chỉ ra một câu đối mà có cậu nát óc nghĩ ra cũng không được. Và mỗi khi như vậy, ít nhất về phần nhan sắc của các cô con gái các cụ, nếu không được như những câu của Nguyễn Gia-Thiệu đã tả trong Cung-Oán :

*Áng đào kiểm đậm bông nào chúng,  
Khóe thu ba rợn sóng khuynh thành.  
Bóng gương lấp loáng trong màn,  
Cỏ cây cũng muốn nổi tình mây mưa.  
Chìm đáy nước cá lơ đờ lặn,  
Lửng da lưng trời nhận ngấn ngơ sa.  
Hương trời đắm nguyệt say hoa,  
Tây-Thi mất vía Hằng-Nga giật mình.*

Thì cũng phải được như những lời của Nguyễn-Du đã viết ở trong Kim Vân Kiều :

*Làn thu thủy nét xuân sơn,*

*Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.*

Đã có nhan sắc ấy, mà về phần tư cách lại đủ cả công dung ngôn hạnh, có khi lại gồm cả cầm kỳ thi họa, và chỗ đặc biệt của các cô lại là ít ai thấy đi dạo phố như bây giờ, chưa có chồng, các cô phải giữ gìn, lúc nào cũng kín cổng cao tường, cho hoa xuân vẫn phong nộn nhụy để làng cung kiêu với khách công hầu ở ngoài tha hồ mà rấp ranh bản sè với gắp ghé mong sao...

Kể đối với con gái, các cụ chủ trương như thế tuy rằng thái quá, nhưng xem ra cũng thật là chu đáo lắm thay.

Chính vì thế mà trên đàn văn nghệ nước ta hiện nay tuy không còn phải ở thời các cụ nữa, song những câu đối của các cụ ra để kén chồng cho con cũng còn truyền tụng không biết bao nhiêu mà kể như có cụ ra bằng chữ Nho : 齒性剛舌性柔 剛性不如柔性久 *Xỉ tính cương, thiệt tính nhu, cương tính bất như nhu tính cửu* (răng tính rắn, lưỡi tính mềm, tính rắn không bằng tính mềm lâu).

Câu thí sinh trúng tuyển đối lại : *Mi sinh tiền, tu sinh hậu, tiền sinh bất nhược hậu sinh trường* (mi sinh trước, râu sinh sau, sinh trước không bằng sinh sau dài). 眉生前鬚生后 前生不若後生長

Có cụ thì ra bằng chữ Nôm : *Huyện Tam-Dương có ba con dê, đứng núi đá trông về Lập-thạch* (Tam-Dương nghĩa là 3 con dê, và lập thạch lại nghĩa là đứng núi đá nữa).

Câu thí sinh trúng tuyển đối lại : *Trai tứ kỳ đi bốn xe ngựa, vâng mệnh trời ra trấn Thừa-thiên* (Tứ kỳ là 4 xe ngựa, và Thừa-thiên có nghĩa là vâng mệnh trời nữa).

Nghe tục truyền thế, nhưng không biết có phải đúng là những câu đối của các cụ xưa kén chồng cho con gái không. Giả sử đúng đi theo kẻ viết bài này, cũng không lấy gì làm khó lắm, vì người thế này, nhưng kẻ đối vẫn có quyền chọn lại tự do theo ý tưởng của mình. Chớ như câu chuyện kén rể sau đây mới thật là văn chương lắt léo.

Chuyện kể rằng : Một ông khoa mục nọ có một cô gái cấm cung đẹp lắm, ông muốn kén cho con gái một người chồng phải văn hay ra trò, chữ giỏi ra tường để sau con ông cũng sẽ trở nên một mệnh phụ đường đường, nhưng ông lại không ra câu đối như các ông đi trước mà lại viết lên tường một loạt chữ : từ trái sang mặt là những chữ : « Điều, Sơn, Hồ, Ngư, Cảnh, Xuân, » nhưng viết lại không đều, chữ ngang chữ dọc, rồi lại chữ xuôi và chữ ngược, ai biết ý ông thế nào mà đọc cho nó thành câu thành cú được. Vì thế, nên để cả mấy tháng trời mà con gái ông vẫn phòng không đợi chờ, trông bên ngoài không biết bao nhiêu những thanh niên gấp ghé, cậu nào cậu ấy cũng tự cho mình là văn hay chữ giỏi :

春 (...) 春

景 (...) 景

魚 (...) 鳥

湖 (...) 山

Tuy vậy chờ mãi, cuối cùng cũng có một cậu đọc ra được thành bốn câu thơ sau :

*Ba xuân nho nhỏ một xuân tròn,*

*Bốn cảnh bằng nhau một cảnh con.*

*Hồ rộng thênh thang ngư lộn ngược.*

*Sơn cao chót vót điều nằm ngang.*

Lẽ tất nhiên cậu ấy được vào làm rể cụ.

Tôi không biết cậu ấy tên gì, quê quán ở đâu. Còn tác giả những chữ ấy, có người bảo là cụ Phạm văn Nghị, người làng Tam-đăng, huyện Đại-an, tỉnh Nam-định. Cụ đỗ Hoàng Giáp năm Minh Mệnh thứ 19, làm quan đến Thị Giảng học sĩ, sau cụ về ẩn ở động Liên-hoa tỉnh Ninh-bình. Cụ là thầy học của các ông Tam nguyên : Trần-Bích-San, Nguyễn-Khuyến, có người lại bảo là của một vị khác ở đời Lê trung hưng. Như vậy sự thực nó ra sao, có phải người viết mấy chữ ấy là để kén rể chẳng ?

Thật khó mà trả lời cho được !...

Vì thế, theo thiên ý chỉ nên nhận đó là một lỗi chơi chữ của các cụ xưa thôi.

## ĐỔ ĐẾN BẢNG-NHỜN, MÀ CHỮ « CHI » KHÔNG BIẾT

Nhắc đến Lê-Quý-Đôn, trong giới văn học không ai là người không biết đến. Ông người làng Diên-hà, tỉnh Thái-bình, con cụ tân-sĩ Lê-Phú-Thứ.

Học rất thông minh, hồi còn nhỏ tuổi, ông Đôn đã nổi tiếng thần đồng. Tục truyền năm lên 6 tuổi, một hôm Quý-Đôn chơi ở ngoài đường gặp một ông khách lạ hỏi thăm nhà, Quý-Đôn đứng dang hai chân và dang hai tay ra rồi nói : *Tôi đổ ông biết chữ gì đây, hể ông nói được tôi mới chỉ.*

Ông khách lấy làm lạ cho là một đứa trẻ hỗn xược. Lê-Quý-Đôn cười xòa bảo : Ê, chữ « Thái 太 » mà không biết.

Nghe đến đây ông khách mới phục là đứa bé thông-minh và sau đi tới nhà mới biết là Lê-Quý-Đôn, con trai của bạn mình.

Lê-Quý-Đôn đổ Bảng-nhờn năm Cảnh hưng thứ 13, đời vua Hiến-Tôn nhà hậu Lê. Lúc đó mới 19 tuổi đầu.

Vốn còn nhỏ tuổi và có tánh kiêu ngạo cho mình là thông suốt cả thiên kinh vạn quyển, dưới trời không ai hơn, nên trước cổng nhà ông có treo một tấm bảng viết « *Thiên hạ nghi nhất tự lai vấn* » 天下疑一字來問 nghĩa là « *ai có chữ gì không biết hãy cứ đến mà hỏi.* »

Khi cụ Lê-Phú-Thứ mất, đám ma đang cử hành thì bỗng có một cụ già đầu tóc bạc phơ chống gậy đến tự xưng là bạn cố tri của cụ Lê-Phú-Thứ. Lê-Quý-Đôn ra mời vào ngồi cùng



hàng với các quan đại khoa và hỏi thăm tính danh. Cụ già nói : *Cháu còn nhỏ không biết, bác đây là bạn học với ba cháu, nhưng thi mãi không đỗ, vả lại nhà nghèo đường xa, bác tuổi già rồi, ít đi lại, hôm nay nghe tin ba cháu mất, bác mới đến để có gọi là câu đối phúng ba cháu. Cháu đem nghiên bút ra đây, bác đọc cho mà viết.*

Nghe cụ nói, Lê-Quí-Đôn đem nghiên bút giấy mực ra, cụ già đọc : *Chi.*

Lê-Quí-Đôn không biết là chữ « Chi » gì, chữ « Chi » là chưng, hay chữ « Chi » là biết, nên còn ngần ngại đợi chữ sau để viết. Cụ già lại đọc : *Chi.*

Lê-Quí-Đôn : *Bẩm cụ « chi » gì ạ ?*

Cụ già thở dài một cái nói : *Trời đất ơi, cháu đỗ đến Bảng-nhữn mà có chữ « chi » không biết viết nữa à. Thế có ai hỏi đến chữ này thì cháu trả lời sao ?*

Lê-Quí-Đôn nghe xám cả mặt lại, các quan ai nấy đều dãn cả mắt mà nhìn. Lúc đó cụ già mới đọc cho viết luôn hai vế :

*Chi chi tam thập niên dư, xích huyện hồng châu kim thượng tại. Tại tại sở thiên lý ngoại, đào hoa lưu thủy tử hà chi ?*

之之三十年餘赤縣紅州今尚在  
在在數千里外桃花流水子何之

Nghĩa là « *Thăm thoát hơn ba chục năm, Xích-huyện, Hồng-châu nay còn đó. Hỡi ơi xa ngoài ngàn dặm, Đào-hoa, Lưu-thủy bác về đâu* ».

Câu đối rất hay và rất lạ, cả Lê-Quý-Đôn và các quan đều giựt mình. Đọc xong cụ già lại phủ phục trước linh sàng cụ tấn-sĩ mà khóc lầy khóc để : *Ới anh ơi là anh ơi, anh bỏ đi đâu, con anh nó học đỗ đến Bảng-nhữn mà có chữ « chi » là chừng nó không biết, ới anh ơi là anh ơi !...*

Khóc kể một lúc, rồi cụ già chống gậy ra về, ai năn nỉ mời lại thế nào cũng không được.

Sự kiện này xảy ra, chắc các bạn dư hiểu chỗ dụng tâm của cụ già này thế nào, là để làm cho quan Bảng-nhữn Lê-Quý-Đôn phải gỡ tấm bảng và bỏ bớt tánh kiêu ngạo đi, chớ đâu có bạn hữu gì với cụ tấn-sĩ Lê-Phú-Thứ.

Chuyện này phải chăng là một bài học đích đáng chẳng những chỉ riêng cho quan Bảng họ Lê mà cho tất cả những kẻ đày giếng xem trời, mới năm một xó, ở trong một góc đã dám tự cao tự đại, dương dương cho mình là nhất trong thiên hạ.

## HAI BÀI THƠ CON CỐC

Nói đến đầu đề này, chắc hẳn chúng ta không ai không quên bài thơ trong chuyện tiểu-lâm chế giễu mấy nhà thơ nọ khi thấy một con cóc liền cùng nhau làm một bài tức cảnh :

*Con cóc trong hang,  
Con cóc nhẩy ra.  
Con cóc nhẩy ra,  
Con cóc ngồi đó.  
Con cóc ngồi đó,  
Con cóc nhẩy đi...*

Và bài vịnh sau này của vua Lê-Thánh-Tôn rõ ràng là có khẩu khí của một vị thiên-tử :

*Bác mẹ sinh ra mặc áo sồi,  
Chốn nghiêm thăm thẳm một mình ngồi.  
Chép miệng nuốt ba con kiến gió,  
Nghiến răng chuyển động bốn phương trời.*

Đọc bài thơ trên, các bạn thấy tức cười.

Đọc bài thơ dưới, các bạn thấy cả phục.

Nhưng cả phục lẫn tức cười, theo ý riêng tôi chưa lấy gì bằng bài thơ con cóc sau này của bốn vị quan Nghè đời Tây-sơn.

Nguyên chuyện ấy như sau :

Khi vua Quang-Trung đại phá quân Thanh rồi triều đình mới tổ chức một cuộc lễ khao mừng các tướng sĩ khai hoàn.

Trong số đình thần có bốn ông tiến-sĩ xin làm một bài thơ ca tụng công đức ngài.

Ý kiến ấy tâu lên. Nhà vua chấp thuận. Nhưng đổi khác đi là đầu đề để phần nhà vua ra. Bốn ông Tiến-sĩ xin vâng lệnh.

Nhà vua nhìn ra, bỗng thấy một con cóc ngài liền phán ngay : *Đầu đề đó, các khanh làm thơ con cóc đi !*

Bốn ông tiến-sĩ lại xin vãn.

Thấy cây bàm bàm ở trước cửa, nhà vua liền phán lấy vãn « bàm ». Ra vãn xong, nhà vua bắt buộc tất cả bốn ông phải đứng sắp hàng lại, mỗi ông làm một câu, hễ ông trước làm xong bước lên thềm thì ông sau phải ứng khẩu tiếp ngay, không thành mỗi ông sẽ bị phạt uống một tô rượu.

Bốn ông bắt đầu làm. Ông thứ nhất khởi đọc : *Nghiễn rằng lừng biển Bắc.*

Ông thứ hai tiếp theo : *Tắc lười dậy trời Nam.*

Hai câu này thật hay thật đúng là con cóc, lại ngụ nói được cái chiến công oanh liệt đánh chìm 500 chiến thuyền của Xiêm ở Nam do chúa Nguyễn Ánh cầu họ về, và tiêu diệt 29 vạn quân Thanh ở Thăng-long do vua Chiêu-Thống dẫn đường sang. Kể ra không kém gì câu : « *Chép miệng nuốt ba con kiến gió, nghiễn rằng chuyển động bốn phương trời* » của vua Lê-Thánh-Tôn.

Nhưng đến ông thứ ba mới là khổ ! Phải làm sao cho ông thứ tư còn lấy được vãn « bàm ». Chớ không, mang tiếng là quan Nghè mà phải để phạt uống một tô rượu thì thật nhục. Không chừng nốc vào, đêm ấy không còn lết nổi về với má

bầy trẻ đang trông đợi ở nhà là khác. Bởi nghĩ thế, nên ông ta mới phải buộc lòng ứng khẩu đọc tiếp ngay : *Ấy nó là con cóc,*

Thế rồi, ông thứ tư đọc luôn : *Chẳng phải quả bàm bàm.*

Khi đọc xong, nhà vua và các quan văn võ ai nấy đều phì cười :

*Nghiến răng lừng biển Bắc,  
Tắc lưỡi dậy trời Nam,  
Ấy nó là con cóc,  
Chẳng phải quả bàm bàm.*

Xét ra hai ông sau không phải là kém tài, là làm dở mà chính đó mới là hay và sát nghĩa vì chính cái « dễ làm » thì hai ông trên đã hứng mất cả rồi. Cái khó khăn là ở chỗ làm sao gieo được vần « bàm » mà không bị khổ đọc.

Các bạn hãy nghĩ kỹ mà xem.

Vì tình thế, hai ông sau mới phải đọc một cách rất nômina như vậy. Chớ nếu thả ra cho mỗi người một bài thì chưa chắc mèo nào cắn mỉu nào.

# NÓI LÁO ĐƯỢC KHEN

Nói láo là bịa ra mà nói, là không có sự thật và là một sự xấu. Ai cũng biết như vậy thế nhưng từ xưa đến nay, không ai là người hoàn toàn không nói láo, đời người ít nhất cũng phải nói láo đôi ba lần, nếu không, không thể được.

Tuy nhiên, người thường nói láo với nhau thì không sao. Cha con, vợ chồng, anh em, bạn hữu, có nói láo với nhau đến đâu, cái tai hại của nó cũng chỉ đưa đến chỗ mất chữ « tín » là cùng. Chứ như bầy tôi mà nói láo với vua thì thật là nguy hiểm. Chiếu theo luật pháp của các triều đại phong kiến xưa thì nói láo với vua là phạm tội khi quân, có khi phải chặt đầu là khác.

Vậy hỏi có ai dám nói láo với vua, nói láo chẳng những đã không bị tội mà còn được khen thưởng.

Để trả lời câu này người ta cho là có và đem tích Trạng Quỳnh xưa, dâng cho Chúa Trịnh lọ tương, nhưng lại không bảo là tương mà nói là mẳm « đại phong » làm bằng mẳm đá tán nhỏ ra.

Kể cũng hay, nhưng chưa sát cho lắm, vì chuyện Trạng Quỳnh, xét cho đúng, chỉ là một bộ chuyện hoạt kê, nhân vật Trạng Quỳnh trước sau chỉ là một nhân vật do người viết dựng lên.

Theo tôi, để dẫn chứng cho việc này, phải kể câu chuyện của ông Đinh-Nhất-Thận với vua Tự-Đức mới là một ví dụ thực sự.

Ông Thận hiệu Bạch-Mao-Am, người làng Thanh-liên, huyện Thanh-chương, tỉnh Nghệ-an, sinh năm Ất-hợi (1815) mất năm Bính-dần (1860). Ông thi đỗ đình nguyên khoa Mậu-tuất năm Minh-Mạng thứ 19 dương lịch 1838. Ông được bổ làm quan ít lâu, thì chán cảnh hoạn trường, nên cáo quan về nghỉ, sinh sống bằng nghề làm thuốc và dạy học.

Đến đời vua Tự-Đức, ông bị bắt giải vào kinh vì tình nghi có nhúng tay vào vụ Cao Bá Quát (hai người cùng là bạn chí thân). Nhưng xét không có gì làm bằng chứng, ông được tha. Vua Tự-Đức mến tài ông, giữ ông ở lại dạy các tôn thất học và cũng là một kế để dễ bề kiểm tỏa.

Tục truyền, khi ở kinh, một hôm ông được cùng các quan đại thần theo ngự thuyền đi ngoạn cảnh sông Hương.

Nhân bàn luận về đạo đức Thánh Hiền, ông có nhắc đến câu « *Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung, phụ xử tử tử, tử bất tử bất hiếu* » 君使臣死臣不死不忠父使子死子不死不孝 (vua khiến tôi chết, tôi không chết không trung, cha khiến con chết, con không chết không hiếu) và cho đó là một câu chí lý.

Thấy vậy vua Tự-Đức phán : *Thế giờ đây, trẫm truyền cho khanh phải nhảy xuống sông này chết đi !*

Nghe phán các quan ai nấy đều sợ thay cho ông, vì không nhảy thì không được mà nhảy là bị chết một cách oan uổng.

Ấy thế, nhưng ông vẫn bình tĩnh, lạy nhà vua xong rồi lao mình xuống sông tức thì...

Dòng nước sông Hương bắn tung tóe lên, người ta tưởng

đây là nơi yên nghỉ giấc cuối cùng của ông ! Ôi thôi, thế là kết liễu một đời tài hoa không tội lỗi !...

Nhưng chỉ giây lát, ông lại ngoi lên, lội bám vào ngự thuyền. Vua Tự-Đức hỏi : *Sao khanh không ở dưới đó lại còn trở lên đây ?*

Ông đáp : *Thần định ở nhưng vừa xuống đáy sông thì gặp ông Khuất-Nguyên, ông ấy đuổi lên và mắng thần bằng hai câu thơ sau :*

*Ngã phùng ám chúa hàm oan nhẫn  
Nhữ ngộ minh quân nịch tử hà ?*

我逢暗主含冤忍  
汝遇明君溺死何

Nghĩa là ta gặp vua ngu, phải chịu oan đã đành, còn người gặp được minh quân, có sao lại chết đuối ?

Thần nghe ông ấy mắng đúng lắm, nên phải lên tàu bệ hạ rồi.

Vua Tự-Đức cả cười, sai thị vệ đón lên ngự thuyền, lấy quần áo cho thay, rồi đích thân rót một chén rượu để khen thưởng, khen thưởng cho cái tài ứng phó mẫn tiệp, mặc dù biết đó là một câu chuyện hoàn toàn bịa đặt, nghĩa là chuyện nói láo.

Ấy nói láo đấy, nói láo mà nhà vua phải khen, các quan phải phục và người đời sau còn phải ghi nhớ, phải ca tụng.

Và nói láo đó, chẳng những không làm hại gì ai, mà còn là nói láo để cho giới văn học thêm một giai thoại có nhiều khía cạnh (...) nên suy nghĩ bàn bạc (...) Cho nên mặc (...) nói



láo, nhưng lão đây để mà vui, và để (...) một thí dụ cho sáng thêm ý nghĩa (...) câu nói của người xưa để lại. Cái lão (...) ích lợi cho đời, chứ không phải như cái lão của những quân cướp đêm và những kẻ cướp ngày...

Than ôi ! Người đời đã mấy ai không lão ! mà đã mấy ai lão có nghệ thuật, có thiện chí vì đời, để cho thiên hạ biết lão mà vẫn nghe vẫn phục...

# CHUYỆN RĂNG CẢN LƯỠI HAY CỐT NHỤC TƯƠNG TÀN

Các cụ nhà ta xưa đọc chuyện Tam-Quốc thường khen Tào-Thực, con trai thứ của Tào Tháo là một người văn chương nổi tiếng, chỉ đi bảy bước đã xong một bài thơ.

Khi Tào-Tháo chết, con trưởng là Tào-Phi nối ngôi. Phi cho gọi Thực đến bảo rằng : *Tao với mày tuy tình là anh em nhưng nghĩa là vua tôi. Khi còn tiên quân mày hay đem văn chương khoe hợm với người, tao nghi mày tất có mượn tay người khác. Nay tao hạn cho mày đi bảy bước phải làm xong một bài thơ. Không xong sẽ chém.*

Thực xin đầu bài.

Phi trở vào bức tranh thủy mặc vẽ hai con trâu chọi nhau treo trên tường, một con thua ngã xuống giếng chết, và cấm không cho dùng những chữ : » Hai trâu chọi trên tường, một con sa xuống giếng chết ».

Thực vâng lệnh vừa đi vừa ngâm, xong bảy bước đã thành một bài thơ :

*Đôi vật đi cùng đường,  
Trên đầu bốn khúc xương.  
Gặp nhau tựa sườn núi,  
Hung hăng mở chiến trường.  
Đôi bên thi sức mạnh,  
Một vật lăn xuống hang.  
Nào phải lực nó kém,*

*Chẳng qua sự lỡ làng.*

Ai nấy đều phục tài. Phi nói : *Bảy bước còn chậm, mà có thể ứng khẩu làm xong một bài không ?*

Thực trả lời được. Phi bảo : *Tao với mày là anh em, vậy lấy đó làm đầu đề, nhưng không được phạm vào hai chữ « anh em ».*

Thực liền ứng khẩu đọc :

*Nấu đậu lại đun bằng củi đậu,  
Tưởng trong nồi đậu cũng (...) xa.  
Khóc cùng rể ấy mà ra,  
Hại nhau quá quắt sao mà chẳng thương.*

煮豆燃豆萁  
豆在釜中泣  
本是同根生  
相煎何太急

*(Chữ đậu nhiên đậu cơ. Đậu tại phủ trung khắp.  
Bản thị đồng căn sinh. Tương tiễn hà thái cấp.)*

Thực đọc xong, Phi cảm động, rưng rưng hai hàng lệ.

Các nho gia đời Tống sau khen Thực là một tay văn chương cự phách xuất khẩu thành thơ và đặc sắc là hai bài thơ trên.

Theo tôi thì tài của Thực và giá trị của hai bài thơ trên vẫn còn kém cụ Nguyễn-Hàm-Ninh về trào vua Tự-Đức nhà Nguyễn. Câu chuyện xảy ra cũng trong một trường hợp na ná như trên.

Cụ Nguyễn-Hàm-Ninh đỗ Giải-nguyên năm Tân-Mão

(1831) và làm quan tại triều.

Hồi đó vua Tự Đức vừa giết anh là Hồng-Bảo vì tội muốn cướp ngôi. Trong một buổi ngự thiện ngài sơ ý cắn nhầm lưỡi nên bảo các quan làm bài thơ « Răng cắn lưỡi » nhưng trong thơ cấm không được dùng những tiếng « răng và lưỡi ». Sau đây là bài thơ được nhà vua chấm hay nhất của cụ Nguyễn-Hàm-Ninh.

*Ngã sinh chi sơ nhữ vị sinh,  
Nhữ sinh chi hậu ngã vì huynh.  
Bất tư cộng hưởng chân cam vị,  
Hà nhẫn tương vong cốt nhục tình.*

我生之初汝未生  
汝生之後我爲兄  
不思共享珍甘味  
何忍相忘骨肉情

Bốn câu thơ này có nghĩa là :

*Thuở trước tớ sinh, mày chưa sinh,  
Mày sinh sau tớ, tớ là anh.  
Ngọt bùi chẳng nghĩ cùng nhau hưởng,  
Xương thịt làm sao nỡ dứt tình.*

Nhà vua khen hay thưởng mỗi chữ một nén vàng, nhưng vì có ý móc nên bắt phạt mỗi chữ đánh một trượng.

Xem sự tích này, có người chê vua Tự-Đức về điểm bắt phạt mỗi chữ đánh một trượng. Nhưng theo tôi, tôi phải khen nhà vua, chỗ có ưu điểm không vì thấy móc xỏ mình mà đánh hỏng, trái lại còn thưởng cho vàng nữa. Chỗ đó ít ai

bằng. Phải nhà vua là các tay độc tài tàn bạo khác như Tần-Thủy-Hoàng, và Kiệt, Trụ, hay như Hít-Le và Mút-Sô-Li-Ni thì khó mà ông Ninh không bị tru di tam tộc cũng chung thân đi nằm nhà đá vậy.

Thế mới biết thuốc đắng giã tật, lời thật mất lòng. Song hễ biết dùng thuốc đắng, biết tôn trọng lời thật, mới gọi là con người sáng suốt.

# NHỮNG CÁI DỞ CỦA THƠ ĐƯỜNG

Nói đến ông thủ khoa Bùi-Hữu-Nghĩa, đồng bào miền Nam thật không mấy người là không biết vì :

Thứ nhất, ông là một nhà thơ nổi tiếng vô luận là thơ chữ Nôm hay chữ Hán, lối nào ông làm cũng rất hay.

Thứ hai, ông là tác giả vở tuồng Kim-Thạch Kỳ-Duyên, một vở tuồng trước đây mấy chục năm là một kiệt tác về ngành sân khấu ở trong Nam, khi ra đời lại được diễn tại kinh thành Huế và được vua Tự-Đức ngự lãm.

Thứ ba, ông lại là một vị thủ-khoa, đỗ thủ khoa đầu tiên ở Gia-định.

Ông là người làng Long-tuyền, quận Bình-thủy, tỉnh Cần-thơ, sinh năm 1807 và mất năm 1872. Hiện nay ở làng này còn mộ ông, và đồng bào còn nhớ nhiều những giai thoại về ông, nhất là những thơ đời Thịnh Đường mà ông đã tìm cách chế giễu, khiến cho ai nấy cũng phục tài, ngay cả đến những ông « con trời » giỏi chữ xưa nay, tự hào văn chương nước mình được đứng vào hàng số « dách » ở Đông-phương.

Thấy người mình cũng như người Tàu, ai nấy đều cho các thi phẩm đời Đường là những bài tuyệt tác. Một bữa kia, nhân lúc nói chuyện về văn-chương ông mới khai ra.

- Nay đây nhé, bà con mình đừng tưởng thơ Đường bài nào cũng giá trị cả đâu. Có những cái rất dở, song tại mình không để ý nên không biết đó thôi. Như bài :

*Cửu hạm phùng cam vũ,*

*Tha hương ngộ cố tri.  
Động phòng hoa chúc dạ,  
Kim bảng quải danh thì.*

Tỷ dụ bốn câu thơ này, ông Thủ-khoa Nghĩa nói-ai cũng cho là hay, nhưng không thấy cái dở của nó.

*Nắng lâu gặp mưa rào,  
Đi xa gặp bạn cũ,  
Đêm động phòng hoa chúc,  
Lúc đi thi đỗ đạt.*

Như vậy đâu có gì gọi là thú, mà phải thêm vào mỗi câu hai chữ nữa :

*Thập niên cứu hạn phùng cam vũ.  
Thiên lý tha hương ngộ cố tri.  
Hòa-thượng động phòng hoa-chúc dạ.  
Nột nho kim bảng quải danh thì.*

十年久旱逢甘雨  
千里他鄉遇故知  
和尚洞房花燭夜  
訥儒金榜掛名時

Nghĩa là :

*Nắng lâu cả mười năm mới gặp trận mưa rào.  
Đi xa nghìn dặm, gặp được bạn cố tri.  
Thày chùa mà được đêm động phòng hoa chúc.  
Học trò dốt mà đi thi lại đỗ.*

Như thế mới gọi là thú là sung sướng. Còn trái lại, muốn gọi là khổ là bức tức thì nên đổi lại và đọc như thế này :

*Diêm điền cứu hạn phùng cam vũ,  
Đào trái tha hương ngộ cố tri.  
Yểm hoạn động phòng hoa chúc dạ,  
Cửu nhân kim bảng quải danh thì.*

鹽田久旱逢甘雨  
逃債他鄉遇故知  
奄宦洞房花燭夜  
仇人金榜掛名時

Nghĩa là :

*Ruộng muối nắng lâu mà gặp trận mưa rào.  
Đi trốn nợ sang làng khác lại gặp người quen.  
Anh chàng bị thiến (hay lại cái lại đực) mà được đêm  
động phòng hoa-chúc.*

*Kẻ ghét mình mà nó đi thi lại đỗ đạt.*

Và những câu sau này cũng của thời Thịnh Đường ông cho là vô lý, là tầm bậy vì để dư chữ mà không biết :

*Thanh-minh thời tiết vũ phân phân,  
Lộ thượng hành nhân dục đoạn hồn.  
Tá vấn tửu gia hà xứ thị ?  
Mục đồng dao chỉ Hạnh-hoa thôn.*

清明時節雨紛紛  
路上行人欲斷魂  
借問酒家何處是  
牧童遙指杏花村

Bốn câu này có nghĩa là :

*Tiết thanh minh trời mưa phùn phới phới,*



*Người đi trên đường rét lạnh cả hồn vía,  
Ướm hỏi nhà bán rượu ở đâu ?  
Em bé chăn trâu chỉ ở thôn Hạnh-hoa.*

Ông Thủ-khoa giải thích :

- Trời mưa phùn phời phối là tiết thanh minh rồi, vậy làm gì còn dùng hai chữ « thanh-minh » nữa cho dư. Đó là câu thứ nhất.

- Câu thứ hai, người đi là đi trên đường, chớ đi xuống sông sao, mà để hai chữ lộ thượng (trên đường).

- Câu thứ ba, nhà bán rượu ở đâu, như thế đủ rồi, cần gì phải để chữ tá vấn (ướm hỏi).

- Câu thứ tư, ai trả lời mà không được, việc gì cứ phải là em bé chăn trâu (mục đồng).

Phải bỏ những chữ thừa ấy đi và đọc như thế này :

*Thời tiết vũ phân phân,  
Hành nhân dục đoạn hồn.  
Tửu gia hà xứ thị ?  
Dao chỉ Hạnh-hoa thôn.*

Với cách chỉ trích như trên đây, chúng ta chưa hẳn đã tán thành với ông Thủ-khoa Bùi-Hữu-Nghĩa. Nhưng chắc chắn rằng ông không phải mù quáng khi nhắc đến các bài Đường-thi như một số Nho-gia khác, cái gì của họ Lý họ Đỗ cũng cho là tuyệt, là thần thánh tất cả. Và đây phải chăng chỉ là chuyện vui đùa của một nhà Nho-học mà thôi.

## VĂN-BÌNH LAI BẮC CỤ

Trong bài trước, chúng tôi đã hiến quý bạn về câu chuyện thơ Đường của ông Thủ-khoa Nghĩa, một nhà thơ nổi tiếng ở miền Nam.

Sau đây là một giai thoại nữa về ông.

Khi soạn xong vở Kim-Thạch Kỳ-Duyên, danh tiếng ông nổi lên như cồn.

Một ông tú tài ở Gia-định tên gọi Văn-Bình nghe danh muốn tìm gặp mặt để xem con người ông thế nào và tài học ra sao. Có phải giỏi thật không, hay học tài thi phận, gặp may mà ông trúng đậu Thủ-khoa, có ai tá gà (làm giùm) cho mới xong được vở tuồng, được diễn tại triều-đình và được vua ngự lãm.

Ông tú-tài Văn-Bình vốn người tự cao, cho tài học của mình không thua gì các quan Cử, quan Nghè, nhưng bởi tại hòn đất, mồ mả không phát, nên ông thi chỉ đậu tú tài. Ông quả quyết rằng ông Thủ-khoa Nghĩa chưa hẳn đã hơn ông và không phải tài cao học rộng như nhiều người ca tụng.

Một bữa nọ, nhân được rảnh rang, ông mới đề huề lưng túi gió trắng, xuống Cần-thơ, tìm vào Bình-thủy để gặp ông Thủ-khoa.

Ông Thủ-khoa khi đó đã cáo quan về nhà.

Suốt mấy bữa rông đi nhọc mệt, và trong bụng đã sắp sẵn những ý kiến để đem chuông đi đấm với người, ông Tú tin tưởng đã nắm chắc thắng lợi trong tay như Hàn-Tín ra

quân và Khổng-Minh xuất trận.

Khi tới giữa làng Long-tuyền, quận Bình-thủy, thấy một ông già đang ngồi đan rổ ở ngoài đường, ông ghé lại : *Thưa bác, tôi muốn hỏi thăm đến nhà ông Thủ-khoa Nghĩa, bác làm ơn chỉ giùm.*

Ông già đan rổ hỏi : *Ông là ai, ở đâu mà kiếm ông Thủ-khoa ?*

- Dạ, tôi là tú tài Văn-Bình ở Gia-định, chắc bác đã biết tiếng, nay nghe ông Thủ-khoa, muốn đến xem ông thế nào có thật giỏi hay không ?

- À, thế ra ông là tú tài Văn-Bình, xin lỗi tôi không biết, vậy xin mời ông hãy ghé tạm vào nhà nghỉ uống nước đã, rồi tôi sẽ cho cháu đưa đi. Nhà ông Thủ-khoa cũng còn hơi xa chút.

Hai người cùng đi vào.

Ông già đan rổ mời ông tú tài Văn-Bình ngồi uống trà và lễ phép thưa : *Tôi cũng thích văn chương lắm vừa nói, ông vừa chỉ vào những câu đối trong nhà. Đây là những câu của ông Thủ-khoa đó. Ông ấy thích làm dài, còn tôi thì lại khác, chỉ thích chữ một thôi, và thỉnh thoảng cùng hợp anh em lại để làm đối đáp chơi.*

Thấy ông già thích văn chương, ông tú tài liền đỡ lời : *Nếu thế thì hay lắm, nhất kiến như kiến vậy, ông với tôi hãy thử cùng nhau ta làm xem thế nào ?*

Ông già đan rổ nói : *Nhưng tôi chỉ làm có chữ một. Chúng tôi học ít nên anh em chơi bởi thường cứ một người ra rồi*

*một người đối lại chớ không có làm dài, vì chúng tôi đâu phải là được như ông Thủ-khoa.*

Ông tú tài đáp : *Không sao, anh em mình chơi cho biết mà, ông hãy cứ ra đi, rồi tôi sẽ đối lại cho vui.*

Hộp xong chén nước trà, ông già đan rổ mở đầu : *Võ.*

Ông tú tài Văn-Bình đối : *Văn.*

Ông già đan rổ lại ra : *Trắc.*

Ông Văn-Bình lại đối : *Bình.*

Ông già đan rổ ra : *Vãng.*

Ông Văn-Bình đối : *Lai.*

Ông già đan rổ lại ra : *Nam.*

Ông Văn-Bình lại đối : *Bắc.*

Ông già đan rổ ra : *Cô.*

Ông Văn-Bình đối : *Cụ.*

Chữ nào chữ ấy, đối nhau nghe chan chát.

Tới đây, ông già đan rổ nói : *Thôi chúng ta hãy ngừng và ráp lại xem sao.*

Những chữ của ông già đan rổ ghép lại trở thành câu :

*Võ trắc vãng nam cô* 武仄往南姑

Đối lại, câu của ông tú tài là :

*Văn Bình lai bắc cụ.* 文平來北具

Đọc lại câu đối, ông tú tài Văn-Bình mới giật mình như chết điếng người ra. Té mới bị xỏ ngọt mà không hay. Ông thẹn đỏ mặt, rồi đứng dậy mà rằng : *Dạ, xin lỗi cụ, cụ là cụ Thủ-khoa rồi. Tú này xin phục tài, cụ chỉ giáo cho. Từ rầy trở đi không dám vượt râu cọp nữa.*

Ông Thủ-khoa cười xòa, và hai người bắt đầu đàm luận thật sự về câu chuyện văn chương.

Nguyên câu « Võ trắc vãng nam cô » của ông Thủ-khoa thì không có nghĩa gì. Nhưng câu của ông Tú thì thật là khó chơi, mà chính là tự miệng mình thốt ra : *Văn Bình lai bắc cụ*.

Ai muốn hiểu nghĩa nó ra sao, xin cứ đọc lái hai chữ sau chót thì thấy rõ và hiểu thêm về cái tài văn-chương cũng như cái kể chủ động của ông Thủ-khoa Bùi-Hữu-Nghĩa.

## KHI CỤ NGHÈ TÂN ĐẾN...

Cụ Nguyễn-Quý-Tân người làng Thượng-cốc, huyện Gia-lộc, tỉnh Hải-dương (Bắc-Việt). Cụ đỗ tiến-sĩ năm Thiệu-trị thứ 2, nên đời thường gọi là Nghè Tân.

Cụ là một nhà Nho, có tính liêm khiết và hay hài hước thường giả dạng học trò đi thử các quan lại. Vì thế, tiếng đồn khắp nơi, ai ai cũng kiêng sợ, đến ngày nay cũng còn có khá nhiều những giai thoại về Cụ.

Tục truyền khi Cụ được nhà vua giao cho việc đi thanh-tra quan lại miền Bắc để tâu riêng về Thiên-tử biết, có một bữa Cụ đi tới bờ sông nọ, thấy quan sở tại đang ngồi dự xem cuộc đua thuyền, Cụ lân la đến gần, lấy điếu của quan hút, rồi giả vờ lỡ tay làm rớt cho vỡ để chọc giận quan chơi. Quan hạch hỏi cụ xưng là học trò xin quan lượng thứ. Quan bắt phải tức cảnh làm một bài thơ, không xong sẽ đánh đòn. Cụ đọc rằng :

*Ô hô thiên ! Ô hô thiên !  
Thiên-tử thắng hà vị bán niên  
Giang-sơn thảo mộc do hàm lệ  
Thái-thú giang biên độc trại thuyền.*

嗚呼天嗚呼天  
天子升遐未半年  
江山草木皆漢淚  
太守江邊獨賽船

Nghĩa là : trời ơi trời, trời ơi trời, vua mất chưa nửa năm trời, núi sông cây cỏ đều ngậm ngùi, vậy mà quan thái-thú

riêng lấy đua thuyền để làm vui.

Quan nghe xong tái mặt đi, năn nỉ hỏi tên họ. Cụ cho biết là Nghè Tân. Quan sợ quá phải lạy van xin lỗi và lập tức giải tán cuộc đua thuyền.

Câu chuyện này nghe thật là hay. Nhưng theo thiển ý đó là câu chuyện « tam sao thất bản » hay « râu ông nọ cắm cằm bà kia » vì xét bên Trung-quốc về đời nhà Minh, trước ông nghè Tân ba trăm năm đã có chuyện nhà văn Dương-Nhất-Thanh cũng thế mà đem bài thơ ra so chỉ thấy khác vài chữ, một đăng nguyên văn của Dương là : « *Khổ tai, khổ tai, thị ngã thiên, Thiên hoàng án giá vị dư niên, Giang sơn thảo mộc do hàm lệ, Thái-thú giang biên khán độ thuyền* ». Còn một đăng của cụ nghè Tân thì như trên đã nói.

Vì thế, chúng tôi quả quyết cho câu chuyện trên là do sự lầm lẫn của người đời xưa mà ra. Còn chính về Cụ, có thể tin được là giai thoại sau này.

Cũng theo tục truyền :

Một ông tổng-đốc mới từ đường trong ra nhậm chức cai trị một tỉnh nọ. Để thử đức độ quan, một hôm cụ Nghè thơ thẩn ở trước cổng công đường, thấy anh thợ cối gánh đồ đạc vào dinh đóng cối cho bà lớn, ông xin theo vào làm. Anh thợ thương cảnh học trò nghèo cho đi. Ông cởi khăn áo dài ra bỏ vào bồ, rồi mặc quần áo nâu cộc, quấy gánh cho anh thợ đi vào.

Hai người làm hì hục từ sáng đến trưa mà bà lớn vẫn không cho được bát nước để uống. Đói bụng quá anh thợ bỏ đi tắm để rồi sẽ ra quán ăn cơm. Trông lên công đường thấy

văng người, cụ Nghè liền đi lên, lấy dùi đục gõ đầu, và vén quần lên nằm cởi trần treo khoeo trên sập. Lính hầu trông thấy vào bẩm quan tổng-đốc. Quan nổi giận sai bắt vào tư dinh hạch hỏi, cụ xưng là học trò nghèo, theo anh thợ làm giúp, không biết đây là chỗ công đường. Nghe nói, quan đang ăn bữa trưa xuống chỉ lên bức tranh treo vẽ một con quạ và một trăm con sẻ bảo : *Nếu quả thật học trò, phải vịnh ngay một bài thơ để đề vào tranh đó, nói sao cho đủ số 101 con mà cấm không được dùng chữ ô (quạ) và chữ sẻ. Hễ được thì tha, không sẽ nghiêm phạt vì tội vô lễ dám nằm lên sập của quan ở công đường.*

Cụ nghè bẩm : *Thơ thì trong bụng tôi lúc nào cũng sẵn nhưng phải có rượu mới ra được.*

Quan sai lính rót rượu cho uống bảo đem bút mực ra.

Uống xong chung rượu thứ nhất, cụ hạ bút viết : *Nhất chích* (một con) 一隻

Quan rót thêm chung nữa, cụ viết : *Nhất chích.*

Chung nữa, cụ viết thêm : *Hựu nhất chích* (lại một con). 又一隻

Quan lấy làm ngạc nhiên, nhưng cũng cứ đợi để xem sao, và rót cho chung nữa. Cụ uống xong chung thứ tư này viết thêm : *Tam tứ ngũ lục thất bát chích* 三四五六七八隻 (3, 4, 5, 6, 7, 8 con).

Viết xong, nói : *Dạ bẩm quan lớn đã đủ một trăm lẻ một con rồi đó...*

Quan giận, trừng mắt hỏi : *Như thế là 101 rồi ư, bộ anh*



*cho ta không biết chữ biết nghĩa gì sao ?*

Cụ khoan thai đáp : *Nhất chích, nhất chích hựu nhất chích là 3 con rồi nhé-bấm thừa quan lớn-tam tứ là 12 con, ngũ lục là 30, thất bát là 56 con, 56 cộng với 30 với 12 và với 3 chẳng phải 101 con là gì ?*

Quan nghe ra lẽ, bảo : *Được rồi, nhưng phải làm sao cho ra bức tranh treo nhà của quan Tổng-đốc chứ ?*

Quan vừa nói vừa rót thêm rượu. Cụ uống cạn chung rồi viết :

*Hà ô chi thiếu, hà điều chi đa ?*

何鳥之少何鳥之多 (sao quạ thì ít, sao chim thì nhiều).

*Thực tận nhân gian thiên vạn thạch*

食盡人間千萬石 (ăn hết của đời nghìn muôn thạch).

Câu cuối cùng cụ có ý xoi móc quan. Nhưng quan phải khen là tuyệt hay và hỏi : *Anh người hay chữ thế, đã đi thi mấy khoa rồi mà còn long đong vậy ?*

Cụ khoanh tay, lễ phép thưa : *Dạ bẩm quan lớn, tôi học còn kém lắm mới đỗ tiến-sĩ thôi, lại vì mắc tính thanh liêm nên bị nhà vua ghét bắt đi thanh tra các quan lại Bắc-hà. Hôm nay đến đây nghe bà lớn bắt thợ đóng cối gấp nên phải theo vào đóng giúp để kiếm buổi cơm trưa...*

Nghe nói quan sợ toát mồ hôi, vội vàng từ trên sập nhảy xuống xin lỗi cụ và lạy lấy lạy để. Nhưng cụ chỉ cười ha hả rồi vừa bước đi thẳng vừa dặn với lại rằng : *Thôi chào quan, quan hãy gắng sao cho được lòng dân đi, chớ đừng khinh thị người nghèo kẻ khó nữa.*

Câu chuyện xảy ra, trên từ ông lớn bà lớn, dưới đến các chú lính hầu, đều tái xanh mặt lại, và từ đó trở đi, không còn dám giữ thái độ hống hách như xưa.

Nghe kể lại, ai nấy đều phục tài văn chương cụ Nghè Tân. Kể đáng phục thật, nhưng cái tài văn chương ấy theo ý tôi không đáng phục bằng cái việc đi làm thanh-tra của cụ. Cái việc này giả sử có thật mới chính là quan hệ và đem lại thiết thực cho đời, một việc làm để chặn đứng tánh nết tham ô của một số quan lại mà không cần phải dùng đến những hình phạt kia nọ. Phải đời đời cứ kế tiếp có những người như thế thì đám dân lành cũng bớt khổ vậy thay !...

# KHÔNG VIẾT ĐƯỢC LÀ GIỎI

Đọc đầu đề này chắc hẳn nhiều bạn sẽ lấy làm ngạc nhiên.

Tại sao ở cõi đời này lại có cái sự kỳ khôi ấy ?

Nhưng không, các bạn hãy bình tĩnh để cùng thưởng thức chuyện sau đây :

Một buổi sáng nọ, sau khi mãn triều vua Tự-Đức họp các ngài mũ cao áo rộng để bàn chuyện văn thơ, chuyện văn thơ phù phiếm trong khi cả nước đang nhao lên vì vận mạng quốc gia chông chênh như trứng để đầu gậy, trước sự đe dọa của bọn thực dân xâm lược Pháp.

Nhà vua cùng các quan bàn chuyện, từ chuyện Tam Hoàng Ngũ Đế, chuyện Hán, Đường, Tống, Nguyên đến các chuyện văn thơ Lý-Bạch, Đỗ-Phủ... đều được đem ra thảo luận, rất mực sôi nổi. Trái lại, chuyện nước mình cả vua lẫn quan đều ù ù cạc cạc, nhất là tình hình lúc đó, các hòng đại bác của giặc Tây từ ngoài biển cứ găm vào gần mãi.

Muốn thử học lực các quan, nhà vua đọc hai bài ám tả không đầu đề, bài thứ nhất gồm 4 câu thơ sau :

*Lâm vũ lâm ly lý lý đường,  
Minh minh bình chúc chiếu âm dương,  
Trì khu thượng hạ công danh quán,  
Khử thủ ly bì đắc kỷ cương.*

霖雨淋漓李悝塘

冥冥秉燭照陰陽

馳驅上下攻盈貫  
去首離皮得幾綱

Bài thứ hai cũng 4 câu :

*Tiêu hà tá hán khởi ư phong,  
Sấn nhập trùng vi nhiều trưởng trung,  
Bất luận huân tiêu phàn khoái lực,  
Hốt văn hàn tín tự tiêu không.*

蕉荷借漢起於風  
趁入重圍繞帳中  
不論薰燒樊燧力  
忽聞寒信自消空

Để tỏ tài mẫn tiệp, các quan già trẻ thi nhau viết lấy viết để. Sấn cái đầu óc quá quen thuộc với các bộ sử Trung-quốc, ngài nào ngài ấy cũng tưởng bài thứ nhất có nghĩa đại khái : « Nhà Lý-Đường gặp lúc như mưa dầm đen tối, những bấy tôi cầm máy âm dương soi sáng, và những người dong ruổi đó đây đánh dẹp bọn Danh, Quán, trừ đầu trừ da hỏi được mấy kẻ ? »

Và bài thứ hai : « Ông Tiêu-Hà giúp nhà Hán ở đất Phong, không cần sức mạnh của Phàn-Khoái, chỉ nhờ tài Hàn-Tín là xong hết mọi việc. »

Với những thành ngữ nhan nhản trong hai bài như « Lý Đường, Danh, Quán, Tiêu-hà, Hàn-Tín, Phàn-Khoái », thôi đích thị nếu không phải nói về sự tích nhà Đường, nhà Hán, còn chi chi vào đó ?

Tuy vậy, trong số các ngài, cũng có nhiều tay thấy đột

ngột, sinh nghi tự nghĩ : « Chẳng lẽ nhà vua lại đọc ám tả dễ thế này » ý hẳn còn mảnh lời gì nữa ?... Vì thế có cụ vừa bóp trán suy nghĩ vừa viết, và có cụ không viết.

Nhà vua ngồi trên sập ngự vừa đọc vừa mỉm cười. Nhưng nào biết cười ai ? Phải chăng là cười những ngài không viết được chữ nào ?

Viết xong, các quan đệ lên. Lúc đó, những ngài viết được mới chết điếng người ra, không dè, tất cả đều sai bét sai be...

Ở bài thứ nhất, chữ « lý lý đường » là trong vườn mận, « âm dương » là tiếng kêu, « danh quán » là sâu chuối, không phải là nhà Lý-Đường, máy âm máy dương, tên Danh tên Quán...

Tức nó là bài thơ « soi ếch » nếu đem dịch nôm có nghĩa :

*Vườn mận đêm mưa nước nhọt nhầy,  
Thấp đèn soi khắp chỗ kêu đây,  
Bắt trên bắt dưới sâu từng chuối,  
Chặt thủ lột da mấy chã đây.*

Ở bài thứ hai, chữ « tiêu hà » là tàu chuối, lá sen. Phong là gió, Hán là nó, Hàn Tín là tin lạnh, hơi lạnh, Phàn-Khoái là hun đốt, không phải ông Tiêu-Hà, đất Phong, nhà Hán, ông Hàn-Tín, người Phàn-Khoái.

Tức nó là bài thơ « con muỗi » nếu đem dịch Nôm, có nghĩa là :

*Bẹ chuối đài sen nổi cánh bay,  
Chui vào màn trướng đốt vo vay,*

*Chẳng cần phải tốn công hun đốt,  
Hơi lạnh đòi cơn tẩu tán ngay.*

Các ngài nào hạ bút thao thao, bấy giờ mới đỏ mặt lên như Quan-Công uống rượu. Và nhà vua khi chấm mới xếp làm 3 hạng : Hạng kém là hạng nghe đọc hạ bút viết liền. Hạng khá là hạng suy nghĩ rồi mới viết. Còn hạng giỏi là hạng bỏ trống không viết chữ nào.

Các quan ai nấy đều phục tài chơi chữ của nhà vua. Chơi khăm đến thế, quả không ngờ !

Đó câu chuyện « Không viết được là giỏi » vậy đó.

Kẻ nhắc chuyện này thăm nghĩ cũng phục tài văn chương của vua Tự-Đức như các cụ đương triều đã phục. Nhưng không thích, vì chẳng thấy gì khả dĩ gọi là giúp ích cho quốc gia, dân tộc đang trong lúc dầu sôi lửa bỏng mà vua với các quan đều là những kẻ gánh trách nhiệm.

Than ôi !

Giá phỏng nhà vua giỏi thời vụ, cũng như giỏi văn-chương, biết thử tài thực dụng của các đình thần lúc đó như thử tài văn-chương thì đâu đến nỗi sau này phải ta thán não nề :

*Vũ tướng tiêu sầu duy hữu tửu  
Văn thần thoái lộ cánh vô thi.*

武將消愁惟有酒  
文臣退虜更無詩

Nghĩa là các tướng vũ chỉ biết uống rượu giải buồn, còn các quan văn bảo làm thơ phá giặc, thì chẳng ai nghĩ được

bài nào. Khá tiếc lắm vậy thay !

# TRÊN CHÓ, DƯỚI CHÓ, TẤT CẢ ĐỀU CHÓ...

Tục ngữ Việt-nam có câu nói : « Làm người thì khó, làm chó thì dễ ». Tại sao ?

Lý rất giản dị, vì làm người thì phải giữ tư cách người đối với người, phải sao cho đừng bị tiếng là tham ăn tục uống, là giành nhau cướp nhau, là ra cú vào luồn, là bán nước buôn dân, là phản bạn lừa thầy, là bất trung bất hiếu, bất thuận bất hòa, bất liêm bất tín, bất trung, bất si, v.v... một trăm một ngàn thứ đòi tề khác nữa. Còn làm chó thì cóc cần, thấy thơm cũng lùa, gặp dơ cũng đớp, thịt cũng nhai, xương cũng gặm, lỗ nào cũng chui, nơi nào cũng liếm...

Bởi chó là như vậy, nên nhà văn Lương-Khải-Siêu ở Trung-hoa trước đây cũng đã không ngần ngại bình phẩm cái tập đoàn thống trị cuối đời Mãn Thanh là những tên vua chó, quan chó, triều-đình chó (cẩu quân, cẩu quan, cẩu triều-đình).

Ai nghe lời bình phẩm này cũng lấy làm khoái chí, nhất là những ai có đầu óc cách mạng, có tinh thần xã hội.

Nhưng đó là chuyện bên Trung-quốc. Còn bên Việt-Nam này thì sao ?

Xin thưa cũng có những chuyện tương tự, và nghe còn lý thú hơn nữa, vì cũng lấy chó để chỉ vào những kẻ thuộc giai tầng tổ bố, thí dụ Cao-Bá-Quát và ông Ích-Khiêm ở cuối đời nhà Nguyễn.



Tục truyền vào thời Tự-Đức, một hôm có hai vị quan triều cãi nhau, rồi đánh nhau đá nhau. Việc đến tai vua, vua sai triệu vào hỏi duyên cớ, hai người đổ lỗi lẫn cho nhau, và tâu có mặt Cao-Bá-Quát, vua liền đòi Quát vào khai chứng. Ông Quát làm sớ tâu :

*Bất tri lý hà ?* 不知理何

*Lưỡng tương đấu khẩu.* 兩相門口

*Bỉ viết cẩu,* 彼曰狗

*Thử diệc viết cẩu.* 此亦曰狗

*Bỉ thử giai cẩu,* 彼此皆狗

*Dĩ tương đấu ẩu,* 以相鬥毆

*Nguy tai nguy tai.* 危哉危哉

*Thần cụ thần tẩu.* 臣懼臣走

Nghĩa là :

Chẳng biết lý sao ?

Hai bên cãi nhau.

Bên này bảo chó,

Bên kia cũng chó.

Hai bên đều chó,

Rồi họ đánh nhau,

Nguy thay nguy thay,

Thần sợ thần chạy...

Tờ sớ tâu này chẳng biết đúng không nhưng đã khiến cho người nghe được lấy làm sung sướng khi thấy có người đã thừa cơ để bảo mấy lão quan là chó, là chó ngay ở trước mặt vua mà không sợ quả phạt vì cái tội khi quân thất lễ.

Còn ông Ích-Khiêm (người làng Phong-Lệ, phủ Điện-Bàn,

tỉnh Quảng-Nam, sinh năm 1840 mất năm 1890, thi đỗ cử nhân, nhưng làm quan võ đến chức Phủ Sứ) thì tục truyền ông ghét các quan văn võ triều đình lắm, vì dưới mắt ông, tất cả đều là lũ hại, nên phải đi mượn quân nhà Thanh sang đánh Pháp, đánh đã không được còn làm khổ dân chúng khắp nơi, do đó ông cho là thất sách và có thơ châm biếm :

*Áo chúa cơm vua đã bấy lâu,  
Đến khi có giặc phải thuê Tàu.  
Từng phen võng giá men chân nháy,  
Đến bước chông gai thấy mặt đâu ?  
Tiền bạc quyên hoài dân xác mướp,  
Trâu dê ngày hiến đũa rằng bầu,<sup>9</sup>  
Ai ơi hãy chống trời Nam lại,  
Kẻo nữa dân ta đến cạo đầu.<sup>10</sup>*

Kể cũng là những nhát búa văn nghệ, đập thẳng vào đầu những kẻ lúc bình thì ăn trên ngồi chốc, cổ xơi cổ bắm rồi lúc thấy nguy thì nhanh chân lánh mặt. Song đến câu chuyện sau đây mới thật mỉa mai cay cú cho những hạng người vừa nói trên.

Cũng theo tục truyền, để chửi vào lũ mặt dày mày dạn ấy một bữa nọ ở kinh-đô Huế ông thiết tiệc mời các quan đại thần văn võ đến xực. Các quan đến đông lắm. Bàn trên cỗ dưới khi ăn toàn thịt chó cả, có người không ăn được, hỏi món khác, ông Khiêm xoa tay cười đáp lại : *Xin lỗi, trên chó dưới chó, tất cả đều chó, thành không có gì nữa.*

Các quan biết ông chơi xỏ, nhưng vẫn ngậm cay ngậm đắng để muối mặt mà ăn.

Tưởng đâu chỉ thế. Ai dè tiệc xong, gọi nước mãi, không thấy quân hầu đưa lên (vì chủ nhà đã dặn trước) chủ nhân lại lên tiếng quát tháo : *Nước đâu, nước đâu ? Tụi bay định để chúng tao khô cổ chết phải không ?*

- Dạ !

Một tên lính hầu đi lên : *Bẩm quan lớn, nước chưa được !*

Ông Ích Khiêm nổi nóng hét om sòm : *Đồ chó chết, chó chết, chỉ biết vực đầu ăn, không lo nước non gì. Các quan nghe hét ai nấy đều tím mặt cả lại vì biết bị chơi cú cay nữa. Nhưng cay thì cay rán chịu, người ta mắng chửi người nhà người ta mà.*

Ấy thế mà khốn nạn chưa, bị nhiếc đến thế, rồi mà sau trước các quan lớn nhỏ, cha con bè lũ vẫn tạt nào nết ấy, tức thay !

Nghe chuyện này, có người bảo ông Ích-Khiêm chơi quá sỗ sàng, nhưng theo tôi thì thấy còn lịch sự nhiều lắm vì đối với những hạng người ấy phải đem nọc ra mà đánh như Trương-Dực-Đức đánh Đốc-Bưu xưa ở đời Tam-quốc mới tạm là đáng vậy.

# TỤC MÀ THANH

Tục truyền vào thời đại các sách vở của Thánh Hiền Trung-quốc còn được chiếm những địa vị tối cao trong ngành học ở nước Việt-Nam ta, có một anh học trò nghèo, nghe tiếng quan huyện sở tại là một vị khoa mục xuất thân, mới đến xin quan trợ cấp cho ít gạo để ăn. Chẳng may, ngày anh tới cửa quan, lại nhằm phải ngày quan đi vắng. Đã thế, bà lớn lại là một bà cay nghiệt có tiếng, đã chẳng cho gạo thì chớ, lại thốt ra những tiếng tục tằn, thô bỉ hết điều.

Thân phận học trò nghĩ ước quá, anh ta ra ngoài cố đợi quan về để bẩm lại sự tình.

Quan cho anh theo vào tư thất, để chứng kiến ở trước mặt bà lớn, và bảo anh nếu thật là học trò thì hãy lấy ngay cái mà bà lớn « bảo ăn » làm đầu để vịnh một bài thơ xem sao, xem có thật học trò hay là một gã « cha chài chú chóp » ở đâu đến. Anh liền vịnh ngay rằng :

*Bác mẹ sinh thành giống tổ tông,  
Ai ai cũng có chẳng ai không.  
Ngoài bồi phần trắng ba phân bạch,  
Trong giắt châu son một tấc hồng.  
Ngày sáu khắc vầy màn Đông-tử,  
Đêm năm canh dựng ngọc Hồ-công.  
Học trò hết gạo xin cho gạo,  
Của ấy riêng bà để biếu ông.*

Anh vịnh xong, quan phải thưởng tiền gạo và lấy lời an ủi để cho anh ra về.

Bài thơ nay, ai đọc đến cũng cho là hay, cái hay của nó là tả một cái rất tục mà toàn bài không phải dùng đến một chữ tục nào, đã thế câu thứ tám lại đem được tất cả những gì là tục tằn của bà lớn thốt ra để trả lại ông lớn, như vậy là bà chửi bao nhiêu, thì ông lại phải nghe bấy nhiêu, cái câu kết rất là êm dịu, là hữu lý, nhưng rất là mai mỉa, cay độc.

Tuy nhiên, hay thì hay thật, nhưng xét ra cũng chưa lấy gì làm khó cho lắm. Vì đó mới chỉ là vịnh có một cái « tục » thôi, một cái mà phải dùng đến những 8 câu 5 vần và 56 chữ mới xong. Đầu bằng bài « tứ khoái » và bài « cục phân » của ông Phan-Văn-Trị, tức Cử Trị, người làng Hanh-thông tỉnh Gia-định, thi đỗ Cử-nhân khoa Kỷ-Dậu năm Tự-Đức thứ hai, dương-lịch 1849, một nhà nho yêu nước, ở thế kỷ 19 đã vang bóng một thời với những thi văn chống lại những bài của Tôn-Thọ-Tường, người ra cộng tác với thực dân Pháp.

Cũng theo tục truyền, thấy ông Trị là người có tài nghệ văn chương và tính tình khoáng đạt, có lần một người bạn cắc cớ bảo ông làm thử một bài thơ « tứ khoái ». Ấy thế mà ông chẳng những đã không giận, trái lại còn ứng khẩu đọc ngay :

*Cơm Phiếu Mẫu, gỏi Trần-Đoàn,  
Ngửa nghiêng loan phụng nhẹ nhàng nương long.*

Cơm Phiếu Mẫu tức là khi đói quá được ăn, sự tích lấy trong Tây-Hán sử : Hàn-Tín xưa nhà nghèo, câu cá ở dưới thành không đủ ăn, bà Phiếu Mẫu thấy Tín đói quá, gọi Tín đến cho ăn. Gỏi Trần-Đoàn là thích nghĩa về ngủ, vì ông này xưa ngủ một giấc ở trong núi đến ba năm mới dậy, « ngửa

ngiên loan phụng » là thích nghĩa về cái khoái thứ ba, còn « nhẹ nhàng nương long » là thích nghĩa về cái khoái thứ tư, vì hai chữ « nương long » là tiếng lóng của các cụ Nho xưa dùng để chỉ « hậu môn ».

Đó là vài thơ vịnh « Tứ khoái ». Còn về bài thơ « cục phân » thì đại để như sau :

Số là tên phản quốc Trần-Bá-Lộc tức Tổng-Đốc Lộc, vẫn nghe danh ông là người cứng cổ, không hề sợ ai, thường dùng thi văn để đả kích những người ra làm việc cho chính phủ « Tân Trào », mà đả kích ra mặt chớ không có quanh co úp mở, y ta nghĩ tức, nên khi quân Pháp bình định được sáu tỉnh miền Nam, một bữa nọ, nhân đi có việc xuống Vĩnh-Long (lúc ấy ông Cử đang ngồi dạy học ở Vĩnh-Long) y liền cho lính đến mời ông lên nói : *Nghe đồn ông làm thơ hay lắm, vậy tới đây, ông hãy xuất khẩu làm một bài nghe thử xem được không, nếu không, thì đây đã có luật pháp của chánh phủ.*

Ông trả lời : *Quan lớn muốn tôi ứng khẩu làm thì cứ việc ra cho đầu đề.*

Sẵn tính lưu manh, nên nghe thế, tên Lộc liền trắng trợn nói : *Cục cú.*

Hắn tưởng với cái đầu đề tục tĩu như vậy, là vừa để khinh thường ông Cử, vừa để lên mặt ta đây và cho như thế, ông Cử sẽ không sao làm được.

Nhưng vỏ quít dày đã có móng tay nhọn, tên bán nước đã dựa vào thế giặc để làm mặt ra oai thì đây đã có thứ vũ khí văn chương, thứ này tuy mềm, nhưng nếu biết dùng và khéo dùng, cũng có thể đâm thủng được những tấm da mặt dày

của những kẻ lòng lang dạ thú, nên tên Lộc vừa há họng dứt, ông Cử đã đọc ngay :

*Đương cơn bận rộn ló đầu ra,  
Người thấy ai mà chẳng sợ va.  
Cây thế vắt lưng ngồi vít đóc,  
Rồi đây sẽ bị chó liềm tha.*

Là 4 câu vịnh đầu đề trên, nhưng nội dung thật là xứng đáng với con người của Lộc. Tên này không biết có hiểu như thế là ám chỉ mình không, hay hiểu mà giả đò như không biết gì đến, cho đỡ bị tiếng đồn loan ra. Hẳn phải thả ông về. Câu chuyện này đồn đi, ai cũng phục tài ông, và phục nhất là ở chỗ trước mặt một tên uống máu đồng bào không biết gớm mà vẫn giữ được tư thế, phong độ.

Hai bài thơ trên đều với đầu đề là tục cả, ấy thế mà dùng toàn chữ thanh, một bài chỉ vồn vẹn có hai câu lục bát mà tả được những bốn cái tục, còn một bài thì chỉ bốn câu ba vần mà bao hàm biết bao nhiêu ý nghĩa. Chẳng những là hay mà còn là vô cùng khó nữa. Thế mới biết người giỏi thơ văn, thì với những đầu đề tục cho mấy cũng vẫn làm được thanh, còn những kẻ kém thì xin hãy miễn cùng bàn vậy.

## ĐỐI TẾT NHÀ HỌ ĐỖ

Cứ mỗi lần Tết đến, nhà cửa đồng bào ta lại đỏ rực lên những câu đối. Không có câu đối kể như là thô kệch, là kém phần thanh nhã, nhất là không có gì để cho ra vẻ Tết. Chẳng thế mà đời đã có câu :

*Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ,  
Nêu cao pháo nổ bánh chưng xanh.*

Quả thật câu đối là cần thiết. Vai trò của nó quan trọng chẳng kém gì thịt mỡ, dưa hành, bánh chưng xanh là những thứ để cho ngon miệng, no bao tử, và nêu cao, pháo nổ là những thứ để trừ tà diệt quỷ. Bởi thế, một người khinh đời ngạo vật như Tú-Xương Tết đến cũng nghĩ phải có câu đối dán nhà :

*Nhập thế cục bất khả vô văn tự,  
Chẳng hay ho cũng phải nghĩ một đôi bài.  
Huống chi mình đã đỗ tú tài,  
Ngày Tết đến cũng phải dán một hai câu đối.*

Lại như ông hàng thịt nọ cả năm chỉ sống bằng nghề thọc huyết heo. Tết đến cũng phải đến cụ Yên-Đỗ để xin hai câu về dán nhà :

*Tứ thời bát tiết canh chung thủy,  
Ngạn liễu đôi bờ dục điểm trang.*

四時八節更終始  
岸柳堆蒲欲點粧

Vì thế có người nghĩ rằng Tết dán câu đối chẳng những để



cho ra vẻ mà còn cho thiên hạ biết mình cũng có chữ trong nhà, bởi không có chữ, chưa hẳn là đã hoàn toàn là người.

Nghĩ như vậy, kể ra cũng đúng, nhưng chỉ đúng phần nào vì ở đời thiếu chi những kẻ có chữ mà vẫn chẳng hoàn toàn là người, và những kẻ càng tỏ ra có chữ bao nhiêu lại càng thêm bêu chuyện bấy nhiêu.

Thí-dụ : trường-hợp của nhà tổng-đốc Đỗ-Hữu-Phương xưa kia, cho đến bây giờ vẫn còn là cái bia miệng ở đất Đồng-nai này.

Phương người tỉnh Chợ-lớn, xuất thân từ một tên hộ trưởng, khi thực dân Pháp đem binh sang xâm chiếm nước ta, Phương trở thành một tay sai đắc lực của « nhà nước tân trào » sau thăng dần đến chức vụ Tổng-đốc.

Đối với thời ấy, Phương chẳng những là tay quyền thế mà còn là tay giàu thứ hai sau Huyện-Sĩ, trên Bá-Hộ Xường, Hộ-trưởng Định, nên đời đã có câu :

*Nhất Sĩ nhì Phương,  
Tam Xường tứ Định.*

Phương có năm con trai đều được giặc Pháp cho làm quan to và 3 người con gái đều lấy chồng làm quan to cho giặc...

Nếu gác bốn chữ « mãi quốc cầu vinh » ra, nhà Phương quả đúng là « Tam đa ngũ phúc ».

Có lẽ tự hào như thế, nên gặp dịp Tết nọ, Phương cho dán ngay trước cửa nhà một câu đối : « *Đất Chợ-lớn có nhà họ Đỗ, đỗ trước cửa ngũ phúc tam đa.* »

Phương treo giải mười nén bạc cho ai đối được. Phương

chủ quan tưởng thế là hay, là một cách làm tăng uy tín chỗ có biết đâu, đối với nhà Phương, sang đấy, giàu đấy, nhưng đồng-bào mỗi khi nhìn thấy cái bộ mặt « bán nước hại dân » của y, vẫn thấy kinh tởm như lũ phong cùi ở đất cù lao Rồng. Bởi vậy nhân dịp có người đã gởi lại một câu để đối. Đối rằng : « *Cù lao Rồng có lũ thẳng phung, phun<sup>11</sup> một lũ cứu trùng bát nhã.* »

Đối hay, người đối lại không thêm lấy tiền vì mục đích chỉ để cảnh cáo một kẻ xây phú quý trên máu và nước mắt đồng bào.

Nghe truyền lại, khi nhận được câu ấy, Phương đỏ mặt gay lên, tỏ vẻ sượng sùng thay. Y nghĩ tức giận lắm nhưng không lý gì trả thù được, nên đành phải phục, và nén bực làm tỉnh cho qua câu chuyện đi.

Từ đó Tết đến, Phương không còn dám ngo ngoe chữ nghĩa nữa.

Thật cũng là một giai-thoại để thế nhân nhắc nhở trong mỗi độ xuân về, và cũng là một cái tiếng « muôn đời không đẹp » cho nhà « quan » họ Đỗ, thông gia của hai tên trùm bán nước Lê-Hoan, Hoàng-Cao-Khải.

Bởi thế, kẻ thuật chuyện này trộm nghĩ gặp ngày Tết, chúng ta cũng nên dán câu đối cho lịch-sự cửa nhà, vì Tết là một dịp để phô cửa, phô đẹp, phô chữ. Có mà không phô để góp với trần gian cũng uổng. Nhưng văn những ai như gia-đình họ Đỗ thì chớ nên phô làm gì, vì càng phô bao nhiêu, thiên hạ càng tởm, càng muốn nhổ vào mặt bấy nhiêu. Hay có muốn phô thì hãy trở lại cái bản chất làm người đi đã.

# MỘT ĐẠO CHẴNG HAI ĐƯỜNG

Trong hàng khoa bảng suốt thời nhà Nguyễn, người đỗ vẻ vang nhất phải nói là ông Tam-Nguyên Trần-Bích-San. Sinh năm 1833 mất năm 1877, người làng Vị-xuyên, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Nam-định, ông Trần-Bích-San thi hương đỗ giải-nguyên trường Nam năm 1864, qua năm sau thi đỗ hội nguyên rồi đình nguyên, tức liên trúng tam nguyên, nên vua Tự-Đức ban cho biệt hiệu là Hy-Tăng, để sánh với Vương-Tăng, một nho sĩ bên Trung-quốc xưa đã liên trúng tam nguyên đời Tống.

Thi đỗ sớm, làm quan sớm, lại không may mất sớm, thành thử sự nghiệp văn chương của ông Tam-Nguyên Trần-Bích-San lưu lại cho đời, không được lừng lẫy như ông Tam-Nguyên Nguyễn Khuyến (tức Yên-Đỗ) người cùng bạn học một thầy : cụ Hoàng-Giáp Tam-Đặng Phạm-Văn-Nghị.

Có người bảo ông Trần-Bích-San chỉ tài về Hán-tự không giỏi về quốc âm, nên thi văn ông làm cũng nhiều mà không được phổ biến sâu rộng trong quảng đại quần chúng. Vả lại, đa số là những bài thù tạc, nên ngay cả giới sĩ phu cũng không truyền tụng mấy. Bằng chứng quyển thơ « Tam-Nguyên Vị-Xuyên thi tập » của ông lưu lại có cả hàng trăm đầu đề mà nhắc đến, người ta chỉ kể mỗi bài « Tam quá Hải-vân quan » (3 lần qua đèo Hải-vân) :

*Tam niên tam thưởng Hải-vân đài  
Nhất điều thân khinh độc vãng hồi  
Thảo thụ bán không đệ nhật nguyệt*

*Càn khôn chích nhõn tiếu trần ai.  
Vân phi sơn thủy vô kỳ khí  
Nhân bất phong sương vị lão tài.  
Hữu đạo Tần quan chinh lộ hiểm  
Mả đầu hoa tận đối yên khai.*

三年三上海雲臺  
一渺身輕獨往回  
草樹半空低日月  
乾坤雙眼小塵埃  
文非山水無奇氣  
人不風霜未老才  
休道秦關征路險  
馬頭花盡帶煙開

Ông Tô-Nam Nguyễn-Đình-Diệm đã dịch ra quốc âm :

*Nhẹ bỗng mình chim lồi Hải-vân,  
Ba năm qua lại đủ ba lần,  
Nửa con mắt ngó trần ai hẹp,  
Sát ngọn cây trông nhật nguyệt gần,  
Chửa dạn phong sương tài chửa luyện,  
Không pha sơn thủy bút không thần,  
Mây lồng cổ ngựa hoa đua nở,  
Có hiểm gì đâu lồi ải Tần...*

Nhưng theo tôi, có lẽ không đúng vì ông Tam-nguyên họ Trần có một giai thoại hy hữu, xin kể lại sau đây :

Tục truyền khi ông đi lãnh chức tuần-phủ Hà-nội, có ông khâm-sai linh mục Trần-Văn-Lục (tục gọi cụ Sáu) ở xứ đạo Thiên-Chúa Giáo Phát-Diệm đến ra mắt.

Cụ Sáu họ Trần (1825-1899) người làng Mỹ-quán, tỉnh Thanh-hóa, vốn cũng tay thâm nho, nên trong khi trò chuyện có đưa một câu đối nói thác của người khác ra, khó quá, đối không được, muốn nhờ ông Tam-Nguyên đối hộ. Ông Tam-Nguyên lễ phép thưa : *Xin Cụ cứ cho nghe, xem kẻ hậu sinh này có thể đối được không ?*

Cụ Sáu đọc : *Ba cụ ngồi một cỗ, cụ đủ đều cụ chẳng sợ ai ?*

Câu này ra bao hàm một ý nghĩa ngạo nghễ, muốn gián tiếp chỉ cho ông Tam-Nguyên biết rằng : « Các anh muốn ghét đạo Gia-tô thì ghét, bài xích thì bài xích. Ta đây không sợ, và cũng đủ lý lẽ để đối lại như ai ». Cái khó về hình thức của nó là ở chỗ trong câu ra đã có chữ « Cụ » để chỉ tiếng cụ đạo (linh-mục) lại có cụ là cỗ, cụ là đủ, cụ là đều, cụ là sợ.

Với óc thông-minh, ông Tam-Nguyên nghe xong, biết ngay ông cụ đạo họ Trần vừa muốn thử tài, vừa chơi chữ xỏ xiên, nên trả lời : *Thưa Cụ, tưởng sao, chớ dễ thế, kẻ hậu sinh này tuy dốt vẫn có thể đối được chỉ sợ đối rồi, không hay lắm, và sợ cụ buồn giận !*

Cụ Sáu cười ra vẻ đắc-ý, nói : *Được « văn hành công khí » miễn quan lớn đối hộ cho là cảm ơn, có chi mà giận, cốt hay thôi !*

Ông Tam-Nguyên khiêm tốn : *Dạ, cụ đã cho phép, kẻ hậu sinh này xin đối : Một đạo chẳng hai đường, đạo dẫn trộm đạo còn nói láo.*

Câu đối lại này có bao hàm một ý nghĩa để đáp lại với một chuỗi dài những chữ « cụ » ở trong câu ra trên. Đặc biệt

là dùng chữ « đạo » để đối với chữ cụ, cụ đạo.

Thế là ông Sáu họ Trần bị chơi lại ngay một cú đau đớn hơn hoạn. Nhưng biết làm sao được. Chính ông ta là kẻ đã gieo gió, gieo gió thì phải chịu gặt bão, nhất là đã tuyên bố « văn hành công khí » và chỉ « cốt hay thôi ». Vở quýt dày móng tay nhọn. Thành ông chỉ còn nước rút lui, cáo từ ra về với vẻ mặt xúi xị.

Kể ra thì ông Sáu hớ thật, nếu không nói là dại. Nhưng ai bảo ông tự kiêu tự đại, không biết ngấm lại bản thân trước.

Chuyện này chỉ là giai thoại giữa hai người, một bên là nhà Nho, quan chức của triều đình, một bên là tu sĩ của một tôn giáo đang bị khủng bố vì nghi oan tất cả theo giặc. Nhưng xuyên qua đó, ta thấy ông Trần-Bích-San về tài học quả xứng danh một vị Tam-Nguyên, đồng thời cũng là tay cừ Nôm, không kém như người ta tưởng đâu ! Và đây tuy là giai thoại, nhưng với ông, có lẽ câu chuyện này đáng để cho đời nhắc lại hơn là những thi văn kia vậy.

## THƯA ÔNG, TÔI PHẠM-ĐÌNH-CHI ?

Ngày xưa nghe tiếng bà Đoàn-thị-Điểm hay chữ. Cha con ông Công-Hoàn và Bá-Lân đến thử xem tài bộ thể nào. Nhưng mới bước tới sân đã bị bà Điểm dõn ra cho một câu :

*Đình tiền thiếu-nữ động tân-lang* <sup>12</sup>

庭前少女動檳榔

Đối lại không được, thế là cha con đành cứng họng ra về.

Chuyện xảy ra đã có mấy trăm năm, nay nghe kể lại, ai ai cũng khen và cũng phục bà Điểm là một nữ-sĩ phi thường.

Nhưng trong giới nữ lưu nước nhà không phải chỉ có một bà Điểm, và một chuyện như thế.

Bà Sương-Nguyệt-Anh tức Nguyễn-thị-Khuê con gái thứ năm cụ Nguyễn-Đình-Chiếu ở Ba-tri mới mất năm 1921. Sinh thời bà cũng là một bậc tài sắc văn chương nổi tiếng một thời ở miền Nam. Nhưng chỉ tiếc bà không được sống ở thời thiên hạ âu ca như bà Điểm, mà phải ở cái hoàn cảnh như thân phụ bà, cụ Đồ Ba-tri đã nói :

*Dân sa nước lửa chày nhày,*

*Giặc ép mỡ dầu hết sức*

*Các bậc sĩ nông công cổ, liền mang tai với súng song tâm*

<sup>13</sup>

*Khắp nơi tổng lý xã thôn, thấy mắc họa cùng cờ tam sắc.*

<sup>14</sup>

Tương truyền bà cũng có một chuyện na ná như chuyện bà Điểm với hai ông Công-Hoàn, Bá-Lân.

Sau khi chồng bà, ông phó tổng Nguyễn-Công-Tính tạ thế, bà đã quyết trọn đời thủ tiết. Ấy thế mà không biết tại sao ông Cử-nhân Phạm-Đình-Chi ở Mỹ-tho lại muốn phá ý định của bà bằng cách đến thăm để giở món văn chương ra lòe bà, yêu cầu bà ra cho câu đối để kết duyên văn tự.

Bà từ chối không được, phải ra cho ông cử một câu : *Đình làng tôi không dám phạm, thưa ông tôi phạm đình chi ?*

Nói theo văn xuôi là tôi đã không dám phạm tới đình của làng, vậy thì thưa ông, tôi phạm vào cái đình gì đây ? Mới nghe cũng thường thôi, nhưng cả tên họ ông cử Phạm-Đình-Chi đều nhét vào trong đó. Như thế, ông cử biết lấy cảnh gì để ứng khẩu đáp lại cho chỉnh, cho hay hơn được bà.

Vậy là ông rút lui một mạch, rút lui cả người và lẫn cả tà tâm.

Cha con ông Công-Hoàn, Bá-Lân trước kia đã bị bà Điểm cho một vố, sau này ông Phạm-Đình-Chi lại bị bà Sương-Nguyệt-Anh cho một đòn.

Cái dở của các ông này là chủ quan, tự cao tự đại, không hiểu ta hiểu người, cho nên mới hóa ra như vậy.

Kẻ viết chuyện này, nghĩ lại xiết bao ghê tởm cho những người ở đời nay còn khoe chức kia bằng nợ để hợm mình ở trước một cô gái, cũng như một ông tấn sĩ Tây học nợ đi xem mặt vợ nói toàn bằng tiếng Lang-sa để tỏ ra mình là rành văn mẫu quốc, nhưng bị nàng khước từ vì lẽ cho chàng như thế là mất gốc.

Các bạn râu mày ơi !



Ai có bệnh ấy, xem những gương này nên sửa chữa ngay đi, không thì đi đêm vô, phúc gặp ma đấy. Phụ-nữ Việt-Nam bây giờ văn minh tiến bộ rồi, chớ không còn khờ dại cả đâu.

# MỘT CÂU ĐỐI CHUNG THÂN ĐI ĐÁM

*Nhất đức tại thiên tùy phú nhận  
Thất tình ư ngã khởi vô tâm.*

一德在天隨賦分  
七情於我豈無心

Hai câu đối chữ Nho này có nghĩa « Tất cả số phận đều do trời định đoạt. Đối với việc ấy, lẽ nào lòng ta không nghĩ đến ».

Các bạn hãy nghĩ kỹ mà xem để mỗi khi việc đến, nếu cần, cứ đem vải hay giấy ra viết, khỏi phải đem trầu cau rượu bánh đến các ông Cử, ông Tú, ông Đồ, ông Khóa còn sót lại hay phải đi vào cạy cục với các ông Hoa-kieu ở Chợ-lớn.

Câu đối này không phải của những hạn tầm thường đâu mà chính của cụ phó bảng Đỗ-Huy-Uyển thân sinh ông Hoàng-giáp Đỗ-Huy-Liêu, người làng La-ngạn, Phủ Nghĩa-hưng, tỉnh Nam-định.

Sở dĩ có câu đối này, không phải do nơi sáng kiến của cụ phó bảng mà nguồn gốc chính là một sự chơi khăm của một viên cai tổng.

Nguyên cụ phó bảng khi về trí sĩ ở làng, vì hoàn cảnh nhà nghèo, nên hễ ai có việc gì đến xin đối trướng văn thơ của cụ thì ít nhiều cũng phải có vật gì làm lễ mà nhất phải là tiền.

Vô vật bất linh, vô tiền bất liễu. Người ta bảo cụ là một tay đại khoa mà cũng thích tiền thì hèn chi là những kẻ giá

áo túi cơm, những hạng người phàm phu tục tử.

Bởi tánh hễ việc gì cũng phải nói đến tiền mới xong, nên một viên cai tổng ở trong làng mới nghĩ cách để chơi khăm lại cụ. Một bữa nọ, lão ta đem 15 quan tiền đến kính cẩn thưa : *Bẩm cụ lớn con thì công việc nhiều mà đến làm phiên cụ lớn mãi như vậy thất lễ quá, nên hôm nay lễ bạc tâm thành (...) cụ lớn cho con một câu đối để bất cứ đám nào hiếu hỷ hay thân sơ cũng đều dùng được hết.*

Cụ phó bảng tuy học lực uẩn súc, nhưng thi đình không đỗ được tãn sĩ, bởi thế cụ bất đắc dĩ, nghĩ mình học giỏi tài hơn mà trái lại công danh khoa hoạn không được bằng các cụ Tam-Đăng, Bích-Sơn, và Yên-Đỗ, nhất là với cụ Yên-Đỗ thì cụ không phục một chút nào.

Thế rồi sau khi nghe viên cai tổng nói, cụ liền bảo ngồi, đoạn cụ lấy ra 15 quan tiền : *Tôi cho thầy thêm 15 quan, với số của thầy là ba chục. Thầy đem lên Phủ-lý mà xin ông Yên-Đỗ, hễ ông ấy từ chối, về đây tôi sẽ làm cho thầy.*

Viên cai tổng cáo từ lui ra. Lão ta lên Phủ-lý tìm vào làng Yên-đỗ ra mắt cụ Tam-nguyên, và cũng trình bày như đã trình bày với cụ phó bảng La-ngạn.

Cụ Yên-Đỗ nghe xong, tức cười bảo : *Bộ anh điên rồi sao, thuở đời ai làm câu đối để chung thân đi đám bao giờ, bất cứ đám nào hiếu hỷ cũng đi được.*

Viên cai tổng lui về, thưa với cụ La-Ngạn, cụ liền viết cho câu đối trên và xúi lão ta lên nói với cụ Yên-Đỗ là của chính lão làm. Cụ Yên-Đỗ không tin và cho biết phi ông phó bảng La-Ngạn, không có ai làm được.

Trong tập giai thoại văn chương Việt-Nam này, chúng tôi xin hiến quý bạn câu đối trên và sự tích của nó. Các bạn hãy thử dùng xem sao. Và có bạn nào dịch được thành câu đối Nôm, thì xin gửi cho nhà xuất bản, hoặc đăng lên báo để phổ biến, vì đó cũng là một việc làm văn nghệ, giúp ích cho đồng-bào để mỗi khi cần đến, khỏi phải gánh vâng đi đổ sông Ngô nữa.

# THẾ NÀY MỚI HẠ ĐƯỢC QUAN CỬ QUAN NGHỀ

## *1. Sáo sậu là cậu sáo đen*

*Đánh trống thổi kèn đưa ma sáo sậu*

## *2. Cậu đậu quả cà*

*Cậu già cậu chết*

*Thổi nôi cơm nếp*

*Đưa cậu ra đồng*

*Đánh ba tiếng cồng*

*Cậu lồng xuống lỗ.*

Đó là hai câu ca dao ở miền Bắc Việt-Nam, có tính cách trào phúng. Nhưng nói chung, với cái óc tôn sùng Khổng-Mạnh quá lỗ của các nhà nho xưa, các quan cử quan nghề nước mình trước vẫn cho đó là dở, là thứ « nôm na cha mách què », Bụt chùa nhà không thiêng, cứ cái gì là của văn-minh Trung-quốc mới để ý, cũng như các ông đồ Tây đồ Anh hiện nay, cái gì cũng phải này là của học giả Luân-đôn đã nói, trí thức Hoa-thịnh-đốn đã rằng, này là văn hào Pháp đã dạy, này là triết nhân Đức đã bảo...

- Không biết cái đó, gốc rễ ở chỗ muốn khoe tài học giỏi tiếng ngoại quốc mà ra hay ở chỗ quá tự ti mặc cảm cho dân tộc mình bốn ngàn năm văn hiến nhưng chẳng gì đáng kể.

Ấy chính cũng vì thế mà cụ phó bảng Đỗ-Huy-Uyển, một người tự nhận là sức học quán thông kim cổ, kết quả phải chịu đi hỏi điển tích ở một ông thầy đồ công danh khoa hoạn

chẳng có gì hết thảy.

Vốn tánh cụ xem đời là mục hạ vô nhân, một ông đồ ở trong làng biết vậy, lấy làm cảm tức nhưng chưa có dịp để nói ra.

Một bữa nọ, người cậu ruột ông đồ là một cụ tiến sĩ từ trần. Đám tang ông tiến sĩ phải có lắm vị đại khoa như Thám-hoa, Hoàng-giáp, và lẽ tất nhiên không thể vắng mặt cụ phó bảng Đỗ-Huy-Uyển, người cùng làng La-ngạn. Trong đám, các quan đại khoa chú ý từng câu đối và từng bức chướng một.

Câu này khá, câu này kém, bức kia hay, bức nọ xoàng, các quan thi nhau mà bàn cãi phê bình. Duy với câu đối của ông đồ trên kia làm khóc cậu thì các ngài chịu thôi. Ai nấy đều dán cả mắt vào, mà rồi mặt mũi đều ngay như cán tàn vì có hiểu biết gì đâu, sự tích gì đâu mà dám phẩm với bình. Lại phải nói ngay ; câu đối đó đọc cũng khá kêu và chải chuốt :

*Cố điều hốt cao phi, kích cổ suy xinh, ta hà cập hĩ !*

*Già viên không diễn tích, khởi chinh chữ phạm dĩ nghinh  
tổng chi.*

(...) 鳥忽高飛擊鼓吹笙嗟何及矣

茄園空典籍起鉦賚飯以迎送之

Nghĩa là « Con sáo vụt bay cao, đánh trống thổi kèn, hỡi ơi sao kịp ! Vườn cà thôi chẳng ở, nồi cống nấu cơm, đưa tiễn gọi là. »

Cụ Đỗ-Huy-Uyển nghĩ nát óc không ra. Khi đám xong, cụ phải buộc lòng tới nhà tác giả câu đối trên để hỏi : *Này thầy,*

*thầy làm câu đối lấy điển tích ở đâu thế ?*

Thú thật, tôi tra kinh sách đã nhiều, đã hết mà cũng tìm không ra. Vậy ở quyển nào bộ nào, thầy làm ơn cho biết, thực ra, thánh nhân cũng có chỗ không thể biết.

Ông đồ khiêm tốn trả lời : *Dạ bẩm cụ lớn, chúng con ít học, nên không dám dùng chữ đâu xa. Sự tích ấy không được ghi chép trong sách vở nào cả. Con xin thưa thật với cụ lớn là lấy tích ở trong câu ca dao :*

*Sáo sậu là cậu sáo đen  
Đánh trống thổi kèn đưa ma sáo sậu.  
Cậu đậu quả cà  
Cậu già cậu chết  
Thổi nôi cơm nếp  
Đưa cậu ra đồng  
Đánh ba tiếng cồng  
Cậu lông xuống lỗ.*

Con tự nghĩ, thưa cụ lớn, đám ma cậu mà làm câu đối cho cháu viếng, thiết tưởng không gì sát nghĩa bằng dịch lại ý nghĩa những câu ca dao đó.

Cụ Phó Bảng nghe xong giật mình : *Thôi xin phục thầy. Tôi tự thấy sức học tôi còn dở. Ai ngờ ấy sự tích ở ngay trong nước đến cả con nít đàn bà cũng biết cũng thuộc mà mình thì lại đặc cán mai lâu tấu.*

Cụ cáo lui ra về. Từ đó ít còn lên mặt khoe khoang, hợm mình như trước nữa.

Bài học này chẳng phải chỉ riêng cho mình cụ. Theo thiển

ý tôi còn nhiều kẻ khác, nhất là những kẻ đi học mà quên gốc, thứ là những kẻ hay lên mặt làm tàng, không biết rằng :

*Ở nhà nhất mẹ nhì con,  
Ra ngoài lắm kẻ còn dòn hơn ta,  
Nhì con nhất mẹ ở nhà,  
Ra ngoài lắm kẻ hơn ta còn dòn !...*



# CHUYỆN NHÀ CÁCH MỆNH LÊ-TRUNG-ĐÌNH

Trong các lãnh tụ văn thân chống giặc Pháp, người có nhiều chuyện văn chương lý thú phải nói ông Lê-Trung-Đình, tục gọi là Cử Đình.

Cử Đình là con thứ sáu cụ nghề Lê-Trung-Lương ở xã Phú-nhân, huyện Sơn-tĩnh, tỉnh Quảng-ngãi. Ông sinh năm 1863, đỗ cử nhân năm 1881. Năm Ất Dậu, dương lịch 1885, sau ngày kinh thành Huế thất thủ, ông đứng ra lãnh đạo phong trào chống Pháp ở tỉnh. Tháng sáu năm ấy, ông chỉ huy đánh chiếm được thành Quảng-ngãi, nhưng chỉ giữ được 5 ngày thì bị giặc lấy lại. Ông bị bắt và bị giặc xử tử, năm ấy mới 22 tuổi.

Phải nói Cử Đình là một anh hùng tráng niên trong lịch sử dân tộc.

Tuy nhiên, người ta chỉ biết ông là một nhà cách mạng mà quên rằng Cử Đình còn là một tay văn chương đã vang bóng một thời với nhiều giai thoại nữa.

Theo các vị bô lão ở địa phương kể lại, năm 15 tuổi, Cử Đình đã tỏ ra thông minh xuất chúng. Có lần, ông tuần phủ Điện ra câu đối : *Đình siêu giữa chợ ăn mày ngủ*.

Cử Đình ứng khẩu đối : *Điện tế bên đường chó đói ăn*.

Ông Tuần muốn chọc cậu bé, không ngờ bị cậu bé xỏ lại. Lần khác ông Cử nhân Trần-Bá-Võ ra : *Đình không dừng, đình thế đình thôi, đình gập sét đình tung cả nóc* <sup>15</sup>.

Cử Đình liền lấy ngay câu của Trạng Quỳnh ngày xưa đối lại : *Võ cây mạnh, võ ra võ múa, võ bị mưa võ bèn vén lông*

16

Năm 17 tuổi, Cử Đình đến tập văn tại nhà cựu án sát Nguyễn-Duy-Cung ở huyện Tư-nghĩa. Cô con gái cụ mến tài ông, nên một hôm hai người cùng chuyện trò thân mật. Cụ án bắt gặp ngờ Cử Đình làm con mình thất tiết nên sai nọc ra đánh. Cử Đình đọc ngay bài thơ rằng :

*Khoan khoan con nói để thầy nghe,  
Trót đã yêu thơ ý rụt rè.  
Hai cánh hồng môn còn khép nép,  
Ngọn cờ xích xí chưa lo le.*

Nghĩa là mới nói chuyện thôi, chớ chưa xâm phạm gì. Cụ án nghe xong phải phì cười mà tha ngay.

Năm sau Cử Đình đi thi Hương, ai cũng đoán sẽ đỗ thủ khoa. Cử Đình cũng tin lắm, không dè kết quả đỗ á nguyên (thứ hai). Cử Đình tức lắm, nhân thấy ông thủ khoa tài học kém mình, lúc vào ra mắt quan trường, Cử Đình sẵn cầm cây quạt giấy, liền lấy gióng quạt gõ lên đầu ông thủ khoa và nói : *Thứ anh mà thủ khoa cái mẹ gì.*

Lẽ phải phạt nặng, nhưng các quan vì nể cụ nghè Lượng, chỉ phạt đánh (...) roi, và bắt phải làm thơ tức cảnh. Cử Đình đọc ngay :

*Đầu thầy khoa thủ ăn ba quạt,  
Đít Cử Trung-Đình bị sáu roi.  
Rõ thật đầu khinh mà đít trọng,  
Đầu thầy khoa thủ đít Đình tôi.*

Các quan biết rõ Cử Đình chơi xỏ thủ khoa nữa. Nhưng cũng bỏ qua luôn.

Quả thật Cử Đình là tay bướng. Nhưng nhờ cái bướng ấy sau đó ông đã trở thành một người xứng đáng của dân tộc, giặc Pháp và ngụy quyền Đồng-Khánh không thể nào dùng danh lợi để thay đổi được ông. Bởi thế ông tuy bị chết sớm, nhưng tên tuổi vẫn sống đời đời trong lòng người dân Việt, nhất là trong lòng người dân tỉnh Quảng-ngãi. Và khi nói đến ông, người ta lại nhắc những câu chuyện về văn chương trên này.

# **BÌNH BÌNH TÊ Ơ TƯ SẮC TỬ-QUY QUÝ HÁT Ô HỒ HUYỀN HỒ**

Cụ Tam-Nguyên Nguyễn-Khuyến, người làng Yên-đổ, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam, tục gọi cụ Yên-Đổ bình sinh nổi tiếng về văn Nôm và nhất là trào phúng.

Tất cả các nho-gia và các người khoa mục đương thời không ai là không phải phục về tài làm câu đối của cụ.

Cụ tuy trào phúng, nhưng sát với từng người, từng cảnh và rất là bình dân, bình dân mà sâu sắc, chứ không phải khơi như mấy ông văn sĩ thi sĩ nằm trên tháp ngà để tưởng tượng thế-gian.

Về các câu đối của cụ, có người bảo câu cụ làm cho vợ anh thợ nhuộm khóc chồng là tuyệt sắc :

*Thiếp kể từ lá thắm xe duyên, khi vận tía, lúc cơn đen,  
điều đại điều khôn nhờ bố đỏ.*

*Chàng ở dưới tuổi vàng có biết, mẹ má hồng, con răng  
trắng, tím gan, tím ruột với trời xanh.*

Có người khen câu cụ làm cho anh hàng thịt lợn dán tết là hay :

*Tứ thời « bát tiết canh » chung thủy,  
Ngạn liễu « đôi bù dục » điểm trang.*

Có người cho câu cụ làm cho cô Tư-Hồng thờ sắc khi ông thân sinh cô được vinh phong Thị-Độc, và cô được tứ phẩm phu nhân là mĩ mai :

*Đôi chữ sắc phong hàm cụ lớn,  
Nghìn năm công đức của bà to.*

Và câu đối cho cô dán cổng chào để rước sắc vua ban :

*Cửa kiên-khôn đôi mảnh chia ra, khi khép lại khìn khin  
khít khít,*

*Tay tạo-hóa một then đưa đẩy, lúc mở ra toác toác toàng  
toang.*

Theo tôi, những câu trên đây tuy là hay, là xỏ, là mỉa mai là tuyệt sắc thật. Song tất cả cũng chưa lấy gì làm lạ, làm xuất chúng và lịch-sử bằng câu :

*Bình bình tê ư tư sắc tứ,  
Quy quý hát ô hô huyền hồ.*

兵平西於茲勅賜  
歸貴喝嗚呼懸孤

Hai câu này cụ làm cho một anh chàng nọ đi lính thuê cho nhà nước bảo hộ Phú Lang Sa.

Anh ta vốn xuất thân làm người một chữ nhất bẻ làm đôi không biết. Nhưng « xui xẻo » gặp thời người Pháp sang cướp nước Nam. Anh ta nghe theo tiếng gọi của « mẫu quốc » ra đi vác súng xông pha trận mạc để đánh dẹp người Việt. Khi xong việc nhà nước Đại Pháp nghĩ anh có công đã bắn giết đồng bào, nên xin triều-đình sắc phong cho anh hàm cửu phẩm tinh binh.

Thật còn gì sung sướng và vinh dự cho bằng. Phải mồ mả nhà anh không « táng hàm rồng » thì đâu được như vậy. Đã thế, khi anh về, anh lại còn biết xì xồ nói được vài ba câu

tiếng Pháp :

*Lơ cộc là con gà.*

*Lơ xiêng là con chó.*

*Thăng cẳng tiên<sup>17</sup> là bốn mốt.*

*Cát tò ván tiên<sup>18</sup> là 1421.*

*Lèo tèo me-dồng lô bố cu tết bốp<sup>19</sup> là học trò nhà nước đầu bò lằm.*

Và anh lại viết được năm bảy chữ quốc ngữ, một thứ chữ mà trong thời đại đó, các cụ nhà ta rất có thành kiến vì đầu óc bài ngoại. Sẵn ghét người Tây, các cụ không hiểu, nên cho là một thứ chữ cũng ngoại lai và xâm lăng như Pháp, không phải của Thánh Hiền để lại.

Vì thế, khi tên này làm lễ ăn khao sắc nhà vua ban và công Đại Pháp thưởng, cụ Yên-Đỗ mới viết mừng hẩn đôi câu đối.

*Bình bình tê ư tư sắc tứ,*

*Quy quý hát ô hô huyền hồ.*

Mới đọc ai cũng cho là giọng trẻ con đánh vần chữ quốc ngữ thật, nhưng lại là chữ Nho, ấy thế mới lạ và tài tình.

Bình bình tê<sup>20</sup> ư tư sắc tứ, nghĩa là việc bình đã bình rồi thăng Tây ở đây nó cho mày sắc đó. Còn quy quý hát ô hô huyền hồ, nghĩa là giàu sang về làng, thì thôi cái cung đem treo nó lên. Ngụ ý cụ nói anh này chẳng ra gì, nếu không nhờ được Tây cho thì đổ mày làm nên.

Thoạt tiên, mọi người cũng nghĩ là cụ chơi đùa, chế anh mới vẽ quốc-ngữ. Nhưng sau nghiền ngẫm ra mới hiểu là

sâu cay.

Câu này của cụ tuy làm đã lâu, ngày nay đã thành một câu cổ. Song nội dung thiết tưởng vẫn còn giá-trị cho những kẻ nào còn nô lệ và vong bản ; mà chưa thấy đó làm nhục cho phẩm giá con người của một quốc-gia văn-minh và độc-lập.

## HAI BÀI VĂN TẾ TƯỚNG THỰC-DÂN

Nói đến cụ Nguyễn-Khuyến tức Tam-Nguyên Yên-Đỗ, chúng ta hẳn không còn lạ gì cái tài làm văn và làm thơ trào phúng của cụ.

Từ những câu đối bảy chữ, những bài thơ tứ tuyệt đến những bài văn tế tràng giang đại hải mà không một bài nào cụ không lợi dụng đưa vào trong đó những ý kiến trào lộng để đả kích những thói xấu của xã hội đương thời, nhất là đối với những tên công răn cắn gà nhà và những kẻ theo đóm ăn tàn, thừa nước đục thả câu như những hạng thân làm người Việt, tay ôm chân Pháp, mà trở trêu thay lại còn cho đó là một cái vinh dự ở đời.

Trong số các nhà phê bình, sau khi đọc qua văn thơ cụ, có người đã lên tiếng cho rằng thơ cụ chỉ có bất mãn và thụ động, chớ kém phần tranh đấu và xây dựng.

Lời nhận xét ấy kể ra cũng đúng một phần nào.

Song trong hoàn cảnh xã hội, tất cả miệng lưỡi thiên hạ đều bị kìm khóa bởi chế độ thực dân và phong kiến mà có những bài thơ, bài văn như của cụ, mặc dù tuy kém phần tranh đấu, và xây dựng trong quan niệm ngày nay, song với đương thời, chúng ta phải nhận là có những tác dụng không nhỏ, bằng cách đã lột trần ra được những cái mặt nạ của những quân cướp nước và bán nước, cho mọi người đều thấy rằng đây là những trái tim đã đen vì tiền, và cả những con mắt đã mù vì lợi trong khi cả nước đang rên siết ở dưới gót xâm lăng cùng bè lũ của chúng.



Lỗi thơ trào phúng của cụ Tam-Nguyên Yên-Đỗ không những chỉ đả kích bọn quan lại hèn yếu theo voi ăn bã mía, mà cho đến cả những tay chúa trùm thực dân, cụ cũng không nể và sợ gì.

Tục truyền : Sau khi tướng Pháp là Ngạc-Nhi (Francis Garnier) bị quân Cờ Đen giết chết, rồi vì việc ký hòa ước Việt Pháp, các quan ta tại Hà-thành mới tổ chức một cuộc lễ truy điệu. Để làm cho ra vẻ long trọng, quan Tổng-đốc Hà-nội là Trần-Đình-Túc, người sợ Tây khét tiếng, cử cụ làm một bài văn tế. Cụ phải nghe lời, vì đây dù sao đi nữa cũng là lệnh của cửu trùng. Nhưng ta hãy nghe bài văn tế của cụ viết ra và tuyên đọc trước công chúng :

*Cái mắt ông xanh,  
Cái da ông đỏ,  
Cái tóc ông quăn,  
Cái mũi ông lỗ,  
Đít ông cưỡi lừa,  
Miệng ông huýt chó.  
Lưng ông đeo súng lục liên,  
Chân ông đi giày có mỏ,  
Ông ở bên Tây,  
Ông sang bảo-hộ,  
Ông dẹp Cờ Đen  
Để yên con đỏ.  
Nào ngờ :  
Nó bắt được ông  
Nó chặt mất sỏ,  
Cái đầu ông kia,*

*Cái mình ông đó,  
Khốn khổ thân ông,  
Đù mẹ cha nó.*

Tôi :

*Vâng lệnh quan trên,  
Cúng ông một cỗ.  
Này chuối một buồng,  
Này rượu một hũ,  
Này xôi một mâm,  
Này trứng một rổ,  
Ông có linh thiêng,  
Mời ông xơi hộ,  
Ăn uống no say,  
Nhằm cho yên chỗ,  
Ới ông Ngạc-Nhi ơi !  
Nói càng thêm khổ.*

Bài văn tế này rất ngắn, nhưng rất lạ, nhất là thoát hẳn với các thể tài văn tế khác xưa nay kể cả nội dung lẫn hình thức, và rất sát với thực tế. Lời văn thiết bình dị mà mỉa mai chua chát. Bảo rằng là tế, nhưng thật là gọi ra mà chửi, nhất là lại bảo ăn no uống say để rồi nằm cho yên chỗ. Thì có khác nào như bảo lũ chó chết.

Bài văn này tuy sau không mấy sách báo nào in lên vì sợ thực dân Pháp. Song còn được là do sự truyền tụng của đồng bào. Đồng bào đã thích, đã đọc, đã ham mê thì có trời mà cấm...

Tuy thế, lúc đó quyền lực của người Pháp cũng chưa là

mấy, vì chính sách của chúng còn đang trong giai đoạn mua chuộc. Người ta bảo cụ dám làm như thế là vì quyền cai trị của người Pháp chưa vững, thế lực của triều đình hãy còn, và lại, cụ là một bậc đại khoa có uy tín chẳng những đối với các quan lại, các sĩ phu mà ngay với cả các tầng lớp khác trong quảng đại nhân dân.

Theo sự nhận định của tôi, cái đó cũng chỉ là những điều kiện phụ thuộc trong hoàn cảnh, mà chính là do tư tưởng căm thù và ghét bọn theo giặc.

Bởi thế sau này đến phiên Toàn-quyền Bôn-Be (Paul Bert) chết. Với danh nghĩa Tam-nguyên cụ phải buộc lòng ra tế và đọc bài văn tế cho các quan « Annam » ở Hà-thành khóc đấng quan thay đầu sọ Pháp.

Bài văn tế này, người ta tưởng đâu cũng sẽ có những tiếng ô hô và những câu có vần, có điệu đối nhau. Nhưng đến khi đọc, té ra chỉ là một bài thơ tập Kiều :

*Trời Tây đằng đằng bóng vàng,  
Thanh gươm yên ngựa lên đàng thẳng dong.  
Ngoài ngàn dặm chốc ba đông,  
Bất bình nổi trận đùng đùng sấm vang.  
Bây giờ sự đã vẹn toàn,  
Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân.  
Khí thiêng khi đã về thần,  
Hồn còn theo đám mây Tần xa xa.  
Cúi đầu quỳ trước sàn hoa,  
Thác là thể phách, còn là tinh anh...*

Bài thơ tập Kiều này có ý nói Bôn-Be từ bên Tây qua đây,

sắp đặt công việc bình định xong thì chết mà chết ở bên đây là chết đường chết chợ, không về được quê hương xứ sở. Hai câu « Khí thiêng khi đã về thần, hồn còn theo đám mây Tần xa xa » là chỉ vào việc đó. Còn hai câu kết là ngụ ý nói móc các quan « Annam » đã ra quỳ gối ở trước bài vị một tên đi cướp nước để hưởng những cận bã, ôi nhục ôi là nhục !

So với bài văn tế Ngạc-Nhi, bài tế Bôn-Be kém hơn về kỹ thuật, nhưng nội dung có phần tế nhị, đả kích bọn người chủ trương nhiều hơn và nói kín đáo hơn.

Người ta bảo thơ cụ Yên-Đỗ kém phần xây dựng. Song nói đến như thế mà bọn người như thế vẫn cứ trơ gan, dày mặt, không biết gì vinh nhục, thử hỏi làm sao mà xây dựng.

Thơ của cụ, tuy có bất mãn và thụ động nhiều thật, nhưng so với hàng khoa bảng và các hàng sĩ phu đương thời, cụ là một nhân vật nổi bật lên trong số những người được nhân dân kính trọng ở chỗ không cộng tác với giặc, không tham tiền của giặc và không sợ uy quyền cùng thế lực của giặc.

Đọc văn thơ cụ, tuy chúng ta không đồng ý ở chỗ cụ kém phần tranh đấu, xây dựng, nhưng phải học ở cụ, cái tinh thần cao cả đáng phục của nhà nho chân chính.

# CHÀY ĐỨNG NGHĨA LÀ GÌ ?

Nhắc đến cụ Tam-Nguyên Yên-Đỗ, ở những trang trước, chúng tôi đã kể đến một vài giai thoại để chứng tỏ sinh thời cụ chẳng những hơn đời về Chữ và còn cả về Nôm. Song đó là cụ còn dùng bằng Nôm hay bằng Chữ, chí như câu chuyện sau đây của cụ mới đặc biệt vì nó là chữ mà không phải là chữ, là nôm mà không phải là nôm, không phải là nôm là chữ mà còn thú vị hơn là Chữ và Nôm.

Tục truyền, một làng nọ cứ mỗi năm bị hỏa tai một lần, đề phòng thế nào cũng không thoát. Nhân có thầy địa-lý đi qua, ghé vào ngôi đình đầu làng nghỉ. Kỳ mục trong làng đem chuyện hỏi. Thầy cho biết tại nơi hướng đình làng, muốn khỏi cháy, phải nhờ một vị đại khoa nào viết cho mấy chữ yểm thì tự khắc sẽ yên.

Các tay kỳ mục nghe thầy cắt nghĩa phương nọ quẻ kia, ngũ hành bát quái, thao thao bất tuyệt, cho là phải, mới xuất quỹ làng mua một tấm vóc điều thật lớn, rồi đem lễ vật đi xin cụ Tam-Nguyên.

Nghe kể đầu đuôi sự tình, cụ bảo căng tấm vóc ra, rồi cầm bút đại tự, cụ thắm vào tô mực, sớ cho một nét thật lớn. Sớ xong, cụ bảo : *Khỏi cắt nghĩa, thôi, các thầy cứ đem về treo lên, từ nay không còn cháy nữa đâu.*

Thế là tấm vóc ấy được ngạo nghề bay phất phới hàng ngày ở trước hương án đình. Làng ấy quả nhiên từ đó hết hỏa hoạn. Ai ai cũng phục tài cụ, uy tín cụ, nhưng có điều thắc mắc, không ai biết cụ sớ cho một nét như thế nghĩa là gì. Cả

đến các ông cử ông nghè qua lại trông thấy cũng không thể đoán được. Sao chỉ có một nét trơ trọi mà linh đến như vậy ?

- Thật cụ đồ Tam-Nguyên có khác, chớ như mình đây đâu hiểu nổi được những uyên thâm của cụ !

Người ta tấm tắc phục cụ hoài. Một thời gian khá lâu sau, có người được dịp yết kiến cụ, đem chuyện ra hỏi... Cụ giảng dạy :

- Có chữ nghĩa gì đâu. Làng họ hay cháy, họ đến nhờ ta yểm, và bảo thần làng ấy không biết chữ, nên ta cho họ thể ; không phải là chữ như các thầy tưởng đâu, mà nó là cái « chày đứng », chày đứng đọc lái là « đừng cháy », ta phải làm thế để ra hiệu cho ông thần làng họ hiểu, ông ấy nể lời sẽ thôi không còn làm cháy nữa. Cái nghĩa nó dễ như vậy, mà không ai hiểu à ?...

Câu chuyện này đồn đi, mọi người đều cùng nhau tương hưởng, nhất là những ông mang danh là khoa mục triều đình đã nhiều lần lui tới làng kia.

Ấy cái tài chơi chữ và nói lái của cụ thể đó, hỏi có vui không ? Đâu có thua gì chuyện Cống-Quỳnh xưa viết « Thiện đức » cho nhà quan thị (Thiện đức không phải là đức tốt mà đọc lái ra là đức thiện) và đề vào hũ mắt hai chữ « đại phong » để chơi lỡm Chúa Trịnh (đại phong là gió lớn, gió lớn thì đổ chùa, đổ chùa thì tượng lo, tượng lo là lọ tương).

Chúng tôi thuật chuyện này là kể lại một giai thoại thôi. Còn việc tin cái chày đứng ấy có sức mạnh trấn áp được quỷ thần và làm cho khỏi được hỏa hoạn hay không, thì tưởng không cần bàn đến nữa, vì đời nay là đời của khoa học, chớ

không còn phải là đời của mê tín dị đoan...

# ĐẠI HẠ KHÔNG PHẢI LÀ NHÀ LỚN

Thời Lê trung-hưng, ông Trạng-Quỳnh (tức Cống-Quỳnh) có lần dâng Chúa Trịnh một hũ mắm Đại-phong. Chúa ăn rất lấy làm ngon miệng, nhưng không biết thứ mắm Đại-Phong là mắm gì.

Khi ăn hết hũ mắm, chúa còn thèm, nên bảo Quỳnh làm nữa, và gọi vào bắt phải giải nghĩa hai chữ « đại phong ». Quỳnh tâu : « *Đại phong là gió lớn, gió lớn thì đổ chùa, đổ chùa thì tượng lo, tượng lo là lọ tương* ».

Thì ra thứ mắm Đại-phong chẳng phải là thứ cao lương mỹ vị gì, trái lại chỉ là thứ ăn tầm thường của giai cấp bình dân, hạng bình dân nghèo khó.

Lại một lần nữa, theo tục truyền, năm hết tết đến, có viên thái-giám (tức hoạn quan) đến xin chữ « đại tự » treo nhà. Trạng-Quỳnh viết cho hai chữ « Thiện Đức ». Thiện đức có nghĩa là đức tốt. Nhưng khổ nỗi, có phải như thế đâu, mà đọc lái ra là « đực thiện », ấy thế mới chết đời cho những kẻ, nói theo danh từ ngôn ngữ sau này, là những tên trưởng giả học làm sang làm bảnh.

Những danh từ ấy là những danh từ phải nói lái mới tìm ra được nghĩa chính và chỗ dụng ý của tác giả.

Câu chuyện ấy, theo một số thức giả chỉ là những bịa đặt có tính chất trào lộng. Người nghe chỉ nên giải trí, chớ không nên cho đó là thật.

Quan niệm này rất đúng.



Nhưng đến câu chuyện sau đây, cũng dùng chữ nói lái thì hoàn toàn là thật. Câu chuyện cách đây không lâu mà tác giả cũng chính là Cụ Tam-Nguyên Yên-Đỗ, một nhà cự nho cuối thời Nguyễn mà chúng tôi đã nhiều lần nhắc đến.

Trong làng cụ lúc đó có anh chàng tuy tài chẳng đáng kể, nhưng nhờ nhà nước Lang-Sa sang cướp đất Việt-Nam, chú ta được nhảy vào trong đội quân của Pháp, bắt đầu là một tên lính kèn, sau thăng đến chức cai kèn, rồi hưu trí về nhà.

Nhờ tiền của nhà nước Lang-Sa phát cho trong những ngày tại ngũ, chú ta trở nên một tay khá giả ; về làng chú cất một ngôi nhà rất đẹp. Theo tập quán hồi đó, nếu cất nhà mới mà được mấy chữ của một ông khoa mục viết cho để treo lên nóc, thì chẳng những đó là vinh dự, mà còn có tác dụng trấn yểm tà ma, hơn cả những lá bùa của những lão thầy chùa thầy pháp cao tay.

Cụ Yên-Đỗ biết anh chàng sẽ cũng tính toán theo quan niệm ấy, nên cụ hỏi các học trò : *Nếu nó đến xin thì các thầy tính xem nên cho nó chữ gì ?*

Học trò cụ lúc đó hầu hết là các ông Tú ông Cử tới tập văn để sửa soạn thi Đình thi Hội, nhưng nghe thầy hỏi, tất cả đều đáp : *Thưa cụ lớn, chúng con thiết nghĩ là tùy nơi cụ lớn.*

Cụ Yên-Đỗ cười nói : *Theo ý tôi, tôi định cho nó hai chữ « đại hạ ».*

Tất cả đều đồng thanh khen hay vì ai cũng nghĩ hai chữ ấy có nghĩa là nóc nhà lớn, lấy tích trong câu : nhất mộc yên năng chi đại hạ... (một cây gỗ sao chống nổi nóc nhà lớn).

Cụ Tam-Nguyên định thế thôi. Không dè, trong số học trò lại có ông mau miệng đem nói với chú cai kèn nọ. Chú này không đến xin cụ nữa, vì sợ làm phiền, rồi cứ y lời, mượn người có hoa tay giỏi viết ngay hai chữ « đại hạ » lên.

Tối ngày ăn mừng tân gia, anh lại thỉnh cụ Yên-Đỗ. Cụ tới lấy làm ngạc nhiên vì thấy hai chữ của mình đã không cánh mà bay lên sà nhà chú nọ. Cụ gọi chú Cai Kèn lại hỏi, chú kể lại đầu đuôi, cụ gọi ông học-trò, cũng có mặt tại bữa tiệc lại chất vấn : *Thế nào, anh có hiểu nghĩa « đại hạ » là gì không ?*

- Dạ, bẩm cụ lớn, ông học trò thưa, là nóc nhà lớn ạ !

Cụ mắng vốn : *Sao anh dốt như vậy ? Anh không suy nghĩ sao ? Nó là Cai Kèn ai mà lại cho chữ « Đại Hạ » như anh viết, hạ là nóc nhà bao giờ. Chữ ấy, ai treo lên chẳng được !*

Ông học trò xanh mặt : *Dạ, bẩm cụ lớn, cái đó lỗi ở con, xin cụ lớn chỉ giáo.*

Cụ Tam-Nguyên cười nói : *Nhưng thôi, thế cũng được, lỡ rồi, chẳng sao, anh viết chỉ sai một chữ thôi. Chữ « Đại » là to, anh viết đúng. Còn hạ, chính chữ hạ là mùa hè kia. Anh phải viết thế, mới hợp với nhà chú Cai Kèn này, vì « Đại Hạ » (...) là hè to, hè to nói lái tò he, ấy đó chỉ vào việc chú ta làm nghề thổi kèn đó.*

Cả bữa tiệc tân gia, mọi người nghe chuyện đều bật cười. Ông học trò kia và chú Cai Kèn đều mắc cỡ, mặt đỏ ửng lên như gấc chín, kẻ bị diễu, người mang tiếng còn dốt. Hai chữ đã trót treo lên, lại có mặt cụ Tam-Nguyên ở đó, phần kiêng

cử nữa, không lẽ lại đem hạ bệ xuống.

Theo tôi, thì đó chẳng phải là câu chuyện điều gì, mà còn là vinh dự, là đúng với cảnh mình nếu ở địa vị chú Cai Kèn. Vì đã cho việc ra làm tay sai thối kèn cho giặc là một cái « hãnh diện » hiu hiu tự đắc với làng xóm, thì với hai chữ « tò he » có đáng kể gì gọi là nhục. Vả lại, biết tò he là xấu tại sao không biết cái sự đi theo giặc là xấu. Cái xấu là ở chỗ theo giặc, chứ không phải ở chỗ tò he. Nếu tò he mà đứng về phía dân-tộc, phía những người chống giặc cứu nước thì đó lại chính là người đáng hoan nghênh.

Có người bảo cụ Yên-Đỗ dùng lối chữ đó là bắt chước Trạng-Quỳnh. Song, biết đâu chỉ là giống nhau một cách ngẫu nhiên thôi. Một người có tài và tư tưởng như cụ, rất khó phải theo đuổi những cái tiểu xảo ấy, nhất là cụ lại dùng nó để điều những kẻ mà đa số người thấy cần phải điều cho bỏ cay bỏ ghét, khi chưa có thể nọc cổ ra đánh được.

# ÔN KỲ NHƯ NGỌC

Nói đến ông thám hoa Vũ-Phạm-Hàm (người làng Đôn-thư, huyện Thanh-oai, tỉnh Hà-đông, sinh năm 1864 mất năm 1910, đỗ thám hoa năm 1884 đời Kiến-Phúc nhà Nguyễn) người ta lại nhớ đến bốn chữ « Ôn kỳ như ngọc ».

Đây là chữ trong thiên Tần phong ở kinh Thi : « *Ngôn niệm quân tử, ôn kỳ như ngọc* » 言念君子溫其如玉 tức là câu thơ khen người rợ Tây-nhung. Cái khéo và cái hay của bốn chữ này là ở chỗ ông Thám đã dụng ý lấy đó để tặng tên công sứ Pháp, ở Hải-dương, khi hấn mến ông là bậc danh nho đến xin đại tự làm kỷ niệm. Lúc ấy ông đang làm án sát tỉnh này.

Ông cắt nghĩa cho tên công sứ biết là rút trong câu trên, câu ấy có nghĩa là « nhớ nhung người quân tử, ôn hòa như ngọc ». Hấn thích lắm cho khắc vào hoành phi sơn đen thiếp vàng để treo ngay nhà khách. Chớ có hiểu đâu cái dụng ý của tác giả bảo hấn chỉ là thứ mọi rợ phương Tây như đám rợ Tây-nhung thời Chu.

Cái dụng ý này chỉ có các nhà thâm nho mới biết nhưng một tên quan người Việt khác vì có hiềm với ông lại đến hót tên công sứ, xuyên tạc nói ngọc là ngọc hành và nói ông Thám chủ ý bảo tên công sứ là ngọc hành.

Tên công sứ chưa tin, hấn đi lại các thuộc cấp người Việt, lấy tay chỉ vào đống quần hoi : *Cái này là cái gì ?*

Ai cũng trả lời theo lối lễ phép là ngọc hành. Hấn nổi giận, cho hạ ngay bức hoành chẻ ra, và gọi ông Thám đến

trách. Ông Thám cắt nghĩa thế nào, hăn cũng không nghe. Cuối cùng ông Thám phải cáo quan về nghỉ để tránh các việc làm khó dễ của hăn.

Xét ra thật oan cho ông Thám và đáng đánh đòn thật nặng cho cái tên quan người Việt nọ. Nhưng suy cho cùng cái gốc cũng do tính tự phụ của ông Thám. Tuổi trẻ đỗ cao, khi làm đốc học ở Ninh-bình rồi Hà-nội, trong các kỳ thi khảo ông thường ra đầu bài hiểm hóc để làm khuất phục đám học trò đa số là những người lớn tuổi hơn mình, thành đa số bị hỏng, mà tên quan người Việt nọ vốn là một nạn nhân trong đó, như có lần ông ra đầu bài :

*Ngụy du vân mộng quả chấp tín phủ ?*

偽遊雲夢果執信否

Chữ trong sách Hán, ai cũng nghĩ là « giả đi chơi Vân mộng, có phải để bắt Hàn Tín không ? » và giải theo nghĩa ấy, nhưng đến khi xong mới hiểu « chấp tín » không phải là « bắt Hàn Tín » mà là « giữ điều tín », điển lấy trong câu « *nhân quân chấp tín, nhân thân chấp trung* » ở trong sách Tả truyện (sách của Tả-Khâu-Minh) nghĩa là « làm vua giữ tín, làm tôi giữ trung » mà đầu bài trên có nghĩa là hỏi việc vua Hán Cao-Tổ giả đi chơi Vân mộng có phải là giữ điều tín không ?

Có lần ông ra đầu bài cũng lấy điển sách Hán nhưng rất lắt léo.

*Hà Hà Tín Tín giai Hán chi tá,*

*Cửu giang chi sử sử Hà nhi bất sử Hà ?*

*Huỳnh dương chi vi hữu Tín nhi bất hữu Tín ?*

*Quyết hậu định công hành thưởng,  
Phong Hà nhi bất phong Hà, phong Tín nhi bất phong Tín,  
phi hậu ư Hà nhi bạc ư Hà, dữ trọng ư Tín nhi khinh ư Tín ru  
?*

何何信信皆漢之佐  
九江之使使何而不使何榮陽之園有信而不有信  
厥後定功行賞  
封何而不封何封信而不封信非厚於何而薄於何與重於信而輕於信  
歟

Nghĩa là :

*Hà (Tiêu) Hà (Tùy) Tín (Kỷ) Tín (Hàn) đều là tôi nhà Hán.  
Sao đi sứ Cửu-Giang lại sai Hà (Tùy) mà không sai Hà  
(Tiêu) ?*

*Lúc bị vây ở Huỳnh-dương chỉ có Tín (Kỷ) mà không có  
Tín (Hàn) ?*

*Sau luận công ban thưởng,  
Phong Hà (Tiêu) mà không phong Hà (Tùy) phong Tín  
(Hàn) mà không phong Tín (Kỷ). Thế chẳng phải là hậu với  
Hà (Tiêu) mà bạc với Hà (Tùy) cùng trọng với Tín (Hàn) mà  
khinh với Tín (Kỷ) ư ?...*

Nhân nói tánh tự phụ của ông Thám tướng chúng ta cũng nên biết thêm một giai thoại giữa ông và ông Triệu ở Thanh-hóa như sau :

Nguyên khi ông thám mới đỗ, ông Triệu nghe đồn mới ngoài 20 tuổi, không biết sao giỏi thế mà mình thì ngoài bảy chục vẫn thi hoài không đỗ. Thế rồi ông Triệu vi hành làm kẻ bán cau, ra tận làng Đôn-thư, tìm đến nhà ông Thám.

Thấy ông già bán cau tươi, bà Thám gọi mua, bà Thám gọi mua, lúc ấy là ngày gần giáp năm, nhân lúc bà Thám chọn cau, ông Triệu nhìn vào phòng khách xem hoành phi câu đối. Vừa thấy ông Thám, ông Triệu gật gù ngâm mấy câu đối và khen hay. Ông Thám thấy vậy hỏi : *Ông lão cũng biết chữ nữa à ?*

- Dạ thưa quan lớn, lổm bổm thôi.

Rồi nhân thấy bàn cờ, ông Triệu giả cách ngớ ngẩn hỏi : *Chà có bàn cờ, quan lớn cũng biết đánh cờ ư ?*

Ông Thám tuy tức, nhưng cũng bậm bưng đáp : *Thế lão biết đánh không ?*

- Cái gì, chứ cờ thì khỏi nói, quan lớn có thư thả, tôi xin hầu mấy ván.

- Được, vào đây !

Ông Thám ngả bàn cờ ra, ngồi trên sập bày quân, còn ông Triệu đứng lom khom dưới đất. Cờ bày xong, ông Thám toan đi trước, ông Triệu đưa tay bảo : *Lão dốt nát quê mùa mà được hầu cờ quan lớn là phúc đức lắm rồi, nhưng đánh cờ thì phải có thưởng phạt...*

Ông Triệu nói chưa dứt, ông Thám gạt ngang : *Thưởng phạt, thế lão muốn bằng rượu hay bằng tiền ?*

Lão muốn vừa đánh vừa làm thơ, nếu không xong thơ thì phạt 3 chén rượu.

- Lão cũng biết làm thơ nữa à ?

- Cái gì, chứ thơ xin lỗi quan lớn, ai làm mà không được.

Ông Thám tức nữa, nhưng cố giữ bình tĩnh : *Thế à, nhưng xong một ván cờ phải xong một bài thơ, lão chịu không ?*

Ông Triệu cười, trả lời : *Một ván cờ một bài thơ, xoàng lắm, ý lão hể đi một nước phải ngâm một bài kia, như thế mới xứng là tao nhân mặc khách.*

Ông Thám giật mình, không biết ông lão là hạng người thế nào mà kiêu hãnh như vậy, là tiên hay là ẩn sĩ nào muốn tới để thử tài mình chẳng. Ông cảm thấy mình ngồi trên sập mà để người già cả đứng dưới thì coi cũng bất tiện, nên gọi người nhà lấy ghế để chỉ ông Triệu ngồi. Ông Triệu làm ngơ không để ý, chỉ chăm chú đứng nhìn vào bàn cờ, và hỏi : *Ý quan lớn thế nào ?*

Ông Thám trả lời được, ông Triệu mời ông Thám đi, ông Thám vì thâm ý muốn để cái khó khăn về ông Triệu trước, đồng thời cũng muốn để thử tài địch thủ, nên bảo : *Tiên khách hậu chủ, xin nhường lão đi trước.*

Ông Triệu không ngần ngại, vừa để tay lên con cờ, vừa ngâm :

*Chi giao tình khởi tại văn chương,  
Nhất kiến chi như nhập lý hương.  
Tức vũ trụ trung giai phận sự.  
Ư thiên địa nội hữu cương thường.*

之交情豈在文章  
一見之如入裡香  
即宇宙中皆分事  
於天地內有綱常



Nghĩa là :

*Giao tình há ở chốn văn chương,  
Một thấy như vào chỗ ngát hương.  
Vũ trụ đó đây là phận sự,  
Đất trời còn phải có cương thường.*

Bài thơ có vẻ đặc biệt là lấy những chữ đệm như : « chi nhất, tức, ư » để lên đầu câu mà trước nay không mấy ai làm. Nội dung lại có ý ngầm chê ông Thám thiếu cương thường ở chỗ kém lễ phép khi gặp người tuổi tác.

Ông Thám nghe xong lạnh toát người, nhân thấy ông Triệu nói tiếng miền Thanh-hóa, liền nhớ câu « Nghệ Lương Hành, Thanh Triệu Bích » nghĩa là « ở Nghệ có ông Lương ông Hành, ở Thanh có ông Triệu ông Bích », tức những tay văn chương nổi tiếng... và thầm nghĩ có lẽ đây là một trong hai ông ở Thanh, nên vội vàng từ trên sập nhảy xuống, chấp tay lễ phép thưa : *Thưa cụ, xin cụ tha lỗi cho hỏi, có phải cụ là cụ Triệu ở Thanh không ?*

Ông Triệu đáp : *Dạ thưa quan lớn, chính lão đây !*

Ông Thám nghe nói, vội mời ông Triệu lên sập ngồi, tôn gọi bằng bác, nói : *Bác chẳng ngại nghìn dặm đường xa đến đây, sao không cho cháu hay, cháu đồ với người khác, đâu dám đồ với bác, cháu còn kém gì, xin bác chỉ giáo cho, chớ thử thách làm chi ?*

Ông Thám nói xong, xin dẹp bàn cờ để bàn luận văn chương. Ông gọi bà Thám ra chào, và lưu ông Triệu ở chơi, ăn tết xong mới tiễn chân ra về.

Từ đó, ông Thám bớt tánh tự phụ. Nhưng khi làm quan, tánh ấy vẫn còn, và chính đó là cái động cơ đẩy ông phải gặt cái hậu quả như trên. Tuy nhiên, đối với bọn cướp nước mà khi dùng chữ, ông còn cái thâm ý như trên thì cũng đáng khen lắm. Thâm ý của ông không phải như kẻ đã xuyên tạc, nhưng các quan thầy và bè lũ của hắn thật ra cũng chỉ là những kẻ như ngọc « hành » thôi vậy.

## KHÔNG CƯỜI CÓ ÔNG THÁNH...

Nói đến cờ tướng, đa số người đều thích và cho là một thú chơi thanh nhã. Nhưng đến thơ văn tả cảnh chơi cờ thì thật ít ai làm.

Người ta bảo lý do đó tại bài thơ của nữ sĩ Hồ-Xuân-Hương nói về đánh cờ là một bài thơ hay và trào lộng hết chỗ nói rồi nên không ai làm nữa, cũng như thi sĩ Lý-Bạch đời Đường xưa khi lên lầu Hoàng-hạc muốn đề thơ, nhưng thấy bài thơ của Thôi-Hiệu là tuyệt tác thì thôi không vịnh nữa.

Bài thơ của Hồ-Xuân-Hương tả về cảnh đánh cờ người, nguyên văn như sau :

*Chàng với thiếp năm canh trăn trọc,  
Đốt đèn lên đánh cuộc cờ người.  
Hẹn rằng đấu trí mà chơi,  
Cấm ngoại thủy không ai được biết.  
Nào tướng sĩ dàn ra cho hết,  
Để đôi ta quyết chí một phen.  
Quân thiếp trắng, quân chàng đen.  
Hai quân ấy chơi nhau đà đã lửa.  
Thoạt mới vào chàng liền nháy ngựa,  
Thiếp vội vàng vén phướn tượng lên.  
Hai xe hà chàng gác hai bên,  
Thiếp sợ bí thiếp liền ghềnh sĩ.  
Chàng lừa thiếp đương khi bất ý,  
Đem tốt đầu mà dú dí vô cung  
Thiếp đương mắc nước xe lồng,*

*Nước pháo đã nổ bùng ra chiếu.  
Chàng bảo chịu, thiếp rằng chẳng chịu.  
Thua thì thua cố níu lấy con.  
Khi vui nước nước non non,  
Khi buồn lại giở bàn son quân ngà.*

Các bạn hãy đọc lên và suy nghĩ xem có hay và cười không ?

Nhất định là cười và hay vậy. Cái lối « thi trung hữu quỷ » ấy thật ít ai làm hơn. Nhưng theo tôi, tánh chất cười trong đó phải so sánh lại với bài của ông Xứ Triu ở Sơn-tây cũng một nhà nho trào phúng mới cách đây độ gần nửa thế kỷ.

Ông Xứ có người bạn là Khôi, người Quảng-oai (cùng tỉnh) đỗ tú-tài, đi ngồi gõ đầu trẻ ở một làng nọ. Hai người là tri kỷ với nhau, nhưng ông Xứ ngông bao nhiêu trái lại ông Tú nghiêm bấy nhiêu. Vì thế ông Xứ muốn chơi một đòn cho ông Tú phải bỏ cái tánh « cụ già » đi để nhộn theo với mình.

Ông Tú có tánh thích chơi cờ, và thường nghiêm khắc đối với học trò. Biết vậy, ông Xứ mới bịa ra một bài phú đánh cờ nội dung nói một hôm ông Tú đi vắng, học trò ở nhà đánh cờ. Trong lúc cao hứng, có cô con gái chủ nhà ngồi xem. Thế rồi không biết học trò nghĩ sao, sáng sau tới trường cứ khúc khích mà cười. Thầy đồ (tức ông Tú) liền nổi giận bắt nọc cả ra đánh. Học trò sợ quá, tới giờ phút nghiêm trọng ấy mới cung khai gốc ngọn. Khai xong, thầy bật cười, liệng roi đi, và tấm tắc than cho số phận mình, tại sao không có ở nhà, lại đi vắng để mất một dịp may hiếm có.

Dưới đây là bài phú đánh cờ của ông Xứ :

Tiên sinh bệ vệ,  
Đệ tử tế tể  
Quái sao lũ trẻ,  
Nó cười như thế ?  
Nhi khúc khúc yên,  
Nhi khích khích yên !  
Nhược phó tiên-sinh nhi mặc kệ !

Tiên sinh  
Nãi mônng kỳ roi,  
Nãi đốp kỳ đùi.  
Nãi há kỳ mồm  
Nhi quát chi viết : vô lễ !

Đệ tử  
Nãi ruỗi kỳ chân,  
Nãi cúí kỳ đầu,  
Nãi bắch chi viết,  
Thư thầy khoan khoan.  
Chúng con xin kể :  
Nguyên hôm qua  
Thầy đi chơi xa,  
Chúng con ở nhà.  
Tụm năm tụm ba,  
Nãi bút nghiên chi xếp lại,  
Tức bàn cờ chi giở ra.

Bất ý  
Cô ấy nhà ta,  
Diện như mỹ ngọc.  
Nhan như Thuần-Hoa.

*Ngồi lê ngồi la,  
Mảng xem cuộc nước,  
Quên để của nhà.  
Soắn soắn như đùi ếch,  
Chuôn chuốt như mỏ gà.  
Hênh hếch như hang cua ở,  
Bềnh bềnh như cánh chim sa,  
Lũ chúng con kiến kỳ,  
Pháo chưa long ngòi,  
Sĩ toan lách cạnh.  
Thao túng Ngũ lẳng chi mã, ngựa mới trôn lông ;  
Khi khu Tam cổ chi xa, xe vừa tròn bánh.  
Tượng số lông ư tư thời hề ;  
Thế mà không cười có ông Thánh ?  
Huống hồ nhất quỷ nhì ma !...*

*Tiên sinh  
Nãi quăng kỳ roi,  
Nãi mím kỳ môi.  
Nãi đớp kỳ đùi,  
Nhi thán chi viết :  
Ồi trời đất ôi !  
Thế mà hôm qua tao không có ở nhà !*

Ông Xứ làm xong, đem phổ biến cho đám học trò. Ông Tú nghe thấu đến tai, bực mình lắm, nhưng biết nói sao bây giờ với ông Xứ.

Câu chuyện trong bài phú tuy hoàn toàn là bịa, nhưng bịa mà có lẽ cũng đúng với sự thật ở đời với cái tâm lý của những con người đạo đức giả xưa nay. Phải phục cái tài trào phúng

của ông Xứ.

Bài thơ của Hồ-Xuân-Hương hay thật và cười thật nhưng chỉ có một khía cạnh thôi và cái bối cảnh ban đêm để đóng khung lại chỉ vồn vện có 2 người trong cuộc cấm nội bất xuất ngoại bất nhập. Còn bài của ông Xứ chẳng những đã không thua về tính chất dí dỏm trào lộng mà còn tả ra được cái cảnh nhộn nhịp của một bàn cờ tự do chơi giữa lúc thanh thiên bạch nhật với bao nhiêu khía cạnh khác nữa.

Quý bạn đọc hãy thử xét kỹ lại mà xem, và đây cũng là một bài để tặng các ông chơi cờ và những ông làm bộ ra vẻ nghiêm trang đạo đức đấy !

## THƠ « MỪNG » KẺ BÁN NƯỚC

Lần đầu tiên, khi thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái sang xâm chiếm nước ta, đã có những kẻ ra tay làm chó săn cho chúng.

Cụ Huấn-Quyền, một trong những người quan trọng sáng lập ra tổ chức cách mạng Đông-Kinh Nghĩa-Thục khi bị an trí ở Bến-tre đã có câu than rằng : *Thời hồ, thời hồ, không biết mùi rượu ngọt bánh mì của chúng có mãnh lực thế nào mà đã làm cho một số kẻ đang ở chỗ tai hiên mắt thánh, bỗng ra quân miệng hùm gan sứa :*

*Nam tử bất tri vong quốc hận,  
Thân hình hà quái Pháp lang y.*

男子不知忘國恨  
身形何掛法郎衣

Hai câu này có ý nói người thanh niên nước Nam đã không biết đến cái nhục mất nước mà còn tự lấy làm vinh dự cho mình được khoác áo Lang-sa. Kể ra thời cũng đáng buồn tủi cho những trang sức rộng vai dài, chí làm trai dậm nghìn da ngựa ở khoảng thời gian đó.

Cái tội nghiêng trời lệch đất theo đời phong kiến cũ rích xử tru di tam tộc, hoặc tứ mã phân thi phải gán tất cả cho những kẻ cầm đầu điều-khiển chuyện bán nước cầu vinh trong buổi đầu thời kỳ Tây thuộc. Những kẻ ấy là ai ?

Chắc hẳn đồng bào ta cũng không ai còn lạ gì ở Bắc thì có cha con Hoàng-Cao-Khải, Hoàng-Trọng-Phu, thầy trò Lê-



Hoan, Phạm-Khắc-Khánh, ở Trung thì có Nguyễn-Thân, Đinh-Nho-Quang, còn ở Nam này thì có Đỗ-Hữu-Phương, Trần-Bá-Lộc, Huỳnh-Công-Tấn...

Trong số này đáng kể nhất là Nguyễn-Thân, Hoàng-Cao-Khải và Trần-Bá-Lộc. Song tên Thân thì chết trước và cái bia tự lập để ghi công của y đã bị sét đánh vỡ tan ra từng mảnh. Cái đó mới rõ là thiên bất dung gian. Kẻ làm ác có thể che mắt được xung quanh, nhưng đâu có che mắt được bằng dân thiên hạ. Pháp luật nhà trời chỉ mới đánh tan cái bia, phải chăng còn rất nhẹ và rất khoan hồng đại độ với tên Việt-gian phản quốc ấy.

Đó là tên Thân.

Còn Hoàng-Cao-Khải, Trần-Bá-Lộc thì dưới đây là hai chuyện của sĩ phu đương thời đã xỉ vào mặt chúng, xỉ ngay giữa thanh thiên bạch nhật, xỉ cho cả mọi người đều biết, chứ không phải xỉ lén xỉ thềm như xỉ bọn Việt gian khác.

Chuyện thứ nhất là chuyện lễ thất tuần của Hoàng-Cao-Khải tổ chức ngày 20 tháng 4 năm 1919 tại Thái-hà-ấp, lúc đó lão già « không chết » này đã được Pháp quốc và Nguyễn-triều phong chức Bắc-Kỳ Khâm-Sai Kinh-Lược Đại-Thần, Phó Quốc-Vương, Duyên-Mậu Quận-Công, lễ tất nhiên trong cuộc lễ này, các quan lớn Tây, ta và các giới ở Hà-đông, Hà-nội khỏi sao không phải đem thơ đối và lễ vật đến mừng. Các báo chí xuất-bản ở Hà thành lúc đó thôi thì thi nhau mà làm thơ, mà đăng các bài văn đối chúc tụng y như là ra các số đặc biệt hiện nay. Sau đây là một bài thơ được xem là hay nhất được truyền tụng nhiều hơn hết và đã được đem đăng

lên Nam-Phong tạp chí số 22 tháng tư năm đó.

*Vượng khí Lam, Hồng đức vĩ nhân,  
Trời ban thêm tuổi, chúa thêm ân.  
Huân danh sự nghiệp Hiến-Thành Lý,  
Phú quý vinh hoa Nhật-Duật Trần.  
Con cái một nhà hai Tổng-Đốc,  
Pháp Nam hai nước một công thần.  
Tuần này hạ thọ là tuần bảy,  
Còn biết sau đây mấy chục tuần.*

Bài thơ này mới đọc bốn câu trên, ai ai cũng tưởng là ca tụng cái đức tính và công nghiệp của « cụ lớn » họ Hoàng. Nhưng đến câu « Con cái một nhà hai Tổng-đốc » để chỉ vào hai người con trai của Cao-Khải là Hoàng-Mạnh-Trí, Hoàng-Trọng-Phu, một làm Tổng-đốc Nam-định và một làm Tổng-đốc Hà-đông, và câu « Pháp Nam hai nước một công thần » để luận cái công đức của cụ lớn họ Hoàng đã tích cực giúp quan quân Đại-pháp trong việc tàn sát đồng bào và xâm chiếm nước ta, mới rõ ý của hai câu thứ ba và thứ tư là sao không mở mắt noi gương Tô-Hiến-Thành đời Lý, Trần-Nhật-Duật đời Trần. Như vậy có khác nào lời họ Hoàng ra đám đông mà chửi.

Theo lời tiên nghiêm tôi, tác giả bài thơ trên đây là một nhà Nho cùng ở xứ Lam Hồng, và cũng là người làm câu đối sau này cho các nhân sĩ miền Thanh Nghệ « phúng » họ Hoàng khi lão ta tắt thở :

*Ông ra Bắc bấy lâu, hàm Kinh-lược, tước Quận-Công bốn  
bể không nhà mà nhất nhĩ ?*

*Cụ về Tây cũng tiếc, trong triều-đình, ngoài thôn dã, một lòng vì nước có hai đầu !*

Tuy vậy, lối đả kích đó cũng vẫn là nhẹ và kín. Đến như bài tặng Đại-pháp công thần ở trong Nam sau đây để mừng Tổng-đốc Trần-Bá-Lộc mới thật là cay và rõ :

*Ấy là nước loạn biết tôi ngay,  
Danh tiết ngàn thu rạng sử tây.  
Dân nghĩa mấy phen oai súng nổ,  
Cộng-hòa ba sắc ngọn cờ bay.  
Quê hương là chỗ sanh cha mẹ,  
Xương thịt đừng cho thẹn cỏ cây.  
Da trắng phước nhiều sôi máu đỏ,  
Cái thân đừng thẹn nước non này.*

Trở trêu thay, một người tôi ngay ở trong lúc nước loạn mà sự nghiệp công danh chỉ có ghi lại trong sử sách nhà Tây thì kể còn gì nhục cho bằng...

Tôi thường nghe một vài người nói văn chương miền Nam không có phần châm biếm và sâu sắc. Nhưng xét ra không đúng. Bài thơ trên đây là một bằng chứng cũng như là một cảnh cáo rất xứng đáng cho những bọn rước voi giày mả.

Bọn Hoàng-Cao-Khải, Trần-Bá-Lộc tuy tài chẳng có gì, và đức thì khỏi nói. Nhưng con ruồi, một khi bám được đít xe hơi hoặc máy bay thì cũng đi xa được cả ngàn vạn dặm. Sự tàn ác của chúng tuy có thể giết người được, nhưng không thể bịt mắt khóa miệng được nhân dân.

Hai bài thơ trên đây, chẳng những đã lột trần cái bộ mặt đen tối của những kẻ tối đen ngay trong lúc thịnh thời của lũ

quỷ xâm lăng, mà còn để lại cho đời đời về sau, mỗi lần nhắc đến phải kinh tởm những con người như thế.

Người xưa nói « hễ tham cái vinh một sớm thì phải chịu cái nhục ngàn năm ».

Bọn Hoàng-Cao-Khải, Nguyễn-Thân, Trần-Bá-Lộc, há đã chẳng tối mắt đen lòng vì cái cặn bã vinh hoa nhất thời, chức trọng quyền cao, tiền nhiều của lắm, ô tô, nhà lầu, hầu non, vợ đẹp, rồi để bêu xấu, bêu nhục đời đời kiếp kiếp trên lịch-sử đó sao !...

## « VĂN CHƯƠNG » KHẢI-ĐỊNH

Khải-Định, vua bù nhìn thời Pháp, thân-phụ của cựu hoàng Bảo-Đại. Nói đến lão hôn quân này, người ta thường bảo là một tên dốt đặc. Nhưng thế là oan cho ông ấy. Bằng chứng, cuộc đời giang hồ phóng đảng của ông ta, còn để lại mấy câu chuyện sau đây :

Tục truyền, khi còn là hoàng-tử Bửu-Đào (chưa lên ngôi) một hôm Khải-Định đi vào xóm tìm hoa. Vào một căn nhà, trước cửa có dán đôi câu đối :

*Chữ nghĩa có là bao, học ừ bảo vậy, chi hồ giả dã lằng nhằng, đất có học tài sao chẳng đỗ.*

*Thuốc men nào mấy hột, lấy cũng bốc cho, lá cỏ cành cây láo nháo, trời cho bệnh khỏi ấy là may.*

Nhìn câu đối, Khải-Định biết chủ nhân là một nhà nho vừa dạy học vừa làm thuốc nên ghé vào làm quen. Chủ nhân biết khách là ông hoàng Bửu-Đào, con trai vua Đồng-Khánh, nên tiếp đãi cũng hậu. Thấy chủ nhân than cảnh nghèo túng, Khải-Định nói : *Cụ nghèo túng là tại câu đối này. Nếu được phép tôi xin đổi một chữ, chỉ một chữ thôi, may ra nhà cụ sẽ làm ăn khá giả.*

Cụ chủ nhà bằng lòng. Khải-Định liền đề nghị đổi câu « *Trời cho bệnh khỏi ấy là may* » ra câu « *Trời cho bệnh khỏi ấy là hay* ». Khải-Định sửa xong, cụ chủ nhà gật gù khen chữ « hay » có giá trị hơn chữ « may » nhiều lắm, và đó mới đúng với tác dụng của cái chân giá trị của thuốc là ở chỗ có chữa được bệnh hết hay không.

Quả nhiên từ đó trở đi, nhà cụ ngày một khá. Việc này chả biết có phải vì chữ ấy hay chỉ là sự ngẫu nhiên thôi. Nhưng có điều, những ai biết chuyện cũng nhận Khải-Định không phải quá dốt như bấy lâu lắm tưởng.

Một giai-thoại khác kể :

Có lần tết đến, thấy thiên-hạ dán câu đối mừng xuân. Khải-Định cao hứng cũng mua giấy đỏ, tự viết đôi câu để dán ở phòng trọ :

*Xuân xanh tuổi ngoài đôi chục, chơi đực trần ai, khi bài khi bạc, khi tài bàn vác, khi tổ tôm quanh, khi năm canh ngồi nhà hát, khi gác cổ ả đào, khi ghé tàu con đĩ xác, khi năm rập thuốc phiện tiêm, hoành ra dáng rạng ra rồng, nông ra phết, cóc biết chi tời, miện én đưa qua mùi gió thoảng.*

*Quốc gia lịch tứ thiên dư, do truyền nhân vật, như Tô như Duật, như Phật-Tử-Quân, như Trần-Quốc-Tuấn, như Phạm-Công thượng tướng quân, như Bạch-văn-phu-tử, như ngự sử Lê-Cảnh-Tuân, như công thần Nguyễn-Công-Trứ, tài chi tuấn thời chi tể, thế chi sử, khỉ nhưng nhiên phủ, thần long đắc vũ tiện vân đằng.*

國家歷四千餘猶傳人物如蘇如遼如佛子君如陳國峻如范公上將軍  
如白雲父子如御史黎景詢如功臣阮公著才之峻時之濟世之鋤豈仍然否  
神龍得雨便雲騰

Đặc biệt của đôi câu đối là vế trước thì nôm còn vế sau thì chữ, một thể ít ai làm. Xem qua, chúng ta chẳng những thấy tài văn-chương của Khải-Định, mà còn thấy ở ông ta, một cái khiếu trào lộng, mặc dù không thể chấp nhận một thái-độ tự hào với những cái ăn chơi bừa bãi, nhất là kẻ ấy lại

con một gia đình bắt buộc phải có trách nhiệm nặng hơn ai hết đến sự sống còn của đất nước ở trước một giai đoạn lịch sử.

# ÁN SÁT THỤ NGỌC LƯƠNG

Đối với những kẻ mang mặt làm « dân chi phụ mẫu » mà chẳng ra chó gì, các thi nhân nước ta thường hay làm thơ châm biếm và đả kích.

Thí dụ 1951 một ông dược-sư Tây vợ đầm đã có những « thành-tích » như chế thuốc cảm giả, như thông dâm với con sen con ở, và bị kiện song hôn, được đưa lên ngồi ghế thị trưởng Hà-nội để tha hồ đớp hít, thì ít lâu sau, có ngay một bài thơ đem dán ở trước tòa thị chính :

*Hà Nội nhà ta thực phúc đầy,  
Có anh mặt choắt lăm tài thay.  
Bột mì giã nhỏ viên thành thuốc,  
Con ở đưa lên phẫn với thầy,  
Tiền thuế dân đen thu chặt kết,  
Đồng lương chính phủ ních đầy tay.  
Con người kỳ lạ là ai đó.  
Chính bác song hôn mặt đóm đầy.*

Ở Saigon mới đây, một ông lớn chỉ vì « tài liếm bà nọ » mà được làm nên, được trọng dụng nên thi sĩ Hải-Châu T.N.M. đã có bài để vịnh :

*Khắp cả miền Nam dậy tiếng đồn,  
Có quan Bộ nọ khéo luôn tròn,  
Lầu cao « bà chúa » vờ rơi dép,  
Gác trống « Ông Hoàng » bị liếm lôn,  
Kiến nghiệp sao đành nơ khí tiết,  
Ham danh nên nổi hoại tâm hồn.*



*Trách thầy địa-lý phân kim lệch.*

*Mã táng long hầu phát khuyến môn.* <sup>21</sup>

Tạm kể mấy bài bí mật và gần nhất đây thôi chứ lục cả xưa kia, và những bài đã đăng lên mặt báo thì không biết bao nhiêu mà kể...

Tuy nhiên, nếu nói đến tính chất giai thoại, phải nói là bài « Án Sát Thụ Ngọc Lương » và bài ông Án này họa lại.

Với Thụ-Ngọc-Lương, kẻ viết bài này không biết ông ta quê quán ở đâu, chỉ biết sơ lược là xuất thân khoa bảng, và làm án sát tỉnh Hưng-Yên thời còn mờ ma thực dân Pháp bảo hộ.

Không rõ ông làm ăn ra sao, mà một buổi sớm tại trước cửa tòa án, bỗng có một tờ giấy đã được bàn tay bí mật dán lên, trong viết một bài thơ đả kích ông thậm tệ :

*Án sát gì mà Thụ-Ngọc-Lương ?*

*Miệng thì ư ử mắt thì dương.*

*Bạt tai tổng lý lòng không nghĩ,*

*Bóp cổ lương dân dạ chẳng thương.*

*Xử kiện bày nhầy như tổ đĩa,*

*Bút phê nhí nhoái tựa đầu lơ.*

*Văn nhân tài tử nào ai tá ?*

*Xỏ khổ khiêng sang trả Sứ-đường.* <sup>22</sup>

Bọn lính canh tòa án thấy vậy liền gỡ bài thơ ấy đem vào trình quan án. Người ta tưởng ông Lương cũng như các quan khác, tức sẽ nổi trận lôi đình, cho xé đi để phi tang, và cho bí mật điều tra xem ai là tác giả. Nhưng trái lại khác hẳn, quan án Lương sai lính cứ đem bài thơ ra dán y chỗ cũ cho công

chúng xem rồi tự làm một bài họa dán kèm vào bên cạnh như sau :

*Án sát ông đây Thụ-Ngọc-Lương,  
Gặp tuần hoa nở cánh hồng dương,  
Mẹ sư tổng lý lòng không nghĩ.  
Con đỏ triều đình dạ vẫn thương.  
Trộm cắp bỏ tù trơ mắt ếch ;  
Gian ngoan đòn đánh tuốt da lươn  
Cha con cò trắng quay đầu lại,  
Có lúc căng xương chồn tỉnh đường.*

Nếu bài trước người ta mắng ông là ức hiếp tổng lý, là đục khoét dân lành, là xử kiện, phê đơn chẳng ra gì, thì bài họa lại, ông vừa thanh minh : lúc nào cũng thương xót dân đen, vì dân là con đỏ của triều đình, vừa cho biết những tổng lý bị ông bạt tai chỉ là những tên không biết nghĩ, những kẻ bị bỏ tù chỉ là những tên ăn trộm ăn cắp. Ngoài ra ông lại cảnh báo cho biết những kẻ ngoan cố, bướng bỉnh hãy coi chừng, có ngày ông còn sai nọc cổ căng xương ra đánh chớ không phải chơi đùa.

Chẳng biết hành động của ông có đúng với lời thơ ông không ? Nhưng thấy cách đối phó như trên cũng rất là đáng khen, vì ông biết lấy văn chương để đối lại văn chương. Và đó là đòn chưởng chánh trị khá cao. Nếu im đi, thì người ta cũng biết, và ai đó, tác giả có thể lên mặt ở chỗ đã bí mật chơi xỏ ông được. Còn thế này hể người ta nhắc lại bài thơ kia, tức phải kể luôn bài thơ nọ, không kể không được, vì nó đã thành cuộc xướng họa. Mà kể đến là đã tự thanh minh, tự biện hộ và tự trả đũa lại dùm ông với những lời lẽ của tác giả

trên kia.

Qua việc làm trên, dù ai không thích ông ở chỗ ra làm việc cho Pháp, cũng phải khen ông là khôn, là cũng đáng mặt làm thầy nhiều kẻ khác, nhất là những kẻ cầm quyền dân quyền nước mà lúc nào cũng sợ tai mắt dân nước như vi trùng sợ ánh sáng mặt trời...

# BẠC THUẦN CHỤC MỘT CHẾT CHA DÂN

*Thứ nhất là rắn mang hoa,  
Thứ nhì Từ-Đạm, thứ ba Tán-Bình.*

Xin thề hai câu này không phải của chúng tôi bịa ra mà chính là câu phương ngôn ở tỉnh Ninh-bình ngoài Bắc-Việt.

Từ-Đạm và Tán-Bình là hai viên tuần-phủ ở tỉnh Ninh-bình trước. Không biết các « ngài » ăn ở ra sao, làm « dân chi phụ mẫu » thế nào, mà để đến nỗi trăm năm bia miệng vậy.

Kẻ hậu sinh này may mắn không phải sống dưới chế độ hai vị quan lớn trên. Nhưng theo tục truyền, các ngài là những kẻ hét ra lửa mưa ra khói, chớ chẳng phải chơi đâu.

Quan Tán-Bình thì chuyên môn vi hành như một thằng kẻ cắp, rình bắt rượu lậu, để lập công với nhà đoan Đại Pháp. Quan Từ-Đạm thì khỏi nói đến cái tật xơi hối lộ của ngài. Song quan Từ có hơn quan Tán một điều là tính thích văn chương, bởi vốn xuất thân hàng Tam giáp tiến sĩ.

Ngày nay, qua Ninh-bình, có ai ghé lại núi Dục-thúy, tục gọi núi Non-Nước, còn thấy hai bàn chân khắc vào đá, đó chính là di tích bàn chân của Từ, và còn nhiều thơ của quan đã mưa vào sườn núi theo những nét đục của mấy anh thợ đá.

Dù sao, những lời « nhà ngọc phun châu » cũng chỉ có khả năng làm dơ dáy thẳng cánh, chớ không thể nào đẹp yên được lòng cảm phần và biết quan quá xá của đồng bào tỉnh

Ninh.

Vì thế, khi quan khắc dấu chân mình vào đá, thợ mới làm xong đêm đến đã có người lén đề bốn câu thơ vịnh rằng :

*Năm ngoái thấy quan đục bốn vắn,  
Năm nay quan lại đục hai chân.  
Khen cho đá cũng lỳ gan thật,  
Chịu được cho quan đục mấy lần.*

Bốn câu thơ móc họng bay bướm này đến tai quan lớn họ Từ, nhưng quan vẫn tịt nết ấy, văn chương vẫn chỉ là văn chương, hời lộ vẫn ngang tàng hời lộ. Mấy câu ấy chưa thành lửa đỏ chẳng ? Nên chưa uốn được cái (...) của quan. Quan cố ế đi, song văn chương tự nó vẫn truyền tụng. Ở đời xưa nay, ai không muốn đẹp để khoe ra, xấu xa đậy lại. Nhưng đến chuyện này thì quan không thể đậy được, dù có tài thánh đi chẳng nữa !

Ngày ăn mừng lễ ngũ tuần mẹ vua Đồng-Khánh. Vâng lệnh triều-đình bù nhìn Huế và nhà nước Lang-sa, tại Ninh-bình, nhân danh quan đầu tỉnh, họ Từ sai tổ chức cuộc lễ ăn mừng rất linh đình, trọng thể. Lễ tất nhiên, quan thì vui say, mà dân thì phải đổ mồ hôi xót con mắt phục dịch.

Lần này lại ngón văn chương đem lòe bịp thiên hạ nữa, để làm nước hoa thoa mũi sặc hơi tiền của mình. Quan ra một vế câu đối cho mọi người trong tỉnh, ai đối lại được, quan thưởng năm chục quan tiền :

*Rượu chuốc năm mươi mừng mẹ nước.*

Quan tưởng với cái đầu đề thời sự ấy dễ ai mà đối được.

Muốn đối hay cũng phải có tính chất thời sự như quan, nhất là hai chữ « mẹ nước » thì khó mà tìm ra hai chữ để đối lại cho chỉnh.

Nhưng cao nhân tất hữu cao nhân trị, quan thanh liêm đảng hoàng, thiên hạ cũng khó lòng đối thật. Đảng này quan trái lại chỉ ngay cái việc quan trườn mặt « khoa bảng » ra làm tôi giặc Pháp cũng đủ để chê rồi. Vì thế, giữa đám đông dự lễ, mới có anh học trò, xung phong đi ra, đến trước mặt quan vợ chồng tên công sứ Pháp (Le Résident de France) đối lại rằng :

*Bạc thuồn chục một chết cha dân.*

« Rượu chuốc năm mươi » mà đối với « bạc thuồn chục một » cũng như « mẹ nước » mà đối với « cha dân » thì còn gì hay bằng.

Rằng hay thì thật là hay, nhưng nghe đối mọi người đều lè lưỡi lắc đầu cho số phận anh chàng, nhất là khi nhìn vào lại thấy mặt quan lúc đó xám xanh như tàu lá, rồi giây phút lại bừng bừng đỏ lên như mặt người say rượu, đoạn giây phút nữa lại tím hần như chàm.

Song bụng lòng quan phải cho là hay, phải cắn răng bóp bụng móc ra năm chục bạc để thưởng, quan thưởng nhưng ác ôn thay, quan lại truyền lính phạt anh chàng nợ ba mươi roi mây về cái tội xỏ, có nghĩa là thất lễ với quan, không biết kính quan là chúa tỉnh, là « dân chi phụ mẫu » :

Than ôi ! Ba chục roi đòn, đâu có xóa đi được cái chuyện trên và câu đối lại lịch sử ấy.

Tham thì thâm, cổ nhân đã dạy, quan sao chẳng nhớ ?  
Phải chăng có học mà còn tệ hơn không học ?

Giá quan đừng tham, thì đâu đến nỗi phải bể chuyện diều  
đời như vậy.

*Trăm năm bia đá thì mòn,  
Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ.*

Nghĩ lại, thật là bài học đáng giá cho những kẻ ngoài  
miệng thì thêu hoa dệt gấm, văn kia đối nọ, mà trong thì  
chứa toàn những thứ dơ và độc.

## CON ĐĨ ĐẠM, BỐ CU TỪ

Trong bài trước, chúng tôi đã hiến quý bạn về chuyện câu đối của Từ-Đạm, tuần-phủ tỉnh Ninh-bình thời Pháp thuộc năm xưa năm xưa. Nhân ngày ngũ tuần bà mẹ vua Đồng-Khánh, cụ Từ ra : *Rượu chuốc năm mươi mừng mẹ nước*

Và bị anh học trò đối xỏ lại : *Bạc thuồn chục một chết cha dân.*

Song chuyện đó cũng chưa nặng và xóc hông bằng câu chuyện khi Từ ngồi ghế án sát tỉnh Nam-định.

Nguyên do một bữa nọ, có anh khóa sinh không biết bị bắt về tội gì, chắc cũng nhẹ thôi, nhưng quan án sát họ Từ phải tìm cớ bắt giam, quan trọng hóa vấn đề ra để xem phạm nhân có phải thuồn bạc chục ra không, vì túi quan bao giờ cũng mở rộng để cho mồ hôi và nước mắt đồng bào tha hồ mà chui vô, chui mãi cũng không đầy, trừ khi quan xuống âm phủ, vì nó xưa nay không có đáy bao giờ.

Anh khóa sinh biết Từ thích Kim-Vân-Kiều lắm nên khi bị giam anh cứ ngâm tràn cung mây mãi, hết đoạn :

*Trăm năm trong cõi người ta,  
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.*

Lại đến khúc :

*Trong tay đã sẵn đồng tiền,  
Dù rằng đổi trắng thay đen khó gì.*

Nhất là vào giờ trưa, anh lại càng lấy gân cổ, hết sức ngâm cho to tiếng để làm rối loạn giấc ngủ của cụ lớn ông,



cụ lớn bà.

Bực mình quá, Từ sai lính xuống, bắt anh phải im đi. Anh cương quyết trả lời : *Đã bị giam, ngâm Kiều cũng cấm nữa hay sao ? Giam người rồi lại muốn giam luôn cả miệng người, như thế còn gọi là dân chi phụ mẫu sao được.*

Nói rồi, anh lại ngâm to hơn trước nữa. Tên lính lên bấm lại đầu đuôi.

Nghe bấm, cụ lớn họ Từ liền nổi lời đình cho lệnh giải ngay anh lên trước mặt mình. Ra oai, cụ lớn thét : *Bộ anh giỏi Kiều lắm phải không ?*

Vẫn nét mặt thản nhiên, anh Khóa đáp : *Bấm cụ lớn, giỏi thì không giỏi, nhưng kể thì cũng đủ kể thôi.*

Cụ lớn họ Từ quắc hai con mắt lên : *Nếu đã thế, anh phải làm ngay một bài thơ vịnh Kiều tức khắc và cấm không trùng với một bài thơ nào về Kiều, kể cả ý lẫn từ.*

Anh Khóa nọ trả lời : *Cụ lớn dạy thế, tôi xin vâng, nhưng hễ làm được, cụ lớn nghĩ thế nào ?*

Cụ lớn họ Từ cầm chiếc roi mây phán : *Hễ làm được, hay thì tha, còn không thì roi này vào đấy.*

Cụ lớn nói xong, anh Khóa liền xin cho giấy bút, viết ngay một bài thơ vịnh Kiều rằng :

*Khóa cửa phòng xuân để đợi chờ,  
Mà em mất nét tự bao giờ ?  
Chàng Kim<sup>23</sup> mê gái công đeo đẳng,  
Viên ngoại chiều con chắt ngất ngơ.  
Nợ trước hẹn hò con dĩ Đạm,<sup>24</sup>*

*Duyên sau gặp gỡ bố cu Từ<sup>25</sup>  
Mười lăm năm ấy bao nhiêu sống,  
Còn trách làm chi chú bán tơ !*

Viết xong, anh Khóa lễ phép đưa hai tay dâng lên. Cụ lớn cầm lấy, xem xong, chết điếng hần người đi. Té ra nó mượn Kiều để chửi mình là thằng cu bố dĩ. Nhưng hay quá, và đã trót hứa, nên cũng phải tha chớ biết sao bây giờ.

Thế là anh Khóa nhà ta được thoát khỏi sà lim mà cụ lớn Từ-Đạm thì giữa trưa phải nghe một trận chửi cay đắng, như nhuộm tím hần vào ruột gan và danh giá không bao giờ tẩy sạch.

Chuyện này mới là một chuyện văn chương đau đớn nhất đời Từ. Bởi có chữ « bố cu Từ » và « con dĩ Đạm » nên tên tuổi Từ đã được « vinh hạnh » dính liền với bài thơ. Với bài thơ này, mỗi lần ai đọc tới cũng phải nhắc đến Từ, không nhắc thì không thấy được cái hay và cái dụng ý của tác giả.

Không biết đời Từ thế nào, mà sĩ phu đương thời lại ghét đến như thế.

Phải chăng vì Từ là Tiến-sĩ, là xuất thân từ cửa Khổng sân Trình mà đi ra làm quan với giặc, hay bởi cái tánh tham tiền như tham sống của y ?

Nhưng dù sao đi nữa, qua hai chuyện trên, chúng ta cũng phải nhận Từ cũng còn khá thiên lương chớ chưa đến nỗi táng tận như những tham quan ô lại khác.

Từ nuốt tiền thì nuốt, chớ chưa trắng trợn nuốt đến cả những lễ phải và lời hứa. Nếu không, mấy anh xỏ Từ, chẳng

những không được tha, mà còn bị Từ đánh đòn và cho ở tù  
một gông nữa là khác.

# LOAN PHỤNG HÒA MINH

Thường thường đi mừng các đám cưới, người ta ưa lấy bốn chữ « Loan phụng hòa minh ». 鸞鳳和鳴

Loan phụng hòa minh có nghĩa là chim loan và chim phụng, cả hai con cùng gáy, một con trống, một con mái, ý để chúc đôi tân hôn được hòa thuận với nhau như cặp loan phụng vậy.

Theo thường lệ ấy, cụ Phạm-Trung-Hợp ở làng Dũng-quyết, tỉnh Nam-định cách đây chừng hai mươi năm về trước cũng viết bốn chữ « loan phụng hòa minh » để mừng cho đám cưới con trai một ông thông phán nọ ở trong tỉnh.

Trong đám cưới của con ông phán (đang tòng sự tại tòa sứ) khỏi sao không có biết bao nhiêu là những hạng quý khách, gồm đủ cả Tây học và Nho học, v.v... và lẽ tất nhiên phải có không biết bao nhiêu là đối liễn đem mừng.

Cụ Phạm-Trung-Hợp là một nhà túc nho không biết tại sao cụ lại viết cho người ta mừng đám cưới con quan phán bốn chữ tầm thường ấy.

Phải cụ làm biếng và hết chữ rồi sao ?

Nhưng không, cụ vẫn siêng năng, chữ cụ vẫn còn và văn chương của cụ vẫn lại càng ngày uẩn súc thêm.

Người được cụ viết cho bốn chữ ấy để đem đi mừng sau khi mãn tiệc về, xem bộ không hài lòng cho lắm. Y ta đến hỏi cụ : *Sao cụ cho bốn chữ cũ vậy ?*

Cụ hỏi : *Thế trong đám cưới có ông nào học Nho khá*

*không ?*

- Dạ, có lắm, có cả những ông Tú và ông Cử ông Nghè.
- Thế bốn chữ ấy có được ai để ý không ?
- Dạ không ai để ý, vì bốn chữ ấy, các quan đều cho nó thường quá.

Cụ Phạm mỉm cười nói : *Thế thì ra là cả một đám dốt với nhau, vì chính cả anh cũng không biết gì nữa.*

Anh kia ngớ ngẩn, không biết tại sao, cụ cắt nghĩa :

- Anh hãy nghĩ xem, bộ tôi không biết bốn chữ ấy thường sao, nhưng thường với ai, chớ với lão phán ấy thì là những chữ mới kia đây. « Loan phụng hòa minh » không phải như người ta tưởng đâu mà ý chính của nó là chim loan chim phụng cũng đều hót hay. Anh không biết lão phán ấy và thằng sui gia của hắn đều cùng là những thằng cha nịnh hót nổi tiếng ở tỉnh này hay sao ? Tôi viết bốn chữ ấy đều chửi vào mặt nó, chớ đâu phải mừng cho con nó. Cha con nó ra trò trống gì cái thứ đi làm cho Tây ấy.

Anh nọ lúc đó mới hiểu nghĩa của bốn chữ Loan phụng hòa minh. Nhưng việc đã rồi, anh biết làm sao xoay lại được nhất là anh lại cũng là một người không thua gì ông phán của anh. Anh nghĩ cũng hơi bực mình với cụ Phạm. Nhưng há miệng mắc quai, chả lẽ anh lại đem đi kể với ông phán vì chính đó lại là bốn chữ của anh mừng kia mà.

Anh ta giấu đi cho tất cả đôi đường, nhưng sau câu chuyện ấy cũng lại đến tai quan phán do một ông nhà Nho khác, bạn với quan phán cắt nghĩa cho ngài nghe : *Nó mừng*

*gì, nó chữi anh là thằng hót hay đó. Chớ nó thiếu gì văn tự mà phải đi dùng bốn chữ cũ rích ấy.*

Lúc đó ông phán mới đỏ mặt, đổ mồ hôi hột ra. Rồi sau đó, bốn chữ « Loan Phụng hòa minh » liền bị xé tan ra từng mảnh. Ông phán tức anh đi mừng lắm. Ông đến mắng vốn và tra hỏi ai người cho anh bốn chữ ấy.

Nhưng biết thì biết, ông Phán làm gì mà oán được cụ Phạm.

Phải chi, ông là những hạng người đứng đắn, đừng có thái độ nịnh hót ra mặt, bỏ đít các quan thầy Lang-sa thì 4 chữ ấy đâu có cái nghĩa như trên kia.

Những chữ nghĩa của các bậc hiền nhân quân tử xưa để lại là những cái quý giá ở đời. Nhưng không phải là hạng người nào cũng có thể dùng được và cũng có thể lợi dụng được. Bài học trên này, phải chăng tuy nhỏ nhưng chính đó là một cảnh cáo cho những kẻ lòng dạ chẳng ra gì mà cứ lúc nào cũng muốn dùng những chữ kia nghĩa nọ để lên mặt với chúng bạn và lòn bịp thiên hạ.

# THƠ CHÚC BỌN TÀN DÂN HẠI NƯỚC

Nhìn bọn Nho học nước ta khi giặc Pháp mới đặt quyền cai trị ở đây, nhà thơ Tú-Xương đã có câu phẩm bình chua chát :

*Sĩ khí rụt rè gà thấy cáo,  
Văn chương liều lĩnh dấm ăn xôi.*

Nghĩa là các nhà Nho ta thường khoe khoang khí tiết, nhưng khí tiết gì đâu ? Thấy bọn quyền quý, thấy lũ thực dân thì dáng điệu thật chẳng khác con gà ở trước mặt con cáo (chồn). Còn văn chương thì văn chương gì đâu ! Chỉ toàn những văn chương tấu hót nịnh nọt để kiếm miếng ăn thôi. Nói một cách khác cho dễ hiểu, nếu ở thời đại đô-la này, thì những kẻ ấy cũng một hội một thuyền với những hạng chính khứa xôi thịt, những trí thức vĩa hè, và những tên bồi bút dĩ bút, tức những hạng người ghê tởm nhất, xấu xa nhất ở trong một xã hội ung nhọt do những thế lực và bùa phép của kim tiền tạo nên.

Đó là cái nhìn tổng quát vào số các nhà Nho ở trước một khúc quanh lịch-sử, đã không còn gì để đáng gọi « Nho » nữa, vì họ đã thành những tôi đòi của Pháp. Chớ Nho như các cụ trong phong trào Cần-Vương hay Đông-Kinh Nghĩa-Thục, thì thật chúng ta phải thắp hương mà vái.

Tuy nhiên cũng có nhà Nho không hoạt động gì, nhưng nhắc đến bây giờ chúng ta cũng vẫn phải kính phục, thí dụ ông Tú Từ-Diễn-Đồng, người phủ Thường-tín, tỉnh Hà-đông.

Ông Tú mất lâu rồi, nhưng trên đàn văn nước ta, ông đã

để lại một giai thoại khiến người được nghe không ai không phải khoái trí và nổi tinh thần lên.

Tục truyền năm nọ, vào một ngày gần Tết, tên tri-phủ Thường-tín cho lính đem giấy về làng mời ông Tú, ông Tú theo chú lính vào phủ, tưởng việc gì quan hệ, té ra quan phủ cũng nhà Nho xuất thân, mời ông vào chỉ để xin một bài thơ dán Tết vì nghe tiếng ông Tú là tay thơ nổi tiếng trong vùng.

« Tiên lễ hậu binh », để mua lòng ông Tú, tên phủ đón vào tư dinh, thết đãi rượu thịt. Ý nghĩ nếu được ông Tú tặng thơ thì một là vinh dự không nhỏ, hai là sẽ được lòng cả phủ, vì ông Tú tuy chỉ tú tài, nhưng có khí tiết, thành được mọi người kính nể và tôn trọng. Các quan tỉnh còn nghe danh ông, huống dân trong một phủ Thường-tín.

Vừa uống rượu vừa nói chuyện văn chương, thấy tên phủ ngỏ lời xin thơ, ông Tú khiêm tốn đáp : *Thơ tôi dở lắm, chỉ sợ quan lớn không nghe lọt tai thôi !*

-Ồ, ông Tú cứ nhún mình, chỗ bạn thanh khí cả.

Nói rồi, tên Phủ gọi lính mài mực và đem giấy bút ra. Ông Tú thấy không thể từ chối, cũng vừa nhậu vừa viết trên mảnh giấy hoa tiên, ông mở đầu :

*Năm mới mừng quan vạn sự lành !*

*Tốt tài sai lộc rạng uy danh.*

Tên Phủ thích quá, vừa khen hay, vừa rót rượu mời thêm ông Tú, lại gọi cả vợ con ra khoe và đề cao ông Tú. Ông Tú viết thêm :

*Lời vàng sang sáng dân trơ mắt,*



*Tay sắt lắm le bạt lũy thành.*

Ông Tú viết xong, lúc đó có mấy nhân viên nha lại tới, tên Phủ khoe lấy khoe để. Ai cũng khen hay, nhưng cũng ngờ ngợ về hai câu ba bốn.

Tên Phủ ra về kẻ cả nói : *Câu đó là câu hay, hàn nho phong vị của ông Tú đấy, các thầy không hiểu gì hết cả, ông Tú người văn hay chữ tốt, nhất tỉnh này, ai còn không biết.*

Rồi y quay mặt lại ông Tú : *Xin ông cho đủ tám câu đi, hay quá !...*

Tên Phủ tưởng ông Tú sẽ đưa y lên mây, không dè, với bốn câu sau, ông đã thẳng thừng lòi luôn xuống đất đen một mạch :

*Đổi trắng thay đen tài vạn dặm,  
Vu oan giá họa giỏi trăm vành.  
Chúc quan sống mãi như Bành-Tổ,  
Đất nước vang trời giống nhặng xanh !*

Tên Phủ tức quá, tức vì bị chửi, lại tức vì vừa mới khen ông Tú, y đỏ mặt lên, xấu hổ với vợ con, với nha lại, nên không dẫn bụng được, y quẳng mâm rượu đi, sai lính trói nghiêng ông Tú đêm nhốt dưới nhà pha, không cho về ăn Tết. Song ông Tú không sợ, nằm trong nhà pha ông vẫn cất tiếng ngâm thật to cho mọi người nghe biết :

*Trò đời một lũ mán mường,  
Thật quân cướp bóc, thật phường lợi danh.  
Bắc thang lên hỏi trời xanh,  
Bao giờ hết lũ nhãi ranh hách xằng ?*

Thành thử, thiên-hạ lại kéo đến xung quanh nhà pha để xem và để nghe không ít, tên Phủ thấy thất sách, đành phải bấm bụng tha ông Tú về cho khuất mặt khuất lời. Thật không đại nào giống đại nào. Nhưng ai bảo cái thân đã chẳng ra chi mà cứ muốn người ta phải hoan nghênh.

## QUAN PHỦ CÔNG BÀ ĐẦM

Ở nước ta vào thời vua Lê chúa Trịnh, các sĩ phu Bắc Hà đã lấy làm xấu hổ mỗi khi nghe dư luận bàn tán về hai câu thơ :

*Quý phi bồm bẻm nhai trầu đỏ ;  
Tiến sĩ xum xoe bọt phóng đồng.*

Hai câu ấy là hai câu tả thực ở trong một bài thơ tám câu vịnh một ông nghè khi vào cung nội yết kiến chúa Tĩnh-Đô-Vương Trịnh-Sâm, đã bưng ống phóng (ống nhổ) cho bà chúa Chè (tức quý phi Đặng-Thị-Huệ) nhổ nước quết trầu. (Rất tiếc bài này đến nay chỉ còn truyền lại có hai câu).

Việc này là việc rất bí mật, nhưng rút cuộc nó đã không che được tai mắt dư luận nên người đương thời mới có câu thơ ấy, và câu thơ ấy là cái bia miệng để nhục cho sĩ phu lúc ấy.

Không nhục sao được, một người làm dĩ cả họ còn bị mang tiếng xấu lây, huống trong giới sĩ phu lại bị một ông nghè có những hành vi quá mức đê tiện ấy. Ông nghè là một nhà nho bự, một tay khoa bảng lớn, mà ông nghè thế, thử hỏi còn gì là thanh danh khoa bảng, là giá trị nhà nho, đệ tử của Thánh Hiền như vậy thì đáng đem nọc đả đũa ra trước Khổng miếu mà đánh, rồi lột áo mũ đi...

Tuy nhiên, nếu đem ông nhà nho như bản này để so sánh với lão nhà nho ở thời thực Pháp khi đã đặt vững nền bảo hộ, thì thấy còn có thể châm chọc... Lão nhà Nho này là ai ?

Hiện nay không ai còn nhớ tên họ của lão ta là gì, mà chỉ biết lão xuất thân cũng là tay khoa bảng (đâu đó đến cử-nhân thì phải), là khoa bảng tức thuộc loại trí thức cỡ lớn, trí thức cỡ lớn mà lão cũng muối mặt ra làm tay sai cho thực dân cũng là đáng nhỡ vào mặt rồi, nhưng phải nào đã hết, khi lão làm tri phủ Vĩnh-tường, gặp lúc vợ chồng tên công sứ Pháp đi khám xét đề điều, tới khúc đường lội, ngay giữa thanh thiên bạch nhật, và trước cả hàng trăm con mắt đồng bào, lão đã nhanh nhẩu chạy lại chỗ con mụ đầm (tức vợ tên công-sứ) để ghé vai vào cổng nó đi qua.

Lão tưởng không có hậu quả gì. Nhưng câu chuyện « lão cổng đầm » ấy đã đồn đi khắp nơi, và đến tai ông Nguyễn-Thiện-Kế (tục gọi huyện Móm, người làng Nễ-đô, tỉnh Hải-dương) thì đồ cử-nhân cuối đời Nguyễn nên ông này đã « thưởng » cho lão một bài thơ trào lộng, đánh dấu cái việc làm của lão :

*Khôn khôn phủ Vĩnh, khéo khôn ngẫm* <sup>26</sup>

*Nịnh bố cu Tây, công mẹ đầm* <sup>27</sup>

*Đôi vú ấp tai đâu nghênh nghênh,*

*Hai tay bưng đít mặt hăm hăm...*

*Cũng may cứng cánh* <sup>28</sup> *nhờ ơn tổ,*

*Nếu rủi sa chân chết bỏ bầm,* <sup>29</sup>

*Chẳng kể mà-đay cùng tướng lục ;* <sup>30</sup>

*Ngủ tay, tằm tằm miệng cười thầm.*

Bài thơ rất hay, hai câu thực, và hai câu luận, thật là tả đúng cái cảnh một anh đàn ông đang công mụ đàn bà, và sâu cay nhất là câu kết. Bởi thế cũng được truyền tụng rất

sâu trong dư luận đương thời.

Không biết ông Nguyễn-Thiện-Kế có đăng báo nào không, nhưng theo lời đồn thì ông có viết gửi cho lão phủ kia một bản để chờ thơ đáp họa. Song nguồn văn chương của lão đã bị cái hơi hướng của con mẹ đầm kia làm cụt hứng đi mất, nên chẳng còn gì để họa lại được nữa.

Đó, các bạn thấy chưa, cái dơ bẩn của lão nhà nho này có phải là trắng trợn, và dơ bẩn hơn gấp bao nhiêu lần của cái ông nhà nho thời vua Lê chúa Trịnh hay không ?

Than ôi ! Làm sao trong giới sĩ phu trước nay lại cứ thường có những thằng to đầu to học mà to cái dê tiện đến thế, để mang tiếng nhơ cho cả bè cả đồng. Bởi vậy, muốn bảo toàn danh dự và củng cố đội ngũ, thì giới sĩ phu phải sớm loại trừ những cái manh nha dê tiện đi !... Còn không thì một con ghẻ sẽ đẻ ra nhiều con ghẻ vậy.

# THI CỬ ÔI THI CỬ !...

Văn chương thi cử là chuyện cần thiết để kén chọn nhân tài và khuyến khích nhân tài. Nhưng ở một nước thực sự độc lập dân chủ kia ! Chớ với một nước nô lệ, thì đó là những trò hề nếu không bảo là những bùa phép phù thủy để kén những âm binh hầu hạ có vốn liếng chữ nghĩa.

Nước ta là nước văn hiến thật, quá nhiều trí thức thật, nhưng suốt thời thuộc Pháp là cả một giai đoạn dài dặc xảy ra không biết bao nhiêu những trò hề nói trên. Trò hề vô số, song để « trăm năm bia miệng » phải nói là mấy chuyện sau đây :

Chuyện thi ở Huế do báo Sông Hương số ra ngày 13 tháng 3 năm 1939, thuật lại :

*Năm Đồng-Khánh nhị niên (Đinh-hợi 1887) nước ta mới bị bảo hộ và sang năm có khoa thi hương Mậu-tý.*

*Trường Quốc-Tử-Giám bấy giờ còn đóng gần Chùa Thiên-mụ, mở một kỳ hạch cho các học trò hạt Thừa-thiên. Giữa ngày hạch, sau giờ thu quyển luận canh một, các quan ở đó cho một ông viên ngoại phát mã thương một cái bì về, do bộ Lễ chuyển trình Viện Cơ-Mật như là có việc gì trọng đại, khẩn cấp lắm.*

*Các quan cơ mật đương đêm, tức thì nhóm lại ở viện đó rồi ông viên ngoại ấy vào mở bì ra.*

*Nó là một cái quyển tên gì thì ông viên ngoại quên đi, chỉ nhớ trong viết một bài ca rằng :*

*Cu li quân hề cu li thần,  
Cu li quan hề cu li dân.  
Cu li tú-tài cu li cử nhân,  
Cu li trường quan hề cu li văn.  
Cu li hề cu li !  
Phi lu hề phi lu...*

*Thấy thế, các quan cơ-mật, ông thì tức cười, ông thì nổi giận, nhưng có điều khó nghĩ là không biết nên tư ra tòa khâm (Résidence Supérieure) và tâu hoàng-thượng, hay là nên dìm đi. Về sau, ông Nguyễn-Trọng-Hợp tỏ vẻ cương quyết bảo dìm đi. Nhưng các quan đều dặn ông viên-ngoại phải giữ bí mật, không được tiết lộ ra.*

*Sau 15 năm, ông ấy mới nói cho người ta biết.*

Một chuyện thi khác ở Bình-định :

Năm Ất-tỵ, dương lịch 1905, các quan tỉnh khảo hạch học trò bằng một bài thơ, một bài phú. Bài thơ lấy đầu đề « Chí thành thông thánh », bài phú lấy đầu đề « Danh sơn lương ngọc ». Dịp này, các cụ Trần-Quý-Cáp, Phan-Chu-Trinh, Huỳnh-Thúc-Kháng, Huỳnh-Thường-Trung đi qua, thấy vậy, liền ghé lại trường thi để mượn những đề tài ấy, đánh thức những đồng bào mê ngủ. Các cụ ký tên Đào-Mộng-Giác, cụ Phan làm bài thơ « Chí thành thông thánh », trong có câu khuyến cáo :

*Muôn dân sống kiếp đọa đày,  
Văn chương tám vế mê say nổi gì ?*

Hai cụ Trần, Huỳnh làm bài phú « Danh sơn lương ngọc » giao ông Tú Huỳnh-Thường-Trung viết, trong có đoạn mắng

nhiẹc cả bọn quan lại và sĩ phu trong kỳ khảo hạch ấy :

*Tục còn ưa thích văn chương,  
Sĩ vẫn say mê khoa mục.  
Ngày đêm điển tịch miệt mài,  
Năm tháng phú thơ cặm cụi,  
Sách văn hay dở, cúi đầu theo miệng trường quan,  
Lời lẽ nên chăng, nhắm mắt học thừa Trung-quốc.  
Ào ào tranh miếng lợi danh, toàn đồ kẻ cắp,  
Bô lô lên giọng hào kiệt, cả lũ lưng khom.  
Rõ ràng bọn túi cơm giá áo, lặn mình vào đọi lũ Tây sai.  
Thật đúng phường mặt ngựa đầu trâu, đành dạ để xô  
hầm con đỏ.*

*Hành vi thế ấy !  
Tâm địa nhường kia !  
Binh làm sao mạnh ?  
Của làm sao giàu ?  
Trí-tuệ sao mở mang ?  
Nhân tài sao dưỡng dục ?*

Rồi lên tiếng kêu gọi thống thiết :

*Chứng tham tàn quan lại bỏ đi thôi,  
Bệnh phù danh sĩ dân đừng mắc nữa.  
Hơi tàn gắng dạy, để chờ ngày cứu nước vớt dân,  
Sống nhục vui chi, chẳng thà để phơi gan nát óc !*

Và kết-luận :

*Tiếng ca đòi đương khi nước nở,  
Ngọn bút hòa lệ nhỏ chan chan,  
« Chí thành thông thánh » chẳng màng,*



*Danh sơn lương ngọc » miễn bàn là hơn ».*

Các quan tỉnh Bình-định khi chấm đến những bài này, vừa xấu hổ vừa tức giận, nhưng không cách nào tìm được thủ-phạm, ngoài việc xét hỏi các thi sinh họ Đào. Cuối cùng, các quan phải ém đi thật kỹ. Kết quả, câu chuyện ấy và những thi phú ấy vẫn truyền đi cả nước, mặc dù bị nghiêm cấm rất ngặt, khiến nay đã thành một câu chuyện lịch sử.

Và đây, chuyện thi ở Hà-nội :

Năm 1921, báo Trung-Bắc có tổ chức một cuộc thi văn chương. Cuộc thi này là thi vịnh Văn-miếu (đền thờ Khổng-Tử) lấy câu đầu « Nghìn năm văn vật đất Thăng-long ». Như vậy, là thơ 8 câu theo thể luật Đường mà người dự thi chỉ phải làm có bảy, hoặc sáu, nếu theo cách thủ vĩ ngâm.

Nhưng Thăng-long lúc đó (dưới quyền cai trị của người Pháp) còn đâu văn vật nữa, mà các học giả, thức giả, thi sĩ, văn nhân cứ phổng mũi ca tụng.

Bởi vậy, có người vì không chịu được cái trò thi cử lố bịch ngu muội ấy ở trước cảnh nước mất nhà tan, nên đã gửi lại ban chấm thi một bài sau đây, tuy cũng là để góp phần dự thi, nhưng thực để cảnh cáo gián tiếp :

*Nghìn năm văn vật đất Thăng-long,  
Văn vật ngày nay mới lạ lòng.*

*Tham biện tham buôn tham cán sự,  
Độc người, độc chó, độc canh nông.*

*Du côn mật thám đầy sông Nhị,  
Giăng há ma cô chập núi Nùng.*

*Còn nữa xin ngừng, khôn xiết kể,*

*Nghìn năm văn vật đất Thăng-long !*

Bài này, lẽ dĩ nhiên không được đăng lên như các bài khác, nhưng đã khiến người đề xướng cuộc thi là ông Tú-tài Nguyễn-Đỗ-Mục tự cảm thấy xấu hổ, tởp liền, đồng thời lái ngay cuộc thi đang « hào hứng » qua một bài thơ quảng cáo cho bản dịch bộ truyện « Tái sinh duyên » của mình để kết thúc vấn-đề :

*Nghìn năm văn vật đất Thăng-long,  
Bộ « Tái sinh duyên » có phải không ?  
Năm nghìn tiền biên bán đã hết,  
Năm nghìn hậu biên in vừa xong.  
Hiếu trung tiết nghĩa gương Thù, Tú,  
Lễ nhạc y quan đất Nhị Nùng.  
Mỗi quyển bán lẻ sáu hào rưỡi,  
Mua nhiều có trừ tiền hoa hồng.*

Ông Tú gượng gạo thật, bất đắc dĩ thật, tài đánh trống lảng thật ! Nhưng thế vẫn còn hơn, còn biết liêm sỉ, không phải người thuộc hạng « mặt chai mày đá » như lũ « văn hóa văn chương » bồi bếp trong hai chuyện trước kia :

*Trống thúc mõ hồi đầu kể, bán đầu ăn, ai đói mặc ai ;  
Chà quơ chổi đập chi sồn, đua miệng cắn, thế nào thì thế.*  
Đáng khen sự biết lỗi lầm của ông Tú họ Nguyễn...

Kể chuyện văn chương thi cử còn nhiều trò trống lảm. Nhưng thiết nghĩ chỉ với mấy chuyện trên đây, chúng ta cũng đủ để cười ra nước mắt và đủ để suy nghĩ vậy.

# **ANH HÙNG SAO LẠI... NẪM QUEO TRONG THUYỀN ?**

Nhắc đến cụ Phan-Bội-Châu, một nhà ái quốc Việt-Nam, đồng bào ta ai còn lạ gì về thân thế và sự nghiệp của cụ và không ai không kính phục bước đường tranh đấu gian nan vì cách mạng, vì dân tộc của cụ.

Cụ xuất thân là một vị thủ khoa, nhưng văn thơ chứa đầy tư tưởng cách mạng của cụ để lại cho đời sau không biết bao nhiêu kể. Ngay đến các nhà cách mạng, các tay văn hào ở Trung-quốc như Tôn-Dật-Tiên, Lương-Khải-Siêu cũng phải khen cụ là một bậc văn chương lỗi lạc.

Đồng bào ta rất nhiều người thuộc thơ văn của cụ, nhưng có một bài sau đây thì rất ít người biết.

Bài thơ này ngắn, nhưng đối với cụ suốt một đời bôn ba, khi ở trong nước, lúc bôn ba hải ngoại, lúc nằm trong lao tù của thực dân, phong kiến, cả một thuở bình sinh chưa có bài nào đối với cụ được gọi là khích lệ tâm hồn bằng. Đọc bài thơ này, chính cụ cũng phải nhìn nhận là tuyệt tác, chẳng những hay về hình thức lẫn nội dung, mà còn là tóm tắt phê bình được cả một quãng đời hoạt động của cụ, gọi lên tinh thần cụ một mối tình thâm thía, vô cùng xúc cảm ở trước cảnh nước mất nhà tan, nhân dân đau khổ đang chờ tay cứu vớt của những bậc anh hùng hào kiệt.

Khi nhà nước « Lang-Sa » bắt cụ đưa về an trí ở Huế, thường thường cụ hay ở một chiếc thuyền nan trên sông

Hương để sống gần gũi với anh em bình dân. Chuỗi ngày buồn lê thê dằng dặc bên cạnh con người đầy nhiệt huyết vì dân tộc và tổ quốc sống trong cảnh chim lồng cá chậu lúc đó, cụ chỉ còn biết tiêu khiển bằng những câu hò giọng hát của các anh chị em lái đò.

Cụ thích nghe và đặt tiền thưởng cho những ai hò mà được cụ chấm cho là hay. Thường lệ hễ được thì cụ gọi lại và trao cho một cắc. Một cắc thôi, nhưng các bạn nên nhớ rằng đối với lúc đó là lớn lắm, bằng cả chục bây giờ.

Một bữa nọ, có một em nhỏ hò. Không biết em hò thể nào, có hay không mà bắt mắt vì không được cụ thưởng. Em tức lắm. Thế rồi đêm ấy em mới hò một bài để quyết tấn công tinh thần cụ, gián tiếp bảo cụ chưa phải là một bậc anh hùng.

Trăng thanh gió mát, chèo một con thuyền đi ngang chỗ cụ nằm, em cố lấy giọng mà hò to lên rằng :

*Thái-bình-dương gió thổi,  
Chiếc buồm em trôi nổi tựa cánh bèo.  
Sao không ra giúp chống đỡ chèo ?  
Anh hùng sao lại nằm queo trong thuyền ?*

Phải anh hùng thì ra giúp chống đỡ chèo khi còn thuyền dân tộc đang bị cơn sóng gió, chớ sao lại nằm ở một nơi. Bài hò của em thật chí lý lắm vậy thay. Cho nên đã làm cụ khi nghe phải chứa chan đôi dòng lệ, nghĩ tủi cho thân thế và sự nghiệp của mình :

*Những tưởng anh em đầy bốn bể,  
Nào ngờ trăng gió nhốt ba gian.*

Nghe bài ấy, cả đêm thao thức, cụ không sao ngủ được. Cụ phải thưởng cho em hò nọ hai cắc và hỏi thăm, bài ấy ai đặt. Cụ muốn biết tác giả, nhưng em nhất định giấu. Cụ tấm tắc khen hoài, cho đây với tác giả, tuy mình không biết tên biết mặt, nhưng chắc chắn cũng là người đồng tâm đồng chí.

Thế rồi sáng sau gặp cụ Huỳnh-Thúc-Kháng đến thăm. Cụ kể lại, cụ Huỳnh cũng nhận là bài hò đặc sắc. Cả hai cụ cùng tâm sự và cùng bùi ngùi than :

- Thế mới biết người đời để ý đến từng nhất cử nhất động của mình và đất nước hiện này đang thống thiết gọi mình. Than ôi ! Sự thế biết làm sao bây giờ. Người có nhiệt huyết thì bị giam ở đây, còn kẻ giá áo túi cơm, cõng rắn cắn gà nhà thì tung bay nhan nhản. Song ở trên bến này còn có câu hò ấy thì giang san ta chưa phải đã hết những anh hùng hào kiệt.

Chúng tôi nhắc chuyện này để hiến quý đồng bào và xin những ai tự phong là anh hùng hào kiệt hãy nghiền ngẫm lấy bốn câu thơ ấy.

## VĂN BIA KỶ-NIỆM CHÓ

Đối với Tây-phương, chó là một con vật có nghĩa. Nhưng ở Việt-Nam, người ta lại cho chó là một con vật hầu như gồm đủ mọi tật xấu : ngu như chó, dốt như chó, dại như chó, tham ăn như chó và tệ bạc như chó v.v... Thậm chí, chó đã chết trôi trên sông rồi mà nhà thơ trào phúng của Đồng-nai, Bến-nghé, ông Học-Lạc cũng còn hò ra để ám chỉ vào những hạng người túi cơm giá áo, nước mắt đã không biết tìm cách lấy lại, còn đi ỷ vào thế giặc để lên mặt với đời :

*Sống thì bắt thả, thả kêu rêu,  
Thác thả dòng sông xác nổi phều.  
Văn vẹn sắc còn phơi lững đứng,  
Thúi tha danh hầy nổi lều bều.  
Tối lui bịn rịn loài tôm tép,  
Đưa đón lao xao lũ quạ diều.  
Một trận gió dồi cùng sóng dập,  
Tan tành xương thịt biết bao nhiêu.*

Thật ra, chó không phải là vật quá tệ như thế đâu. Theo tôi, nó quả là một con vật khôn, một con vật có nghĩa như người Tây-phương nói. Chỉ khi nào điên, nó mới cắn càn thôi.

Chẳng những thế, theo cụ Phan-Sào-Nam, chó còn là con vật có trí, có nhân và có dũng.

Nhân nói chuyện về cụ, một ông bạn ở Huế, trước đây có kể cho tôi nghe một giai thoại văn chương của cụ là chuyện làm bia kỷ niệm chó.

Lúc cụ bị thực dân Pháp và triều đình Huế giam lỏng ở núi

Ngự sông Hương và ngăn đón bao phủ bí mật xung quanh cụ bằng một hàng rào những tay sai mật thám. Tuy thế, nhưng bạo lực của chúng chỉ giam được người cụ, chớ đâu giam nổi được tinh thần.

Nhà cụ lúc đó có nuôi một con chó và tên là « Ky » khôn lắm. Vì thế cụ quý nó hết sức.

Khi nó chết, người ta cũng tưởng cụ sẽ cho người đem « nhân táng » nó. Nhưng không, cụ đem chôn cẩn thận, chẳng những kỹ hơn cả người Âu, người Mỹ, khi chó chết, đem táng vào một nghĩa trang riêng, mà cụ còn dựng cho nó một tấm bia gỗ để kỷ niệm công đức.

Bài bia ấy như sau :

*Người có đức nhân, hơi kém về phần trí,*

*Kẻ có đức trí, hơi kém về phần nhân.*

*Vừa trí vừa nhân, thực là ít thấy.*

*Ai ngờ con Ky này,*

*Lại đủ hai đức ấy.*

*Chung nhau thờ một chủ, thời xem nhau là anh em,*  
*chẳng bao giờ như mèo với chó, thực là nhân đó.*

*Thấy không phải chủ, thời xem bằng cừ thù, chẳng bao giờ vì miếng ngon dẫn dụ, thực là trí đó.*

*Trí vừa nhân, nhân vừa trí, trông giống sức mà người e,*  
*đều mà mới thấy.*

*Sao mà vội chết ?*

*Hỡi trời hỡi trời !*

*Lòng ta đau đớn,*

*Phải tạc mấy lời.*

*Đau đớn quá, đau đớn quá !  
Kìa những hạng muông người !  
Vì có dũng nên liều chết phần đầu,  
Vì có nghĩa nên trung thành với chủ.  
Nói thì dễ, làm thực khó.  
Người còn vậy, huống chi chó !  
Ôi !  
Con vá, mày đủ hai đức đó,  
Há như ai kia,  
Mặt người lòng thú,  
Nghĩ thế mà đau !  
Dựng bia mộ chó.*

Bài bia này của cụ, thiết nghĩ khỏi cần giải thích, bạn đọc cũng biết chỗ dụng ý của cụ. Lẽ tất nhiên khi cụ dựng lên, bộ tay sai của Pháp khỏi sao không tìm đến để ghi để chép, để muối mặt đọc, rồi đem về báo cáo lại chủ.

Cụ Phan thì khen chó như vậy, còn ông Học-Lạc thì chửi chó thậm tệ.

Mới nghe thấy như tương phản ý-kiến và bất đồng quan niệm. Nhưng xét ra cả hai cùng dụng ý như nhau.

Một ông thì mượn chó, bởi những (...) cái xấu của chó ra để đả kích những hạng người sâu dân một nước.

Một cụ thì tán dương những cái hay của chó, mỉa mai những kẻ mặt người mà lòng thú.

Tác giả nào cũng có một tính chất thời sự. Nhưng ở cụ Phan-Sào-Nam có phần sâu sắc và rõ hơn. Công việc làm của cụ cũng có tác dụng hơn, và đó cũng là chuyện lý thú ở đời.



Nếu không phải là một người yêu nước như cụ thì không có cái việc làm ấy và có những hàng chữ như vậy.

Bọn thực dân phong kiến tưởng đâu đã giam được người cụ là giam cả những văn chương của cụ. Nhưng ngược lại, cụ đã « giam » chung đời đời kiếp kiếp ở trong bài bia kỷ niệm đó.

Thật vậy, con chó mà có nhân, có trí, có dũng, không bị miếng mồi ngon dẫn dụ, ở với nhau cùng xem nhau như anh em, và đối với kẻ thù, biết liều chết phấn đấu, thì những kẻ làm người hãy nên xem gương chó, chó không nên khinh chó.

Ôi làm người mà không có nhân, có trí, có dũng, thì tai mắt đó, y phục đó, ngựa xe đó, cũng chỉ là những hạng « muông người ».

Đọc bài bia kỷ niệm chó của cụ Phan, khỏi sao không có những người để tâm suy nghĩ ?

## TÊN QUAN « CHÓ MÁ LỢN »

Trên lãnh thổ Việt-Nam, cái gì thì hiếm chó bọn sâu dân một nước thì thật phải lấy đầu mà đóng, lấy xe mà chở. Nói vậy nghe chơi, chó cả hàng đoàn mẩu hạm, cũng chưa chắc tải hết... Cứ xem tin tức các nhật báo thì rõ.

Tuy nhiên trong số những nhân vật « người ngợm » này, kẻ rất tầm thường mà được « lưu xú vạn niên » có lẽ không ai hơn được Chó Má Lợn.

Chó Má Lợn là tiếng đọc trại ra tên họ một viên tri-huyện thời thuộc Pháp là P.B.T. Danh hiệu này do dân chúng đặt ra, nhưng cũng rất hợp với tướng tá và tánh nết của y, tánh nết tham ăn như loài chó, tướng tá đầu trọc bụng phệ, đôi mắt híp lại, lỗ mũi hếch lên, trông chẳng khác nào con lợn giải, tức con heo nọc, nói theo tiếng miền Nam nước Việt.

Chó Má Lợn không có những « thành-tích » lớn lao với bọn quan thầy Pháp như đám Hoàng-Trọng-Phu, Vi-Văn-Định, Nguyễn-văn-Tâm, Phạm-Quỳnh, Mai-Trung-Tâm... Chó Má Lợn chỉ là một tên tri-huyện quèn, nhưng nhờ được Pháp bổ đi nhậm chức trong một thời gian ở huyện Thanh-liêm tỉnh Hà-nam, một huyện tuy nghèo, nhưng không phải kém phần văn vật, nên đã được dân chúng phong cho mỹ hiệu ấy với những « công lao » và « đức độ » được « tuyên dương » như sau :

Chó Má Lợn xuất thân là một tên thừa-phái. Nhờ tài khéo chui lòn, được cử đi bang tá, đi tri-châu rồi lên quyền tri huyện. Như thế, có nghĩa là sức học của Chó Má Lợn chỉ khả

đã làm một tên thông ngôn hạng bét cho mấy lão thực dân mắt xanh bụng phệ.

Lần được bổ đi quyền tri-huyện, Chó Má Lợn phải chạy mất trên hai vạn đồng, số tiền này trị giá bằng hai triệu bây giờ. Không đủ sức vì cha mẹ Chó Má Lợn chỉ chạy được cho con mấy ngàn bằng cách bán đi mấy mẫu ruộng hương hỏa. Còn bao nhiêu, Chó Má Lợn phải nhờ vợ đi vay của một bà triệu phú. Bà này bắt Chó Má Lợn làm giấy, hẹn trong một tháng phải thanh toán gốc lãi.

Đi tri-huyện rồi, Chó Má Lợn ra tay vợ vét, nhưng gặp dân huyện Thanh-liêm, một địa phương nghèo lại nổi tiếng cứng cổ, không dễ gì mà đớp. Đến hạn, Chó Má Lợn không đủ số tiền trả, bà nọ hăm làm to chuyện và lên Hà-nội nhờ luật sư đi kiện. Chó Má Lợn sợ quá, năn nỉ xin gia hạn một tuần, bà nọ bằng lòng. Quả trong tuần ấy Chó Má Lợn thanh toán được hết bằng một phương pháp mà vợ y đã bốc thơm y cho là mưu mẹo còn hơn cả Trương-Lương, Gia-Cát.

Một buổi sáng ra công đường, Chó Má Lợn gọi các viên đề lại lên bảo : *Sáng ngày mốt, nhà tôi có giỗ cụ, vậy mời các thầy đến dùng chén rượu lạt với gia đình tôi, và các thầy cho mời các tổng lý, kể cả bọn trương tuần, xã tuần nữa, lên uống rượu, lên cho vui, đừng mang lễ vật gì.*

Các đề lại biết đây là ngón đại lưu manh để tổng tiền dân của quan huyện, nhưng muốn làm ăn thì phải tỏ ra cho đặc lực, nên đã sai lính đi rí tai từng người : *Quan lớn bà lớn không thích lễ vật, nhưng đi không thì xem kỳ cục quá, vậy tùy tiện, mỗi xã cứ phong thơ là hơn.*

Vì đã sống gần hồi lộ và quen nghề hồi lộ, bọn tổng lý « thông minh » hiểu liền, mà quan đã mời thì không ai có thể vắng mặt, mặc dù biết lên, quan chỉ ban ơn « gọi là » cho vài chén rượu suông, quan đã bảo trước không bày biện chi mà, chỉ lên cho quan khỏi tủi lòng với tổ tiên mà thôi.

Thế là kết quả mỹ mãn, chỉ trong một buổi sáng có giỗ, Chó Má Lợn đã dư tiền trả nợ.

Đó là chuyện thứ nhất, chuyện này xét ra còn thua nhiều kẻ sâu dân một nước khác, nhưng đến câu chuyện sau đây thì thật là vô cùng tàn nhẫn, nếu được dùng theo luật pháp thời phong kiến, thì đem Chó Má Lợn trói quăng vào chảo nước sôi mà luộc.

Huyện Thanh-liêm vì chính sách cai trị tàn nhẫn của Pháp và Việt-gian, đồng bào mỗi ngày một sống cảnh tiêu điều xơ xác. Bần cùng sinh đạo tặc, do đó nhiều người phải trở thành trộm cướp sau những trận bị chúng làm tán gia bại sản. Tình trạng này chẳng những chỉ riêng ở Hà-nam mà xảy ra khắp tỉnh miền Bắc, đâu đâu cũng thế, dữ nhất là các vùng Nam-định, Thái-bình. Viên thống sứ Bắc-kỳ thấy vậy, liền ra lệnh cho các viên tri-phủ tri-huyện, hễ ai bắt được đảng cướp thì được thăng một trật.

Chó Má Lợn muốn thăng chức để vét cho to hơn, nên y đã tích cực thi-hành.

Một đêm trời khuya, dưới ánh trăng mờ, Chó Má Lợn dẫn mấy tên lính cơ (Gardes Indigènes) đi tuần. Tới ngôi chùa nọ ở cạnh đê Châu-giang, Chó Má Lợn thấy một đám người đang ngủ ở Tam-quan liền hô lính trói lại, trong số có một người

đàn bà trông cũng sạch nước cần.

Bọn người giật mình thức dậy, biết là quan huyện và lính, liền sụp lạy kêu ca : *Bẩm quan lớn, xin ngài đèn trời soi xét, chúng con là dân chài, xin quan lớn tha cho.*

- Lão, chúng bay là đảng cướp ! Chó Má Lợn vừa nói vừa trừng đôi mắt lên.

Bọn dân nghèo khổ lạy lục kêu oan và chỉ bằng chứng : *Bẩm quan lớn, chúng con là dân chài thật sự, thuyền còn kia, các tay lưới còn kia, chúng con nằm đây để đợi nước.*

Chó Má Lợn nhất định không nghe, sai lính bắt trói dẫn về huyện, nhốt cả vào nhà pha.

Người đàn bà trong đám được gọi lên sai quét nhà, và ngay đêm ấy đã bị Chó Má Lợn dùng cường lực hiếp dâm làm cho chữa hoang.

Sau bà này sanh con đã đem đến ngay văn phòng Chó Má Lợn trả lại, kèm theo một hàng chữ rất chua chát căm hờn : *Chó Má Lợn trả lại Chó Má Lợn.*

Chuyện này đồn đi, và cũng từ đó cái tên Chó Má Lợn được thay cho cái tên cúng cơm của y là P.B.T.

Bắt được đám dân chài, sáng (...) Chó Má Lợn ra công đường dùng mọi cực hình tra khảo. Nhưng tất cả vẫn kêu oan, và lại bị dẫn xuống nhà giam.

Tối đến, Chó Má Lợn sai dọn cho bọn người bị bắt một mâm cơm có thịt cá linh đình, đợi tất cả ăn xong, Chó Má Lợn sai dẫn vào nhà trong, lên mặt phụ mẫu dân tả oán : *Chúng bay ạ ! Tao thương tình cảnh chúng bay lắm. Nhưng việc tao,*

*tao cứ phép công làm, vì có kẻ cung khai. Chúng bay cứ nhận cho qua chuyện, tao hứa danh dự nếu không lo gỡ cho chúng bay thì sẽ bị trời tru đất diệt.*

Thế là cả đám, sau những trận đòn như tử buổi sáng, đến buổi chiều đã bằng lòng ký vào bản cung do các viên đề lại viết sẵn.

Nằm trong nhà giam, bọn người oan uổng chờ sự lo gỡ của quan huyện sở tại. Nhưng Chó Má Lợn đã làm « y lời hứa » bằng cách cho lính áp giải lên tòa án Hà-nam, rồi từ Hà-nam lên tòa án Hà-nội với tất cả tội trạng là đảng cướp đã ăn hàng nhiều đám. Kết quả ra tòa, mỗi người lãnh 20 năm khổ sai đày đi Côn-đảo cả bọn, chỉ trừ người đàn bà được thả.

Sau vụ trên, Chó Má Lợn được thăng chức thực thụ. Tội nghiệp, những người oan uổng đều bị làm ma tại nhà tù Côn-đảo.

Chính cũng vì thế, Chó Má Lợn lại được tặng thêm cho hai biệt hiệu là ma-vương và quỷ-sứ, nên khi đổi đi Vụ-bản, đồng-bào đã có câu đối tiễn đưa, lén dán trước cổng huyện :

*Vụ-bản vô duyên nghinh quỷ sứ,  
Thanh-liêm hữu phúc tống ma vương.*

Nghĩa là đất Vụ-bản xui xẻo phải rước quỷ sứ về, đất Thanh-liêm may mắn, tống được Ma-vương đi. Ma-vương, Quỷ-sứ cũng đều là tên Chó Má Lợn.

Ngoài những chuyện đối với dân chúng như trên, Chó Má Lợn lại nổi tiếng là một con quỷ dân dục, là thằng đại bất hiếu. Quỷ dân dục ở chỗ Chó Má Lợn đã thông gian hầu hết

với các vợ con lính tráng và viên chức dưới quyền, hoặc dụ dỗ hoặc cưỡng bức. Cô nào chị nào, bà nào vô phúc mà lọt vào cửa hủn là ô hô hữu hĩ. Thậm chí con ruột của hủn, hủn cũng không tha thì đủ biết thế nào. Còn bất hiểu, thì nói đến Chó Má Lợn, những người lớn tuổi ở Hà-nam không ai không biết chuyện sau đây :

Một hôm Chó Má Lợn đang ngồi văn phòng, có lính đi vào cúi đầu bẩm : *Dạ, bẩm quan lớn, có cụ cố lên chơi.*

Cố là tiếng xưng hô cha mẹ quan thời đó.

Chó Má Lợn nhìn ra thấy cha áo the quần dài, ống thấp ống cao, tay xách dù đen tay xách đôi giầy như Lý-Toét, nên đỏ mặt bảo lính : *Đâu phải ! Đuổi thẳng già ấy đi, ai quen biết gì nó ?*

Người lính ra nhắc lại, cố không tin định cứ đi thẳng vào, tức thì ở trong có tiếng quát vọng ra : *Thẳng già điên đấy, đuổi cổ nó đi ngay cho tao !*

Cố tức quá, liền la ầm lên chửi trước đám đông người đang đứng đợi : *Trời đất ơi, các ông các bà coi, tôi chính là bố thẳng P.B.T. đây, tôi sinh ra nó cho nó học hành, lo chạy cho nó, nay nó không nhận, trời đất ơi sao không tru diệt thẳng P.B.T. đi !*

Rồi ông xách dù và xách giầy đi về !

Ấy chuyện Chó Má Lợn thế đó, và đây chỉ là phác qua vài nét thôi.

Thế mà khi được đổi lại huyện Thanh-liêm Chó Má Lợn còn ngênh ngang lên mặt là « thanh-liêm chính trực », rồi

thuê người viết bốn chữ nho ấy để khắc vào hoành phi sơn son thếp vàng, đem treo ở tư thất, sau khi đã bị viên tuần phủ tỉnh này gọi lên thét mắng vì tội vu cho dân chúng làng họ đánh bạc để bắt và xơi tiền hối lộ. Vì thế, báo Trung-Bắc Tân-Văn hồi ấy mới có bài thơ của Phạm Bùi Cẩm viết đăng lên như sau :

*Liêm khiết ai ơi nghĩ chán phè,  
Bốn đồng bán rẻ tiếng nho nhe.  
Bịt mũi ăn dơ phường chó má,  
Ra tay rắc ốt bọm cò ke.  
Lôi đình cụ lớn <sup>31</sup> la trên án,  
Mếu máo quan tri <sup>32</sup> sụp dưới hè.  
Thanh-liêm sẵn có liêm tuyến thủy,  
Thuận uống hay là uống nước khe ?...*

Báo ra rồi, có người đem cắt bài thơ ấy lén dán vào trước của huyện đường. Thế là câu chuyện được truyền đi khắp nơi. Chó Má Lợn khi thấy vội vàng xuống lệnh cho lính tráng gỡ đi... Nhưng gỡ đi thì gỡ, Chó Má Lợn dù có phép thần thông và sống đến nghìn năm đi nữa cũng không thể nào gỡ được cái bia miệng thế gian đã được tạc lại bằng những lời thơ ấy.

Ôi Chó Má Lợn !... Âu đây cũng là một cái gương tày liếp cho lũ « chó má lợn » ở lớp cùng thời và lớp sau này vậy.



# MUỐN SỐNG THÌ CHỪA...

Hồi còn mồ ma thực dân Pháp ở đây, trong số các sĩ phu ra làm quan với họ, có lẽ người được thiên hạ đả kích bằng văn chương nhiều nhất là ông Trần Tấn Bình.

Ông Trần người huyện Tứ-xuyên, tỉnh Hà-đông, thi đậu Phó-bảng và làm quan đến chức Tuần-phủ. Ông mất đã vài chục năm nay, nhưng nhắc đến ông các tỉnh Trung-châu ngoài Bắc ít ai không biết đến, nhất là thành tích đi vi hành bắt rượu lậu ở các chợ nhà quê của ông thì thật là càng khét tiếng và oanh liệt một thời hơn nữa.

Ông xuất thân là Phó-bảng lẽ tất nhiên là một vị thâm nho và rất sở trường về văn chương phú lục. Như thế, tất nhiên ông cũng đã thuộc lòng vanh vách và hiểu rõ hơn ai hết thế nào là Tam cương, Ngũ thường, thế nào là đạo đức Thánh hiền, cũng như thế nào mới xứng đáng là môn đồ Khổng, Mạnh thế nào mới xứng đáng là một cây rường cột nước nhà, hoặc dân chi phụ mẫu.

Ấy thế, không biết tại sao khi ông được ra chấp chính và được nhà nước Phú-lang-sa trọng dụng thì việc nước việc dân tất cả ông lại đều xem bằng mắt khác. Có người bảo ông đã không còn gì cốt cách Nho-phong. Nếu còn, ông đâu chịu khom lưng cúi cổ đi làm tay sai cho kẻ đã cướp lấy nước mình và sát hại dân mình.

Theo tôi, lời nhận xét ấy đúng, nhưng do đâu mà ra ? Nhất định phải vì hư vinh và tiền bạc. Nếu không có cái lòng tham ấy, tai hiền mắt thánh của ông đâu có đem lại ở trước

đồng hoàng kim, để lại cho đời sau và ngay cả đương thời, những tiếng không hay không tốt gì cho lắm.

Kẻ viết bài này, may mắn không được sống ở thời oanh liệt của ông. Nhưng nghe kể lại cũng đủ sợ và biết ông là một vị quan « thanh liêm » đến bậc nào.

Chẳng biết chủ trương và đường lối của ông trị dân ra sao, mà khi ngời tri huyện Nam-trực (Nam định) thay thế ông Phạm-Thi. Các nhà nho huyện này đã có nhiều người lên dán vào công đường hai câu :

*Phạm-Thi do lai, dân hữu khố  
Trần Bình bất tử hộ vô mao*

范 (...) 由來人有褲

陳平不死戶無毛

Nghĩa là ông Phạm Thi đến, dân còn có khố để mà đeo, chớ ông Trần Tấn Bình không chết, thì cửa không còn cái lông nào (Ba chữ hộ vô mao) còn có nghĩa mỉa mai cay độc khác mà riêng tôi thiết tưởng không cần phải giải thích.

Rồi khi được thăng làm tuần-phủ Ninh-bình thì có người « ca tụng » :

*Tuần-phủ Ninh-bình phó bảng Bình  
Khéo luôn bảo hộ khéo ăn kinh.  
Của dân ngày khoảng tha đây bị  
Vợ lính đêm mò cưỡng tới dinh.  
Khoét đến tận quần con thổ vợ  
Xơi luôn cả khố kẻ cùng đình.  
Khiếp thay cái mồm tên này ngoạm,*

*Chẳng kém nghề Từ lúc ở Ninh.* <sup>33</sup>

Thật đến đâu như ôn hoàng dịch lệ đến đó, ấy thế mà quan lớn họ Trần nhà « Tây » vẫn lúc nào cũng lên mặt ta đây đường đường là một bậc đại khoa mục triều đình, văn hay chữ tốt ít ai bằng, và vẫn còn cho việc ra làm quan với Pháp là một điều vinh dự, lúc nào cũng thề ngà áo gấm và vồng lọng ngựa xe.

Do đó, các sĩ phu đương thời đã khinh ông và ghét ông ra mặt. Người ta đã kích ông bằng văn chương thơ đối kể ra không biết bao nhiêu mà gánh. Nhưng đối với ông một nhân vật đã vững lập trường với chính phủ bảo hộ, tất cả ông đều cho như nước đổ đầu vịt, không cần để ý đến làm chi và ông vẫn tự cho mình còn được đa số người ngưỡng mộ.

Vì vậy, khi về hưu trí, ông mới đăng lên báo Trung Bắc Tân Văn cho tất cả bạn bè gần xa biết những ai sau này khi ông chết muốn làm đối viếng thì nay hãy làm đi gởi đến để ông được xem và để ông chấm cho luôn thể.

Các thân bằng cố hữu cũng nhiều người gởi đối đến, hoặc chữ, hoặc nôm. Nhưng hay hơn hết không phải theo ý ông, mà theo ý nhiều người thì câu sau này đăng trong nhật báo Trung Bắc Tân Văn là tuyệt tác và sát với quan lớn họ Trần hơn hết :

*Muốn sống thì chữa, nào Hán tự, nào Quốc văn, bàn tán thêm nhơ phường cứu học,*

*Chưa chết đã thú, cũng nguy khoa <sup>34</sup> cũng hiển hoạn, <sup>35</sup>  
phẩm bình càng bữn báo Tân-văn.*

Đại ý câu nói trên, ông Trần muốn sống cho yên thân,

nên chừa bỏ cái lỗi ấy đi đừng giả nhân nghĩa đạo đức, lợi dụng hình thức văn chương nữa, Quốc văn với Hán tự gồm thông cả như ông mà thế, chỉ tổ làm cho những người cự học phải mang tiếng xấu lây.

Đại ý câu dưới nói : ông Trần tuy chưa chết, nhưng cũng đã thúi rồi bằng những hành động tham ô đáng ghét trong những ngày bế hoạn thang mây. Ấy thế mà cũng còn lên mặt là đồ cao, là chức trọng quyền to. Con người thế, thử nghĩ lại xem, đưa ra mà phẩm bình mà phúng điệu như vậy, có phải là càng làm cho Tân-Văn phải thêm dơ bẩn nữa hay không ?

Câu đối tài tình, nhất là bốn chữ « muốn sống thì chừa » mà chọi với bốn chữ « chưa chết đã thúi » thì thật là giá trị vô cùng, cả về kỹ thuật lẫn nội dung.

Tác giả không biết là ai, song chắc chắn là người đã quen biết rất nhiều với quan lớn họ Trần.

Tuy không gởi đến tận nhà, nhưng khỏi sao không đến tay Trần-Tán-Bình được, vì đã đăng lên báo, tức nhiên ông phải mua báo hàng ngày để xem. Có ai học khóc sống mình không, vì tin rằng khi thấy hai câu đối này, với sức suy nghĩ với cái tuổi gần kề miệng lỗ, ông phải giảm thọ đi rất nhiều.

Đọc chuyện này, có người bảo ông Trần sao già mà đại thế, lại đi đăng báo để rồi kết quả, điều sống chẳng thấy đâu mà chữ sống thì thấy đã rõ như ban ngày, cay đắng đến tận xương tận tủy. Phải ông biết xét lại mình, có đâu đến như vậy.

Nói thế rất đúng ; nhưng ông lớn họ Trần đâu phải là thông minh mà biết đến những việc xảy ra và biết đến những

cái dĩ vãng của mình là xấu xa như nhược. Cụ lớn là người có tài và thông minh nhưng thông minh và tài đã bị mỗi ngày một đem chôn chặt vào túi tham hết rồi.

Xem thế, chúng ta đủ biết, trí khôn của con người chỉ có và có mỗi ngày một thêm trọng chính nghĩa. Không chính nghĩa tài nào ông Trần-Tán-Bình có được uy tín với thiên hạ. Ông muốn đánh trống lấp đi những dĩ vãng, bằng văn chương khoa bảng, nhưng không được, trái lại khoa bảng và văn chương chẳng những đã không cho ông được phép lợi dụng mà còn hết sức chống lại, lật trần ra trước dư luận, những việc làm bất chính và phi nghĩa của kẻ đã bán tất cả linh hồn, vật chất cho bọn quỷ xâm lăng và bè lũ phản động.

# HOÀNG TRÙNG ĐI VI TRÙNG LẠI.

Trong lũ tay sai thực dân Pháp ở ngoài Bắc trước đây có Hoàng-Trọng-Phu, Vi Văn Định là hai gã hung thần khét tiếng.

Hoàng là Tổng-đốc tỉnh Hà-đông, Vi là Tổng-đốc tỉnh Thái-bình.

Cả hai cùng một thời, cùng khét danh trong ngoài về các thành tích chui lòn nịnh hót, sâu dân một nước, đánh đập tra tấn, và thẳng tay tắm máu những phong trào cách mạng, dọc ngang chỉ biết trên đầu có Tây...

Kể về truyền thống « mãi quốc cầu vinh » dĩ nhiên Hoàng hơn Vi, vì Hoàng là con cưng của quận-công, Việt-gian Hoàng-Cao-Khải, rể quý của Tổng-đốc hại nòi Đỗ-hữu-Phương, một hùm tham miền Bắc, một cọp dữ phương Nam. Nhưng xét về hành động đặc lực cho quan thầy bảo hộ thì Hoàng hèn dưới Vi một bậc. Chỉ riêng chuyện lúc ngồi ghế Tổng-đốc Thái-bình, Vi bắt các quan lại dưới quyền phải mặc Tây, phải cởi giầy khi vào dinh ra mắt, phạt các viên chức tổng xã phải ăn bèo Tây (độc bình) khi được lệnh vớt hết mà thấy còn sót lại dưới sông, và chỉ chấp nhận các đơn từ có đề hàng chữ « *Kính bẩm Cụ Lớn, Thái-Tử Thiếu-Bảo, Hiệp-Tá Đại Học-Sĩ, thương thụ đệ tam đẳng Bắc-Đẩu Bội-Tinh, tổng-đốc lãnh tuần phủ Thái-Bình* », cũng đủ biết Vi là hạng quan nào rồi.

Vì thế, khi Vi được đổi lên làm Tổng-đốc Hà-đông, thay thế Hoàng-Trọng-Phu về hưu, ông Nguyễn-Đình-Đạo một

nhân sĩ có Tây học kiêm Nho học, tục gọi thầy giáo Đạo, ở Kiến-an, khi lên Hà-nội chơi, nghe dư luận bàn tán về vụ trên, nhân tửu hứng cùng anh em, có ra một câu đối : *Hoàng trùng đi, Vi trùng lại, suy đi xét lại, Vi hại hơn Hoàng.*

Hoàng trùng là cào cào, Vi trùng là loài sinh vật rất nhỏ, thường gây ra các bệnh truyền nhiễm. Cả hai đều là những giống hại người hại của không biết thế nào kể xiết được. Tác giả dùng hai danh từ ấy làm « mỹ hiệu » cho hai tên đầu sỏ bán nước trên, chẳng những đã hay, còn sát với hoàn cảnh hai tỉnh Hà-đông, Thái-bình lúc đó. Hà-đông bị cào cào phá lúa, Thái-bình bị dịch tả hoành hành.

Ông Đạo ra xong, tuyên bố với anh em : *Hể ai đối được, xin thưởng một châu hát, một đêm « yên sĩ phi lý thuần ».*

Kết quả không ai đối được vì tính chất thời sự của nó. Một truyền mười, mười truyền trăm, trăm truyền ngàn, về câu đối ấy được lan đi rất nhanh trong khắp miền Hà-đông. Cả hai tên Hoàng, Vi nghe được đều như bị trúng búa Thiên-Lôi, tức ói máu mồm, cho thám tử đi điều tra mãi cũng không biết ai là tác giả. Phải chăng là của một tên Cộng-sản bí mật nào, mà nó đã xa chạy cao bay ? Chính Vi đã bảo với Hoàng như vậy hăm bắt được sẽ đập cho chết liền vì cái tội xuyên tạc, dám hỗn láo với những bậc « đường đường phương diện quốc gia ».

Xuất đối dị, đối đối nan, Cụ Trạng Mạc-Đĩnh-Chi xưa đã dạy thế, nên anh em bắt ông Đạo phải đối, được sẽ trọng thưởng như lời tác giả đã tuyên-bố còn không sẽ phạt ngược trở lại.

Nghe nói ông Đạo cười bảo : *Thời sự sờ sờ trước mặt, thế mà các bác không làm sao đối, muốn đối hãy cứ khao trước đã, rồi đây sẽ đối cho mà xem !*

Anh em đồng ý, thế rồi đến bữa họp mặt vui chơi khác trong lúc đương thả hồn theo men với khói, tác-giả tự đối : *Pháp tặc áp, Nhật tặc đàn, quý áp ma đàn, Nhật hăng hơn Pháp.*

Nghĩa là giặc Pháp áp bức, giặc Nhật đồ bộ, quý áp bức, ma đồ bộ, nhưng giặc Nhật còn dữ hơn mấy lần giặc Pháp.

Câu đối này nói chung không chỉnh lắm, ở chỗ dùng chữ « quý » chữ « ma » để đối với chữ « suy » chữ « xét » song cũng thần tình cũng sát với thời sự lúc đó, quân Pháp đã mở cửa nước ta, quỳ rước quân Nhật vào. Nếu câu ra có dụng ý báo cho mọi người biết tên Vi còn dữ hơn tên Hoàng, chớ tin vào chính sách của tên Tổng-đốc mới đồ thóc giống ra, thì câu đối lại chỉ rõ cho ai nấy đều hay bọn phát xít Nhật còn tệ hơn bọn thực dân Pháp, đừng nghe lời chúng mà có ngày đại họa.

Cái ý kiến này, tuy bây giờ chúng ta xét lại không có gì là lạ nhưng với đương thời phải nói là một nhận định sáng suốt, có thể gọi là khác thường, vì chẳng nói ai cũng rõ, khi ấy rất nhiều người mang danh là chánh trị gia, là hào kiệt, là trí thức mà vẫn nhai lằm một cách ngon lành cái bánh vẽ « Đại Đông Á chủ nghĩa » của đám quân phiệt Nhật tưởng phe trục Đức, Ý, Nhật thế nào cũng sẽ làm bá chủ hoàn cầu mặc dù thế lực phe này đã đến lúc như mặt trời xế bóng.

Thật là bất hủ ! Bất hủ trong thi văn, bất hủ trong dư



luận, bắt hủ cho bọn Hoàng, Vi và cả bọn Pháp Nhật.

Ông giáo Đạo giỏi quá !...

Ta không rõ ông có phải chánh khách không ? Nay ở đâu ? Còn sống hay đã chết ? Như còn sống hay có mặt ở đây thì kẻ viết bài này đề nghị ông nên mở gấp một lớp thời sự để dạy các ông bà cô cậu chánh khách hiện đang múa may quay cuồng mà không biết đường đi không đèn không đuốc trong đêm đen dày đặc, thì cũng đỡ khổ phần nào cho cái xã hội đau thương uất nghẹn này.

# SÓNG ĐÔNG-HẢI, TRÚC NAM-SƠN

Vi-Văn-Định ! Như bài trước đã thuật là một tên quan tàn ác nổi tiếng, đi đến đâu như hung thần đến đó, một mình một cõi, xưng bá đồ vương, nắm cả trong tay quyền sinh sát một vùng không thua gì cha con Hoàng-Cao-Khải, Hoàng-Trọng-Phu, bọn Đỗ-Hữu-Phương, Trần-Bá-Lộc...

Vì căm thù giặc Pháp, nhân dân Thái-bình nổi dậy làm cách mạng, Vi thẳng tay tàn sát. Khi Vi được đổi lên thay Hoàng-Trọng-Phu làm Tổng-đốc Hà-đông, Vi bắt các quan lại và hương chức Thái-bình phải góp tiền tiền chân.

Ấy thế, nhưng có người đem lễ để tiễn Vi thì cũng có người làm thơ để tụng Vi, ghi « công đức » Vi, khi « ngài » sửa soạn từ giã nhân dân tỉnh Thái-bình. Bài này được dán ở trước dinh Vi và sau đó lại được hân hạnh đăng lên một tờ tuần báo ở Hà-nội :

(...) treo vào chỗ công đường ngay nơi cụ lớn họ Vi ngồi để làm gương trực tiếp cho những kẻ khác. Còn chuyện sau đây mới thật là cười đau khóc hận cho Vi.

Khi Vi lên nhậm chức Tổng-đốc Hà-đông. Người ta tưởng Vi đã già thì thay đổi tính nết, ai ngờ cái ác của Vi cũng không giảm đi và cái lối hống hách của Vi lại tăng.

Ở tỉnh Hà-đông, có nhiều các quan đại thần hay chơi núi non bộ, và hoành phi câu đối, Vi thấy thế cũng bắt chức làm theo.

Vi sắm được một quả núi non bộ rồi, quả núi ấy trị giá

tiền năm 1939 là mấy ngàn, nhưng nếu bây giờ thì cả mấy chục vạn. Của ấy ở đây, nếu không phải mồ hôi nước mắt của những dân nghèo mà Vi đã thu hút bóc lột.

Vi muốn tìm một vị khoa bảng để xin hai câu liễn khắc lên hai cột đồng trụ ở hai bên bể mà trong có đặt núi non bộ. Trên cái núi này, Vi lại có trồng một bụi trúc cảnh, trông rất ngoạn mục.

Vi hỏi thăm đám tay chân, có người mách Vi muốn được câu liễn hay và chữ tốt phải cho người đi xuống Nam-định để rước ông Tú Tán. Ông Tú tuy đồ kém, nhưng sức học và nét bút các quan Cử quan Nghè cũng phải phục.

Nghe nói, Vi cả mừng cho tài xế đánh xe đưa người đi mời ông Tú.

Ông Tú lên, Vi tiếp đãi cũng khá được gọi là lịch-sự. Vi phải như thế, nếu không sao được ruột tằm của ông Tú nhà cho.

Vi nói : *Nghe tiếng ông hay chữ, tôi cho người mời ông lên đây, để ông viết cho mấy chữ vào hai bên cột này. Vi vừa nói vừa chỉ vào núi non bộ, ông làm sao cho hay, tôi sẽ trọng thưởng.*

Ông Tú ngẫm nghĩ một lúc, rồi viết cho Vi hai câu, một bên là :

*Nam sơn trúc bất tận. 南山竹不盡*

Còn một bên nữa là :

*Đông hải ba vô cùng. 東海波無窮*

Chữ ông Tú viết xem như rồng bay phụng múa. Viết

xong, Vi bảo cụ Tú cắt nghĩa. Cụ Tú nói :

- Dạ bẩm cụ lớn, Nam-sơn trúc bất tận, nghĩa là cây trúc ở núi Nam không bao giờ hết, đây là chỉ vào bụi trúc của cụ lớn trồng trên núi non bộ, nhưng có nghĩa bóng là dòng dõi cụ lớn sẽ mỗi ngày một thịnh, cũng như bụi trúc ở núi Nam-sơn không bao giờ hết vậy. Còn Đông-hải ba vô cùng là sóng ở biển Đông biết bao nhiêu mà kể, ngụ ý chỉ vào công ơn cụ lớn, mông mênh như biển cả, lan tràn như sóng to, mỗi ngày một mạnh không ai ngăn cản được.

Cụ Tú cắt nghĩa đến đâu, Vi gật đầu khen nức nở đến đó, phải thế mới thật là lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu. Tả cảnh một cái núi non bộ đặt trên một cái bể mà ngụ ý được cả công đức và dòng dõi cụ lớn như thế, thì còn gì hay bằng. Có mặt ở đó, các viên thơ lại cũng phục ông Tú, tuy chỉ tú tài, nhưng thật là văn chương đại tài.

Cụ Tú ra về, Vi thưởng cho một nghìn. Từ đó mỗi khi các đồng liêu đến chơi Vi lại đem khoe câu đối ấy, mọi người ai cũng khen hay, khen đẹp, khen thực sự chứ không phải như kiểu những người mẹ hát con khen đâu.

Chúng tôi khi trước nghe kể chuyện này cũng nhận thấy là hay là chính. Nhưng sau nghe cụ huyện Phạm-Can ở làng Quyết-hưng tỉnh Nam-định mới hay ông Tú với hai câu liễn đó đã chửi họ Vi rất thậm tệ. Nguyên hai câu « Nam sơn trúc bất tận, Đông-hải ba vô cùng », sự thật, không phải như cụ Tú đã giải thích mà chính là xuất phát từ hai câu trong bài hịch đánh Tùy Dạng-Đế xưa của Lý-Mật đời Đường : « *Quyết Đông-hải chi ba, lưu ác bất tận, khách Nam-sơn chi trúc thụ*

*tội vô cùng ».* 決東海之波流惡不盡 (...) 南山之竹書罪無窮

Nghĩa là : Khơi hết sóng Đông-hải cũng chưa hết ác, viết hết trúc Nam-sơn cũng chưa hết tội. Như thế, hai câu ấy có ý ám chỉ cái ác của họ Vi còn nhiều hơn sóng biển Đông, và cái tội của y, dẫu lấy hết trúc Nam-sơn mà chép cũng chưa hết vậy.

Ấy đó, phải người học thâm nho mới hiểu được chỗ dụng ý của tác giả. Chớ một người nho học như cụ Tú, đâu màng đem sở học và thi văn ra mà phụng sự cho một kẻ sát nhân đề cao uy tín cho những kẻ giết người.

Thế mới biết những quân tàn bạo thì dân chúng không lột mặt nạ ra bằng được cách này, cũng bằng được cách kia, không bằng lúc nọ, cũng bằng được lúc khác.

Không biết cụ lớn họ Vi « nhà Tây » sau này có sáng mắt ra không hay cứ vẫn tậ nào nết ấy, để :

*Trăm năm bia đá thì mòn,  
Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ.*

# THÚY-KIỀU HAY QUỐC-TRƯỜNG ?

Ở một nước lắm chuyện như nước ta, số người làm văn làm báo bị nhà cầm quyền bắt bỏ tù vì tác phẩm vốn không phải ít, nhất là ở thời còn cái mỗ ma chế độ thực-dân Pháp, nhưng người nhờ tác phẩm mà thoát cảnh gông xiềng có lẽ phải nói trước hết là ông Tùng-Lâm Lê-Cương-Phụng.

Người làng Nam-thanh, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên, ông Tùng-Lâm thi đỗ cử-nhân chữ Hán khoa thi Hương cuối đời Nguyễn, rồi vào Saigon vừa làm Đông-Y, vừa viết cho nhiều tạp chí và tuần báo ở đây.

Cuộc đời của ông, không biết có hoạt động chánh trị gì không, nhưng đến năm 1940, khi quân Nhật tràn lên xứ này để lấy Đông-dương làm căn cứ đánh Đồng-Minh thì ông bị sở Hiến-binh của chúng bắt. Chúng nghi ông thân Tưởng-Giới-Thạch để phản đối Uông-Tĩnh-Vệ là tên trùm Hán gian theo chúng.

Được tin này, một người Việt theo Nhật lấy tên là Takeo Tô-Chi tức Võ-Tuấn-Khanh (sau bị Việt-Minh giết) vì có quen biết ông, nên hết sức vận động với sở Hiến-binh Nhật để xin thả tự-do cho ông. Kết cục, bọn Nhật đòi điều kiện ở ông Cử Tùng-Lâm phải có một cái gì để chứng tỏ cho chúng biết rõ là không phải thân Tưởng-Giới-Thạch. Ông hỏi muốn điều kiện gì, tên giám đốc sở bảo ông hãy làm bài thơ « Đả đảo Tưởng-Giới-Thạch ».

Ông Cử gật đầu, thế là giấy bút đưa ra, và chỉ không đầy nửa giờ, một bài thơ với đầu đề sau đây đã được hoàn thành

bằng 8 câu luật Đường :

*Đông-Á từ phen bội ước thư,  
Gây nên chiến cuộc trận cầu Lư.  
Thù xưa vượt mặt thân Chu-Đức,  
Nghĩa cũ đành tâm hại Phục-Cử.  
Há phải hy sinh vì nước nhĩ ?  
Nhân dân đồ thán tội ai ư ?  
Trót đà bằm bảy năm về trước,  
Sao chẳng lo toan để đến chừ ?*

Đại ý ông cử lên án họ Tưởng đã quên ơn nước Nhật để gây ra biến cố Lư-Câu-Kiều (7-7-1934) là ngòi thuốc nổ cuộc chiến tranh Trung Nhật, là quên cả thù với Cộng-sản để bắt tay Chu-Đức, tư-lệnh Hồng-quân Trung-quốc đánh Nhật, và giết hại đồng chí cao cấp là tướng Hàn-Phục-Cử. Thật chính họ Tưởng là người có tội với quốc dân, làm cho quốc dân lâm than khổ sở, chớ chẳng hy sinh vì nước cóc khô gì...

Lẽ dĩ nhiên với nội dung như vậy, người Nhật phải đặc ý khen hay. Chúng thả tự-do cho ông. Được ra khỏi nhà giam Nhật, ông Cử Tùng-Lâm bị mấy người biết chuyện phê bình cho rằng như thế không đáng là nho phong sĩ khí. Người ta không hoan nghinh gì ông Tưởng-Giới-Thạch, nhưng không muốn ông Cử phải làm thơ đả đảo ở trước oai vũ của người Nhật như thế, nhất là bài thơ ấy lại bị họ đem dịch ra tiếng Nhật để làm một lợi khí tuyên truyền.

Kể đáng phàn nàn cho ông Cử Tùng-Lâm, nhưng đến câu chuyện sau đây thì lại phải khen ông, vì khi Bảo-Đại theo Pháp trở về làm Quốc-trưởng Việt-Nam, ông đã làm một bài

thơ « Vịnh Thúy-Kiều » có tánh chất thời sự để ám chỉ Quốc-trưởng :

*Thơ thói đòi phen lờ phận bồ,  
Cửa người đành chịu kiếp hoa nô.  
Đường xưa rừng tía vừa ra khỏi,  
Nẻo cũ lâu : anh lại trở vô.  
Đã trót hứa lời cùng « bác Hải »,  
Sao không thẹn mặt với « ông Hồ ».  
Lộn chồng trốn chúa con người ấy,  
Nào hiếu nào trung ở chỗ mô ?*

Bài thơ này được một tờ báo ở Saigon đăng lên. Ông Cử bị thủ-tướng bù nhìn Nguyễn-văn-Tâm bắt giam chụp mũ là phần tử nguy hiểm, bắt đi an-trí ở nhà lao Cẩm-giang, sau mấy năm trời mới thả.

Theo lời cụ Huyền-Mặc đạo-nhân, người bạn thân với ông Cử kể lại, khi bắt ông, Nguyễn-văn-Tâm sai giải ông lên văn phòng, hỏi lý do làm bài thơ ấy, trước sau ông chỉ trả lời là để vịnh Kiều như ai nấy mà thôi. Nguyễn-văn-Tâm đòi ông phải làm một bài thơ khen Kiều, nhưng ông đáp : *Thứ gái lâu xanh, đi hết thẳng này đến thẳng nọ, quan có, giặc có, ba que xỏ lá có, mà khen được cái gì, ai khen cứ khen, chớ tôi không thể nào khen được !*

Thế là tên Tâm nổi giận, sai làm án phát lưu.

Nhắc lại chuyện này, nghĩ cũng cảm khái vì con người của ông. Kể đám nhà Nho còn giữ được phẩm cách là phải nói đến ông, đặc biệt phu nhân của ông lại là người thuộc dòng dõi Tương-An quận-vương (con vua Minh-Mạng) tức thuộc



hạng lá ngọc cành vàng, bất cứ lúc nào ông muốn công danh phú quý cũng dễ hơn nhiều kẻ khác vậy...

# HỒ HẢI QUY TÂM

Ở nước Việt-nam ta, cũng như các nước Trung-hoa, Nhật-bản, Triều-tiên, với những cuộc khánh hỷ, người ta thường mừng nhau bằng chữ, tức bằng phú, bằng thơ, bằng câu đối hoặc đại tự, v.v...

Trong tất cả bằng ấy cái, có lẽ đại tự là thông dụng hơn hết, vì nó chỉ có, hoặc hai hoặc ba hay bốn chữ, không cần dài dòng, cần niêm luật hay đối nhau gì cả.

Bởi vậy, có người đã cho đại tự là việc rất dễ làm. Nhưng xét ra, cũng chẳng dễ gì đâu, nếu làm cho vừa sát với hoàn-cảnh của người, vừa nói được dụng ý của mình, nhất là những ẩn ý, có khi rõ ràng là mừng đấy khen đấy mà chính thực lại là chê đấy và chửi đấy. Chẳng hạn chuyện « Tử tôn thẳng thẳng » sau đây :

Chuyện rằng :

Trước đây một ông bầu gánh hát bộ ở Bắc-ninh khi ăn mừng tiệc thọ, có người tặng bốn chữ : « Tử tôn thẳng thẳng » nghĩa là con cháu dằng dặc (đông đúc) đời đời nối dõi, không bao giờ đứt đoạn.

Bốn chữ này rút trong Kinh Thi ở trong chương Chung-Tư. Chữ đã hay, lại là chữ của ông Thánh, ai còn bắt bẻ vào đâu được. Và được mừng thế, hẳn là chủ nhân phải thích đến phổng mũi ra vậy. Song, nếu đem bài Chung-Tư đọc hết ra :

*Chung tư vũ, 蟲斯舞*

*Hoảng hoảng hề 弘弘兮*

*Nghi nhĩ tử tôn* 宜爾子孫

*Thằng thằng hề.* 繩繩兮

Và nghiền ngẫm cho kỹ, mới thấy dụng ý người viết bốn chữ ấy bảo chủ nhân rồi đây con cháu cũng chỉ lại làm « thằng hề » như bố và ông nội mà thôi.

Kể thật bí hiểm và hay đấy ! Nhưng chỉ giá trị với những ai quan niệm xướng ca là những kẻ vô loại. Còn đối với những người khác là cả một câu văn phải cần xét lại về nội dung tư tưởng.

Theo tôi, những bức đại tự đem mừng có tính cách như trên phải nói đến câu của một nhóm nhân sĩ trong Nam mừng Nguyễn-văn-Tâm mới thật là ý nhị và cũng không kém phần lịch sử.

Nguyễn-văn-Tâm, một người đại ác, ác đã nổi tiếng thành « Cọp xám Cai-lậy » thành « hung thần đệ nhất » của Nam-Kỳ-Quốc xưa kia, đủ biết là kẻ ác thế nào.

Ấy, nhưng sử ta lại đặc biệt khác những tên cùng thuyền cùng hội ở chỗ thường hay làm thơ và ký với biệt hiệu là Trương-Duy Chánh-Đạo.

Vì hay làm thơ, nên hồi còn là Đốc-phủ-sứ cho nhà nước thuộc địa, mỗi khi đi trấn nhậm đâu, Nguyễn-văn-Tâm đánh hơi được những ai là nhà thơ trong vùng, tức thời cho thỉnh tới để cùng ngâm nga xướng họa chơi, mà mục đích chính không hơn là tự đề cao cá nhân để làm ra vẻ ta đây cũng văn chương chữ nghĩa bề bề, đồng thời để vừa đánh trống lấp đi những hành-động không tốt của mình, vừa để mua lòng sĩ phu bằng giá rất rẻ cho lũ quan thầy thực dân Pháp.

Nhớ lại, khi làm Bộ-trưởng An-ninh (trùm Công-An Mật-Vụ) cho các chánh quyền thời quốc-trưởng bù nhìn Bảo Đại, bữa nọ đi kinh lý Cần-thơ, Nguyễn-văn-Tâm đã làm một bài thơ « Tào-Tháo tự thuật » theo thể luật Đường sau :

*Đất nước cơ trời khiến rẽ ba,  
Nghiêng vai nhóm thử gánh sơn hà.  
Cáo cầy chi xá Viên cùng Lữ  
Hào kiệt ai bằng Bị với ta  
Dũng dám vào dinh đâm Đồng-Trác.  
Nhân đành mở ải thả Quan gia.  
Người đời chê Tháo là tôi nịnh,  
Tôi nịnh như ông mấy mặt mà !...*

Bài thơ này của Tâm cũng đủ luật, và Tâm đã lên mặt kiêu ngạo tự ví mình với ai hăn không cần nói, mọi người cũng dư biết dù chẳng phải là một nhà văn hay nhà thơ.

Vì thế, một thi-nhân khác ở đương thời là Lãng-Ba đã viết bài họa lại :

*Mưu đồ vương nghiệp phải bôn ba.  
Phạt bắc chinh đông chẳng nại hà.  
Tiên bội diệt Tiên an dạ chúng  
Hán hèn phũ Hán toại lòng ta.  
Thất điền Vị thủy khen tài Mã  
Bát đảo Huê-dung phục kế gia  
Thời loạn kể gì trung với nịnh,  
Được vua, thua giặc lạ chi mà !*

Ngụ ý ông Lãng-Ba cho Tâm là một kẻ ba hoa khoác lác, tàn dân hại nước, phản bạn lừa thầy như Lữ-Bố, cần phải diệt

trừ cho yên lòng trăm họ, không thể tha thứ, còn cái « ông » Quốc-trưởng của y cũng hèn hạ, nên phế đi như Hán Hiến-đế xưa là xong.

Câu chuyện thơ này nghĩ ra cũng thật cay đắng cho con người bán nước của Tâm. Nhưng kẻ đã như Tâm, hỏi còn gì liêm-sĩ, còn gì nhân phẩm, nhân cách, và còn gì mà biết ?...

Tục truyền, chính cũng vì thế, năm 1952, Tâm được Bảo-Đại và thực dân Pháp phong làm Thủ-tướng, khi ra kinh-lý Hà-nội, các nhân sĩ Bắc-hà có tặng một bức hoành phi sơn son thếp vàng viết bốn chữ « Đại điểm quần thần » 大點君臣 có nghĩa là một người bày tôi lớn nhất, ở điểm nhất, tức Thủ-tướng, nhưng « đại » nghĩa là to, « điểm » là chấm, « quần thần » là bày tôi, cả câu có nghĩa là « chấm to bày tôi » đọc lái thành ra « chó Tâm bồi Tây », thế là chửi xéo, chứ không phải là mừng.

Câu này kể cũng đắt giá, song giả sử có thật thì lại lấy ý từ câu « vạn lý quần thần » 萬里君臣 của đồng-bào Hà-tĩnh mừng Hoàng-Cao-Khải khi ăn khao quận-công. Vạn lý quần thần có nghĩa là « muôn dặm bày tôi » nhưng đọc lái là « muôn dặm bồi Tây » ý nói họ Hoàng bỏ xứ đi xa muôn dặm ra Hà-nội tướng làm gì, té ra làm tay sai cho Pháp. Do đó bốn chữ đại tự này phải nhường chiếu cho bốn chữ của nhân sĩ miền Nam.

Cũng khi làm Thủ-tướng, vào lúc đồng-bào mừng xuân đón Tết, một số nhân sĩ ở Saigon-Chợ-lớn có kính biếu Thủ-tướng một bức đại tự bằng vóc đào Thượng-hải, xung quanh thêu long ly quy phụng bằng kim tuyến rất đẹp. Còn giữa là

bốn chữ : « HỒ HẢI QUY TÂM » 湖海歸心

Bốn chữ cũng thêu bằng kim tuyến, thành thữ treo lên lóng lánh như vàng tỏa khắp nhà.

Lời văn rất gọn, chữ viết rất đanh, ý nghĩa lại rất hay. Nguyễn-văn-Tâm thích lắm. Người học Nho trông thấy ai cũng phải khen, vì nó có nghĩa : « năm hồ bốn biển, chỗ nào cũng thuộc tâm » hay nói cách khác cũng có nghĩa « người có tài đức để thu phục nhân tâm ở khắp thiên hạ » hay « cả thiên hạ đều dốc tâm theo về ». Đặc biệt chữ « Tâm » ở đây lại là « quý danh » của con người được mừng. Như thế, còn gì giá trị bằng, còn gì đáng để truyền tử di tôn hơn !

Kẻ thuật lại chuyện này, lúc đó cũng nghĩ vậy và không khỏi trách những ai đó sao lại viết những chữ ấy để mừng cái ngài Thủ-tướng ấy. Nhưng sau được một nhà Nho cắt nghĩa, mới biết bốn chữ ấy không phải để mừng, trái lại là cả bản án kết tội một đời Nguyễn-văn-Tâm. Chính nghĩa của nó không phải như trên, mà gốc ở trong câu nói của nhà sư Từ-đạo-Hạnh đời Lý nói với nhà sư Nguyễn-Minh-Không :

*Hồ hải tích ác đồng quy vu tâm.*

湖海積惡同歸于心

Nghĩa là : Tội ác ở năm hồ bốn biển, đâu đâu cũng do cái tâm mình.

Như thế ở đây, bốn chữ « Hồ hải quy tâm » có nghĩa là : Tội ác đầy dẫy khắp năm hồ bốn biển, chỗ nào cũng đều do tên Tâm hết thảy.

Nghe nói, lời giải thích này sau đến tai Thủ-tướng

Nguyễn-văn-Tâm. Thủ-tướng cả giận, cho hạ xuống xé ra lập tức, và xuống lệnh cho công-an mật-vụ truy tìm kẻ viết. Nhưng tội nghiệp cho ngài, bức đại tự lạc khoản chỉ để một nhóm nhân sĩ, không có tên họ người nào cả.

Và mặc dù ngài xé đi thì xé, bốn chữ « Hồ Hải Quy Tâm » vẫn còn trên đời này mãi mãi để truyền bia miệng cho ngài cùng những kẻ như ngài.

Thật, đại tự mà viết đến thế mới thật bí hiểm và giá trị, mới là những lát búa của tòa án dư luận quay thẳng vào mặt những kẻ đã chất chứa trong đời không biết cơ man nào tội lỗi xấu xa mà cứ « gái đĩ già mồm » muốn cho người ta phải ca ngợi tăng bốc.

Chưa mạnh, cũng như chưa phải tích cực, nhưng đây cũng là việc làm đáng khen của những người trí thức ở trước một giai đoạn lịch sử, những trí thức đứng đắn gần sát dưới danh từ của nó, không phải của những kẻ chỉ phết sơn, mạ kền bằng các văn bằng nọ, chức vụ kia, để hể nghe đâu động mâm bát thì nhảy xổ ngay vào như lũ kên kên ở trước cái thầy ma con chuột.

*Hỡi các ông bà trí thức « kên kên » !*

*Hỡi những kẻ thầy ma con chuột !*

Kẻ viết bài này xin mạn phép được tặng các ngài giai thoại văn chương trên, và hy-vọng được mừng thấy các ngài không còn hụp lặn ở dưới ao hèm như bấy lâu nay nữa, nhất là toàn dân đã vùng dậy, đã thức tỉnh lâu rồi mà trong số các ngài lại còn lằm gã tồi tệ hơn Nguyễn-văn-Tâm xưa.

# THI GIA HỒ-BIỂU-CHÁNH

Nói đến ông Hồ-Biểu-Chánh (tức đốc phủ Hồ-văn-Trung người huyện Gò-công, tỉnh Định-tường) hẳn nhiên không mấy ai không biết là một nhà tiểu thuyết trong Nam được nhiều người biết đến, và hiện đang tiếp tục một cuộc sống phong lưu gồm đủ cả năm phúc : Phú quý thọ khang ninh.

Về phú, ông đã có xe hơi biệt thự từ lâu, không phải vất vả lẫn lộn, chết dở sống dở như nhiều nhà văn nhà thơ khác.

Về quý, ông đã làm quan thời thuộc Pháp đến chức đốc phủ sứ và được nhà nước bảo hộ ân thưởng cho Bắc đẩu bội tinh.

Về thọ, năm nay ông đã hưởng được tuổi trời đến gần số bảy mươi.

Về khang, ông đã được các con các cháu để làm nên tất cả, so với thiên hạ, chẳng kém gì bao nhiêu.

Về ninh, từ trước đến nay, ông vẫn sống một cảnh sống thích thú, bình yên, không bị một mảy may nào rắc rối dù thế cuộc đã nhiều phen sóng gió, kinh động cả toàn dân toàn quốc.

Hiện nay ông đã xếp bút để dưỡng lão ở một biệt thự thuộc ngoại ô Saigon. Các nhà cầm bút ở đây đã nói khá nhiều về ông trên các báo. Nào thân thế, nào công danh nào sự nghiệp. Song đại để, phần biết rõ và nêu ra hơn hết chỉ chú trọng đến ông là một tiểu thuyết gia như tiểu thuyết gia Lê-văn-Trương. Phải nói là còn sơ sót lắm, vì quá trình, ông



Hồ-Biểu-Chánh chẳng những là một tiểu thuyết gia, mà còn là một thi gia, một chánh trị gia nữa.

Theo lời ông Thường-Tiên Lê-Quang-Nhơn, một nhà thơ lão thành ở trong Nam, bạn thân của ông Hồ, hiện nay đã ngoài 70 tuổi, thì trước đây ông Hồ cũng thích làm thơ và thích chính-trị lắm.

Vì thích chính trị nên thời còn mồ ma giặc Pháp ông thường giao du và đàm luận với các cụ Trần-Chánh-Chiếu, Thượng Tân-Thị, Đặng-Thúc-Liêng là những nhà tai mắt cổ động cho phong trào Đông du ở Đồng-nai, Bến-nghé. Đầu năm 1946 chính phủ Nam-kỳ tự trị của bác sĩ Nguyễn-Văn-Thinh ra đời, chủ trương thuyết Nam, Bắc phân ly, ông Hồ đã hợp tác một cách đặc lực. Ông giữ nhiệm vụ Đồng-lý Văn-phòng phủ Thủ-tướng và chính ông là người chủ trương lấy đoạn đầu bản dịch Chinh Phụ Ngâm của bà Đoàn Thị Điểm làm bản quốc ca Nam-Kỳ-Quốc :

*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi,  
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên,  
Xanh kia thăm thẳm từng trên,  
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này.  
Trống tràng thành lung lay bóng nguyệt,  
Khói Cam-tuyền mờ mịt thức mây,  
Chín lần gươm báu trao tay,  
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh.  
Nước thanh bình ba trăm năm cũ,  
Áo nhung trao quan Vũ từ đây,  
Sứ trời sớm giục đường mây,  
Phép công là trọng niềm tây sá nào...*

Nhưng tiếc thay ở ông, cung chính trị lại không được phát đạt như những cung tiểu thuyết, tiền tài, quan lộc và tử tức, nên không bao lâu Thủ-tướng Nguyễn-văn-Thinh thắt cổ. Từ đó trở đi, có lẽ trên đường chính trị không còn ai tri kỷ, nên ông Hồ lại trở về cuộc đời của một tiểu thuyết gia. Cây đòn có nhiều dây nhiều phím, nhưng than ôi ! Chung-Tử-Kỳ đã chết, thì Bá-Nha có gảy cũng chỉ là những tiếng ngân ngơ, thiên hạ còn ai nghe được, thưởng thức được nữa đâu !

Trong khi nói chuyện với tôi, ông Thường-Tiên Lê-Quang-Nhơn cho biết, khi ra hợp tác với ông Thịnh, ông Hồ có sai người đi mời ông về, ông cương quyết không chịu mặc dù cũng là bạn học với cả ông Thịnh nữa. Vì thế trong thời gian này giữa ông Lê-Quang-Nhơn, và hai ông Hồ-Biểu-Chánh, Nguyễn-văn-Thinh đã trở thành hai trận tuyến đối nghịch. Cũng vì thế khi được tin ông Thịnh bất đắc kỳ tử, ông Nhơn mới làm một bài thơ để khóc một bạn, trách một bạn, khóc một bạn là ông Nguyễn-văn-Thinh, và trách một bạn là ông Hồ-Biểu-Chánh. Nguyên văn bài thơ ấy như sau :

*Nghe tin dường sấm nổ vang trời,  
Chia rẽ ai bày thuyết máu rơi.  
Khóc bạn cố tri trong nghịch cảnh,  
Trách người « biểu chánh » chẳng thông thời.  
Vườn xưa<sup>36</sup> thống nhất gương rành rạnh,  
Đại Việt<sup>37</sup> phân ly khéo đổi dời.  
Thăm thẳm đêm đông buồn gạt lệ,  
Việc nhà việc nước thấy vơi vơi.*

Ngược dòng thời gian, cách việc trên đây ba tháng trước,

trong khi kết đoàn cùng thủy sư đô đốc D'argenlieu vượt chiến thuyền ra biển hóng mát, ông Hồ-Biểu-Chánh có tức cảnh làm một bài thơ Đường luật :

*Chiến thuyền vượt biển gió hiu hiu.  
Cùng bạn hoang mang luận đủ điều.  
Trước mặt nước xanh phơi chí cả,  
Quanh mình sóng bạc giỡn trời chiều.  
Thị phi cười trẻ giành khôn dại,  
Nhân nghĩa riêng ta gởi ít nhiều.  
Quê cũ trông vời còn lý thú,  
Tấm lòng thơ thái trí tiêu diêu.*

Đọc bài thơ này, chúng ta đủ rõ lòng ông Hồ lúc đó phơi phới đến chừng nào, lời thơ nhẹ nhàng, ý thơ tỏ ra người có hăng hái với bước đường công danh sự nghiệp mà người đã nặng tình theo đuổi bao năm nay và nay thì thật là phí nguyện.

Bài thơ này không biết Hồ thi sĩ có đăng trên báo không. Nhưng khá có tiếng dội trong thi đàn văn giới và ngay đến cả chỗ quê hương ông nữa, nên khi ấy có ông Lương-Trí ở Gò công họa lại :

*Nhà quê tình cảnh luống buồn hiu,  
Ngồi nghĩ vu vơ nghĩ lắm điều.  
Đồng cháy đã kinh cơn nắng sớm,  
Cây khô khôn đợi đám mây chiều.  
Ấm no vui vẻ điềm còn ít,  
Rách rưới lắm than thấy đã nhiều.  
Cùng sống chung nhau trong xứ sở,*

*Riêng mình không nỡ tự tiêu diêu.*

Một ông nữa là V.T. cũng người Gò-công với ông Hồ cũng họa :

*Sẵn đã quen mùi cảnh quạnh hiu,  
Biết chi sự thế khó trăm điều.  
Độc thơ giải trí vui trà sớm,  
Cày ruộng an nhàn thưởng rượu chiều.  
Vụng dại thị phi mai mĩa ít ;  
Khéo khôn ân oán tiếng tăm nhiều.  
Xét mình đức kém thêm tài mọn.  
Nào dám mong gì chuyện viễn diêu...*

Chúng ta nên biết ông Lương-Tri và ông V.T. trên này tuy là những người đồng hương với ông Hồ, nhưng nhỏ tuổi hơn và cả hai chỉ là thường dân thôi, chứ không chức cao quyền trọng gì. Lời thơ của hai ông tuy không mạnh, nhưng về lý tưởng đã bộc lộ ra một cách khá rõ rệt là không cùng hội cùng thuyền với ông Hồ.

Và sau đây là những bài họa lại của ông Thường-Tiên Lê-Quang-Nhơn, một nhà thơ lão thành ở miền Nam, bạn học của ông Hồ như trên kia đã nói :

*Độc bài vượt biển dạ buồn hiu,  
Trong lúc giang sơn rối lăm điều.  
Vui vẻ một mình xem cảnh lịch,  
Thở than muôn trẻ giẫm mưa chiều.  
Dại khôn ai dám khoe rằng trọn,  
Nhân nghĩa suy ra thấy có nhiều.  
Đất cũ quê xưa trời ấm ủ,*

*Lòng nào thơ thái trí tiêu diêu...*

Họa xong, ông Thường-Tiên còn làm thêm bài nữa cũng theo thể Đường luật để đáp lại ông Hồ :

*Nghe vắng ai kia vượt chiến thuyền,  
Vây đoàn tận hưởng cảnh thần tiên.  
Mảng gần cửa tượng thân vinh hiển,  
Quên phút nhà mình vách ngửa nghiêng.  
Đã vậy còn khoe người đạo nghĩa,  
Lại còn dám biếm trẻ khùng điên.  
Uổng đời đã trọn danh liêm sỉ,  
Sao nỡ buông câu bãi thấp hèn ?*

Theo lời các thi nhân lão thành ở trong Nam kể lại, trong quá khứ ông Hồ-Biểu-Chánh cũng làm nhiều thơ lắm. Song câu chuyện thơ trên đây là đặc biệt hơn hết cả về đường chánh trị và đường thơ của ông.

Vì vậy xin viết ra đây để hiến quý bạn đọc, và xin nói tóm tắt rằng đây cũng là một tài liệu cho các bạn nào muốn tìm tòi, nghiên cứu về toàn bộ thân thế sự nghiệp của ông Hồ để định lại giá trị về ông cũng như để xếp cho ông một chỗ ngồi xứng đáng cả về tài lẫn đức ở trong làng văn này để còn làm gương cho những nhà thơ nhà văn khác và đám người hậu tiến nói chung.

# LỜI BẠT

*Trên thế giới, bất cứ nước văn minh nào, các giai thoại văn chương cũng được liệt kê là các chuyện lý thú để giúp cho sự sinh hoạt về tinh thần của con người được vui vẻ và khởi sắc thêm lên.*

*Nước Việt-Nam ta cũng thế, và là một nước văn hiến lâu đời, nên số giai thoại văn chương chứa lại từ đời này sang đời khác, không biết đến bao nhiêu mà kể. Tuy nhiên, người có ý thức, để viết lên và viết có ý thức, phải nói soạn giả tập này là cây bút đầu tiên, đặc biệt soạn giả lại là cây bút thuộc phái tân học. Tân học mà viết những giai thoại đa số về các nhà cựu học thì cũng đáng để cho chúng ta phải lưu ý và các nhà cựu học phải lưu ý đến vậy.*

*Thành thật mà nói, thì riêng cá nhân tôi, đối với những giai thoại văn chương nước nhà, từ lâu lắm, tôi đã được nghe rất nhiều bậc tiền bối kể lại. Tôi đã ghi chép và đã nhiều lần muốn viết lên thành bài để cống hiến cho đời, nhưng lại phải thôi, vì nghe thì thấy dễ, mà khi viết lên thì thấy là cả một vấn đề...*

*Bởi vậy, nay đọc tập « GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM » này, tôi không thể không tỏ cảm tình với soạn giả, mặc dù tập này chỉ là một tập ghi lại một thiếu số nào thôi. Một thiếu số nhưng cái khác của soạn giả trong cách diễn tả với nhiều ý kiến làm cho nhiều người đọc phải suy ngẫm rất nhiều...*

*Cổ nhân nói :*

*Ta hồ văn chương chi sự, thốn tâm thiên cổ !*

*嗟乎文章之事寸心千古*

*Nghĩa là « than ôi, cái việc văn chương, tắc lòng muôn đời ».*

*Lời nói ấy, đem ra để xét có lẽ cũng đúng với tâm sự của soạn giả phần nào, mà đó cũng là cái tâm sự chung của những cây bút còn có tâm sự ở trước tình cảnh của đất nước hôm nay...*

*Vì thế, phải nói tập « GIAI THOẠI VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM » này là một quyển sách có giá trị trên đàn văn trện bút.*

*Và cũng vì thế, kẻ lão phu xin viết mấy lời bạt để trao duyên cùng soạn giả đồng thời cũng để gửi đến chư vị độc giả, và xin có mấy câu để làm lời kết luận :*

*Thế gian vô giá ấy văn chương,*

*Người thế đừng ra dạ thế thường.*

*Ngẫm chuyện đời nay qua chuyện trước,*

*Than ôi bao kẻ ngẫm mà thương !...*

**Saigon, tháng trong Xuân năm Mậu Tuất 1958**

**Giáo-Sư PHẠM NGỌC KHUÊ**





# Notes

[ ← 1 ]

Chữ Tự, bỏ nét đằng đầu thì còn là chữ Tử.

[ ← 2 ]

Chữ Vu, bỏ nét ngang lưng thì còn là chữ Đinh.

[ ← 3 ]

Cái khéo ở chỗ lấy chữ « mỹ mục miện hễ » để đối với « cúc cung như dã » là những chữ liền trong kinh sách.

[ ← 4 ]

Ý nói sao đem sách của Thánh hiền vào chỗ buông the như vậy.

[ ← 5 ]

Khổng-Tử ngày xưa thường nằm mộng thấy ông Chu-Công (ý nói muốn cầm quyền chính thiên hạ).

[ ← 6 ]

Người cuối nhà Thương, khi nhà Thương mất, Bá-Di và Thúc-Tề không chịu theo nhà Chu, lên núi Thú-Dương ở ẩn, hái rau vi ăn rồi chết ở đó.

[ ← 7 ]

Ông Tây-Bá (tức Văn Vương nhà Chu) cai trị đất Kỳ-sơn (Tây-kỳ).

[ ← 8 ]

Đức hóa lưu hành tự phương tây (Tây kỳ) lan khắp đi các phương đông nam bắc. Công thành tựu ở đất Cảo (tức Cảo kinh, kinh đô nhà Chu) là do cổng mở ra từ trước ở đất Mân, đất Kỳ, đất Phong. (Ý nói đức hóa và công khai sáng của Văn Vương (nhà Chu). Lệ xưa, các thí sinh làm bài, chữ viết liền một mạch chỗ không được chấm câu.



[ ← 9 ]

Răng bầu là răng trắng như hạt bầu, chỉ người Trung-quốc (vì lúc đó người Trung-quốc đều răng trắng, còn người Việt hãy còn tục nhuộm răng).

[ ← 10 ]

Cạo đầu cũng là chỉ người Trung-quốc (vì lúc đó còn cạo đầu dóc bím).

[ ← 11 ]

Phun và Phung, tiếng trong Nam đều đọc một âm... Phung.

[ ← 12 ]

Người thiếu nữ ở trước sân thấy cây cau động. Hai chữ « Tân Lang » là cây cau, nhưng lại có nghĩa là một anh chàng trai mới tới (dùng âm).

[ ← 13 ]

Song tâm là hai lòng.

[ ← 14 ]

Tam sắc là ba màu xanh, trắng, đỏ (cờ Pháp).

[ ← 15 ]

Chữ Đình có nhiều chữ : đình là dừng, đình là thôi, đình là sét, đình là nóc.

[ ← 16 ]

Chữ Võ có nhiều chữ : võ là mạnh, vũ là múa, vũ là mưa, vũ là lông. Trạng Quỳnh xưa làm câu này để giễu quan võ, và đối với câu giễu quan thị : *thị vào hầu, thị đứng thị coi, thị muốn ấy, thị không có cậ* (thị là hầu, thị là coi, thị là ấy, thị là cậ).



[ ← 17 ]

Quarante et un.

[ ← 18]

Quatorze vingt et un.

[ ← 19]

L'élève maison d'eau beaucoup tête boeuf (tiếng Tây bồi).

[ ← 20 ]

Chữ Tây cũng có người đọc là « Tê ».

[ ← 21 ]

Long hầu là cổ con rồng. Khuyến môn là đít chó. Sở dĩ có câu này là vì ông Bộ ấy thường khoe nhà ông có ngôi mộ tổ phát nhờ thầy địa lý để cho vào chỗ đất có hình như cổ họng con rồng.

[ ← 22 ]

Sứ đường là Tòa Công-Sứ (Residence) tức dinh quan đầu tỉnh Pháp ở các tỉnh Bắc-Kỳ, Trung-Kỳ trong thời Pháp bảo hộ.

[ ← 23 ]  
*Kim-Trọng*

[ ← 24 ]  
*Đạm-Tiên*



[ ← 25]  
*Từ-Hải*

[ ← 26 ]

Khôn khôn là tiếng gọi chó. Có bản chép : « Thằng cha phủ Vĩnh thế mà thâm ».

[ ← 27 ]

Có bản chép : « Qua bển Ninh sa ghé cồng đằm. »

[ ← 28 ]

Cứng cánh tay.

[ ← 29 ]

Tức là mẹ (tiếng miền Vĩnh Phúc-Yên)

[ ← 30 ]

Có bản chép : « Gặp bác phủ Hoài (phủ Hoài-Đức) người một hội ».

[ ← 31 ]

Chỉ viên Tuần-phủ tỉnh Hà-nam.

[ ← 32 ]

Chỉ tên Chó Má Lợn.



[ ← 33 ]

Tức Tiến-sĩ Từ-Đạm, cựu Tuần-phủ Ninh-bình.

[ ← 34 ]

Nguy khoa là đề cao.

[ ← 35 ]

Hiện hoạn là làm quan to.

[ ← 36 ]

Hai tờ báo của ông Hồ-Biểu-Chánh xuất bản thời Pháp thuộc.

[ ← 37 ]

Hai tờ báo của ông Hồ-Biểu-Chánh xuất bản thời Pháp thuộc.